



Họ và tên:

Lớp: 3.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 1 – MÔN TOÁN

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Số chẵn lớn nhất có 3 chữ số là:

A. 900

B. 998

C. 888

2. Hình vẽ bên có:

A. 3 đoạn thẳng

B. 4 đoạn thẳng

C. 6 đoạn thẳng

3. Tìm x biết: $x + 54 = 100$

A. $x = 54$

B. $x = 46$

C. $x = 45$

4. Tìm một số biết hiệu của số đó với số 100 là 220:

A. 320

B. 120

C. 220

5. Số 650 gồm:

A. 6 trăm và 5 chục

B. 6 chục và 5 chục

C. 600 trăm và 50

chục

6. Có 7 lọ hoa, mỗi lọ cắm 6 bông. Hỏi có tất cả bao nhiêu bông hoa?

A. 36 bông hoa

B. 42 bông hoa

C. 48 bông hoa

7. Có thể thay tổng: $3 + 3 + 3 + 3$ thành tích nào sau đây?

A. 3×3

B. 3×4

C. 4×3

8.* Tìm x biết: $40 : x = 4 \times 8 + 4 \times 2$

A. $x = 8$

B. $x = 0$

C. $x = 4$

II. Tự luận

Bài 1: Viết vào chỗ chấm:

Đọc số	Viết số
Năm trăm bảy mươi mốt	
.....	805
Một trăm mười	
.....	404
Sáu trăm năm mươi	

Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$356 + 125$

$415 + 307$

$578 - 125$

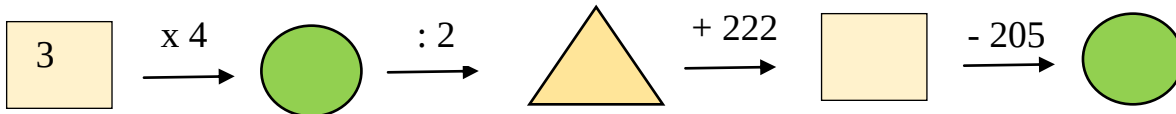
$478 - 247$

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ trống:**Bài 4: Cho 3 chữ số: 7; 8; 9**

a) Hãy viết các số có 3 chữ số khác nhau, mỗi số có đủ 3 chữ số đó cho:

.....

b) Số lớn nhất trong các số trên là :

c) Số nhỏ nhất trong các số trên là :

d) Hiệu của số lớn nhất và số nhỏ nhất là :

Bài 5: Tính độ dài đường gấp khúc có số đo độ dài các cạnh lần lượt là: 20cm, 35dm, 22dm:

.....

.....

.....

.....



Bài 6: Một câu lạc bộ năng khiếu có 55 bạn học múa, 20 bạn học vẽ, số bạn học đàn nhiều hơn số bạn học học vẽ là 15 bạn. Hỏi câu lạc bộ năng khiếu có tất cả bao nhiêu bạn?

.....

.....

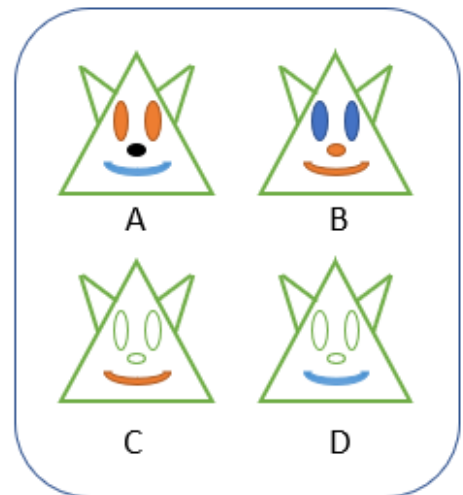
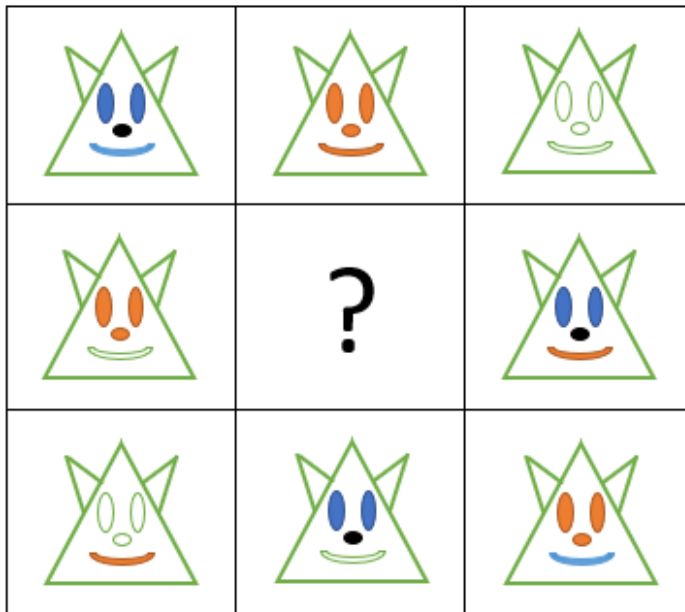
.....

.....

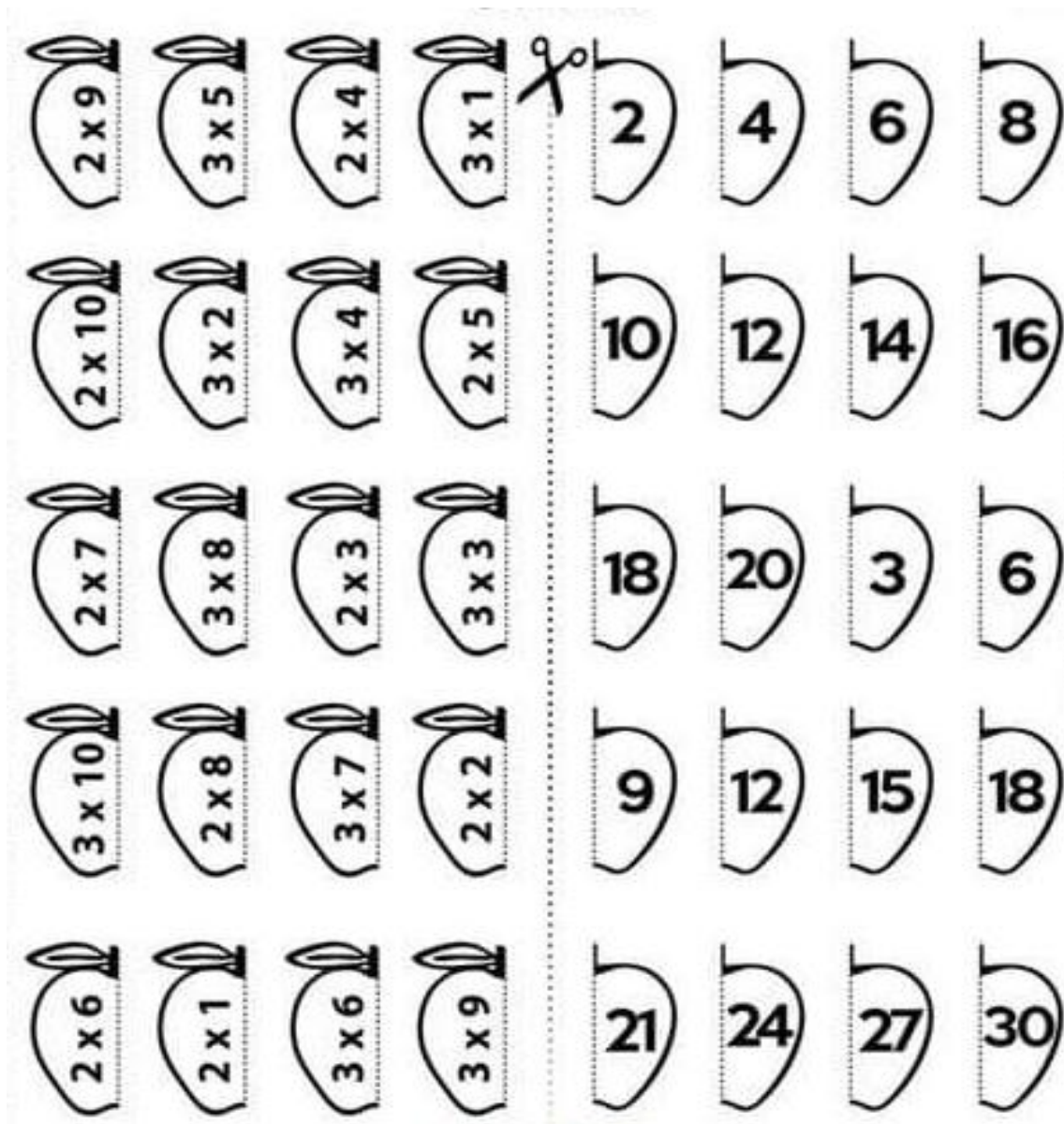
.....

.....

Bài 7: Challenge: Khoanh vào đáp án đúng:



Bài 8: Toán vui: Hãy tìm nửa quả táo có chứa kết quả để ghép với nửa quả táo có chứa phép tính, cắt, ghép rồi tô màu thành quả táo hoàn chỉnh.



Họ và tên:

Lớp: 3.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 2 – MÔN TOÁN

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Số tự nhiên a gồm mấy chữ số, biết rằng a có chữ số hàng cao nhất là hàng nghìn?

A. Gồm 3 chữ số

B. Gồm 4 chữ số

C. Gồm 5 chữ số

2. Một hình tam giác có ba cạnh đều có độ dài là 200cm. Chu vi hình tam giác đó là:

A. 400cm

B. 6m

C. 60cm

3. Biểu thức: $10 \times 5 + 10$ có kết quả là bao nhiêu?

A. 60

B. 150

C. 70

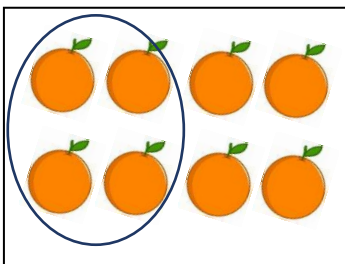
4. $x : 4 = 10$, x là:

A. Số chia

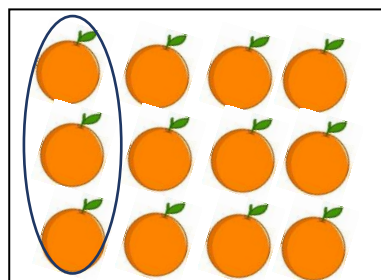
B. Thương

C. Số bị chia

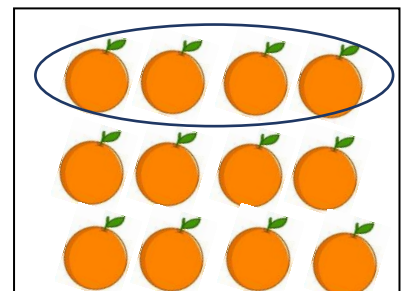
5. Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{3}$ số quả cam?



A



B



C

6. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm: $4 \times 5 < 4 \times 4 + 4 \times \dots$ là:

A. 1

B. 2

C. 0

7. Số trừ là bao nhiêu biết rằng số bị trừ là 352 và hiệu là 338?

A. 14

B. 790

C. 24

8. Tìm số bị trừ biết số trừ là 620 và hiệu là 380

A. 340

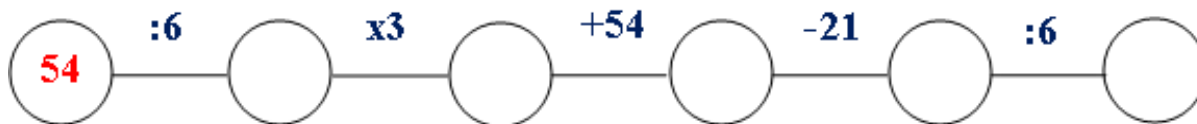
B. 1000

C. 440



II. Tự luận:

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ trống:



Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$$245 - 128$$

$$578 - 229$$

$$711 - 305$$

$$546 - 437$$

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện :

a) $435 + 360 + 565 + 140$

b) $1 + 2 + 3 + 4 + \dots + 9$

Bài 4: Nối hai phép tính ở hàng trên và hàng dưới có cùng kết quả với nhau:

$$16 : 2$$

$$28 : 4$$

$$4 \times 6$$

$$18 : 2$$

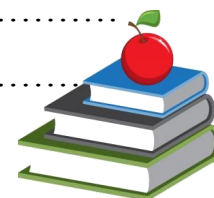
$$3 \times 3$$

$$21 : 3$$

$$12 + 12$$

$$24 : 3$$

Bài 5: Một quyển vở có 54 trang, hỏi 6 quyển vở như vậy có bao nhiêu trang?



Bài 6: Thử thách:

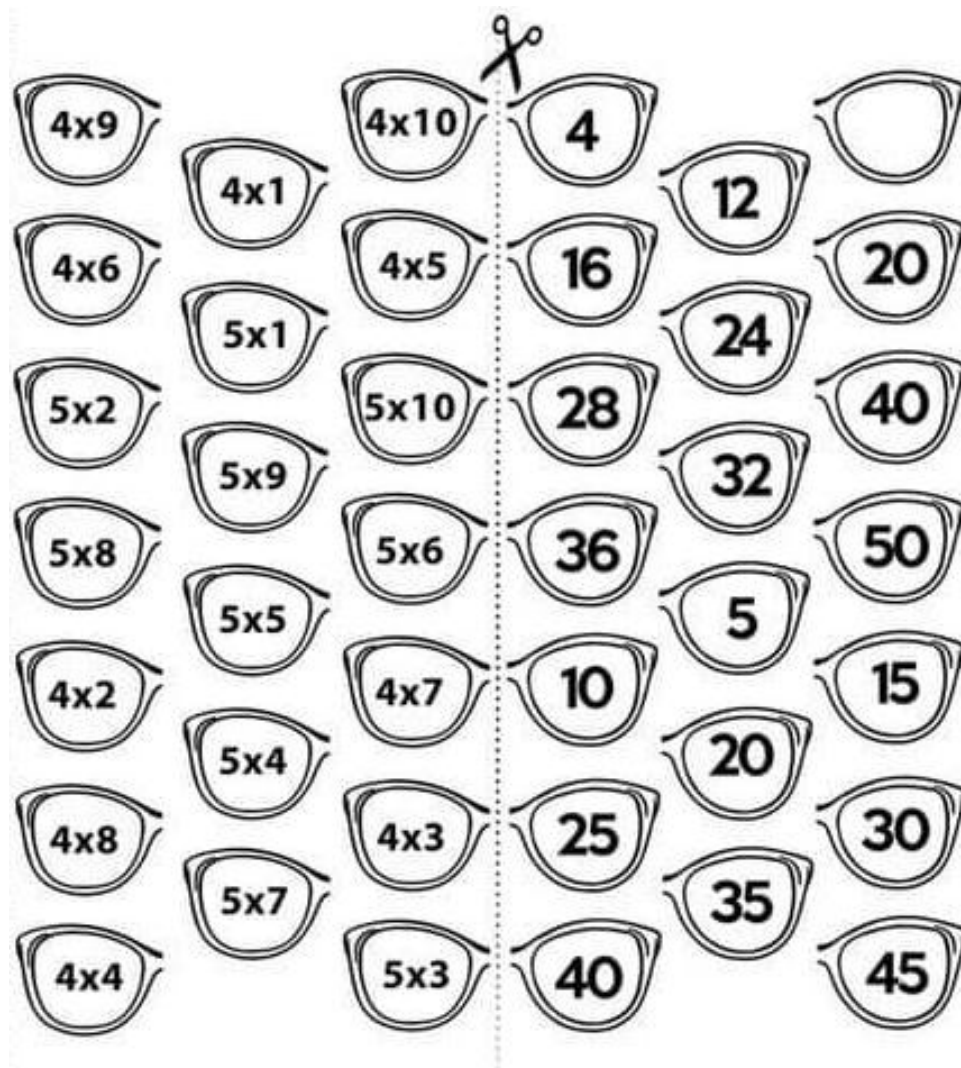
Tam giác ABC có chu vi là 58cm. Tổng độ dài cạnh BC và AC là 3dm. Tính độ dài cạnh AB của tam giác.

.....

.....

.....

Bài 7: Toán vui: Hãy tìm mắt kính có chứa kết quả để ghép với mắt kính có chứa phép tính, cắt rồi ghép thành một chiếc kính hoàn chỉnh.



ĐÁP ÁN TUẦN 2

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Số tự nhiên a gồm mấy chữ số, biết rằng a có chữ số hàng cao nhất là hàng nghìn?

A. Gồm 3 chữ số

☒ B. Gồm 4 chữ số

C. Gồm 5 chữ số

2. Một hình tam giác có ba cạnh đều có độ dài là 200cm. Chu vi hình tam giác đó là:

A. 400cm

☒ B. 6m

C. 60cm

3. Biểu thức: $10 \times 5 + 10$ có kết quả là bao nhiêu?

☒ A. 60

B. 150

C. 70

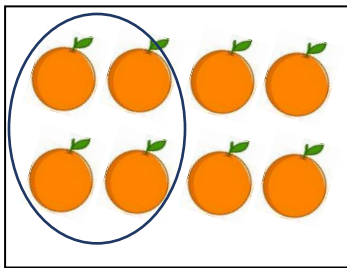
4. $x : 4 = 10$, x là:

A. Số chia

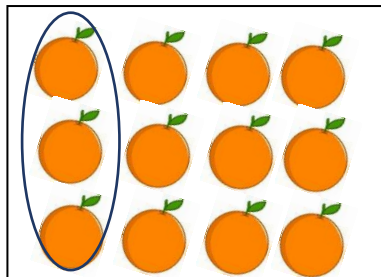
B. Thương

☒ C. Số bị chia

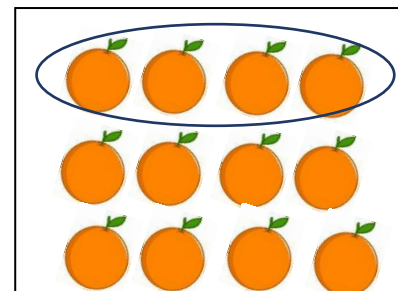
5. Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{3}$ số quả cam?



A



B



☒ C

6. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm: $4 \times 5 < 4 \times 4 + 4 \times \dots$ là:

A. 1

☒ B. 2

C. 0

7. Số trừ là bao nhiêu biết rằng số bị trừ là 352 và hiệu là 338?

☒ A. 14

B. 790

C. 24

8. Tìm số bị trừ biết số trừ là 620 và hiệu là 380

A. 340

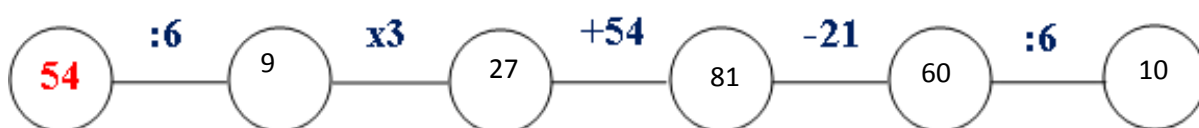
☒ B. 1000

C. 440



II. Tự luận:

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ trống:



Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 245 \\ - 128 \\ \hline = 117 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 578 \\ - 229 \\ \hline = 349 \end{array}$$

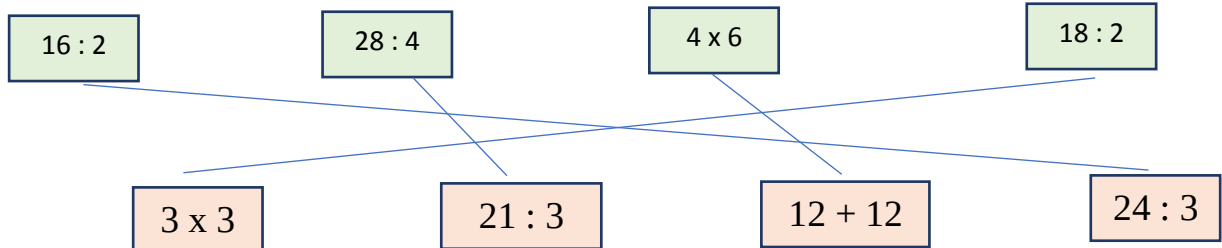
$$\begin{array}{r} 711 \\ - 305 \\ \hline = 406 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 546 \\ - 437 \\ \hline = 109 \end{array}$$

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất :

$$\begin{aligned} \text{a) } & 435 + 360 + 565 + 140 \\ &= (435 + 565) + (360 + 140) \\ &= 1000 + 500 \\ &= 1500 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & 1 + 2 + 3 + 4 + \dots + 9 \\ &= (1 + 9) + (2 + 8) + (3 + 7) + (4 + 6) + 5 \\ &= 10 + 10 + 10 + 10 + 5 \\ &= 45 \end{aligned}$$

Bài 4: Nối hai phép tính ở hàng trên và hàng dưới có cùng kết quả với nhau:**Bài 5: Một quyển vở có 54 trang, hỏi 6 quyển vở như vậy có bao nhiêu trang?**

Bài giải:

6 quyển vở như vậy có số trang là:

$$54 \times 6 = 324 \text{ (trang)}$$

Đáp số: 324 trang

**Bài 6: Thử thách:**

Tam giác ABC có chu vi là 58cm. Tổng độ dài cạnh BC và AC là 3dm. Tính độ dài cạnh AB của tam giác.

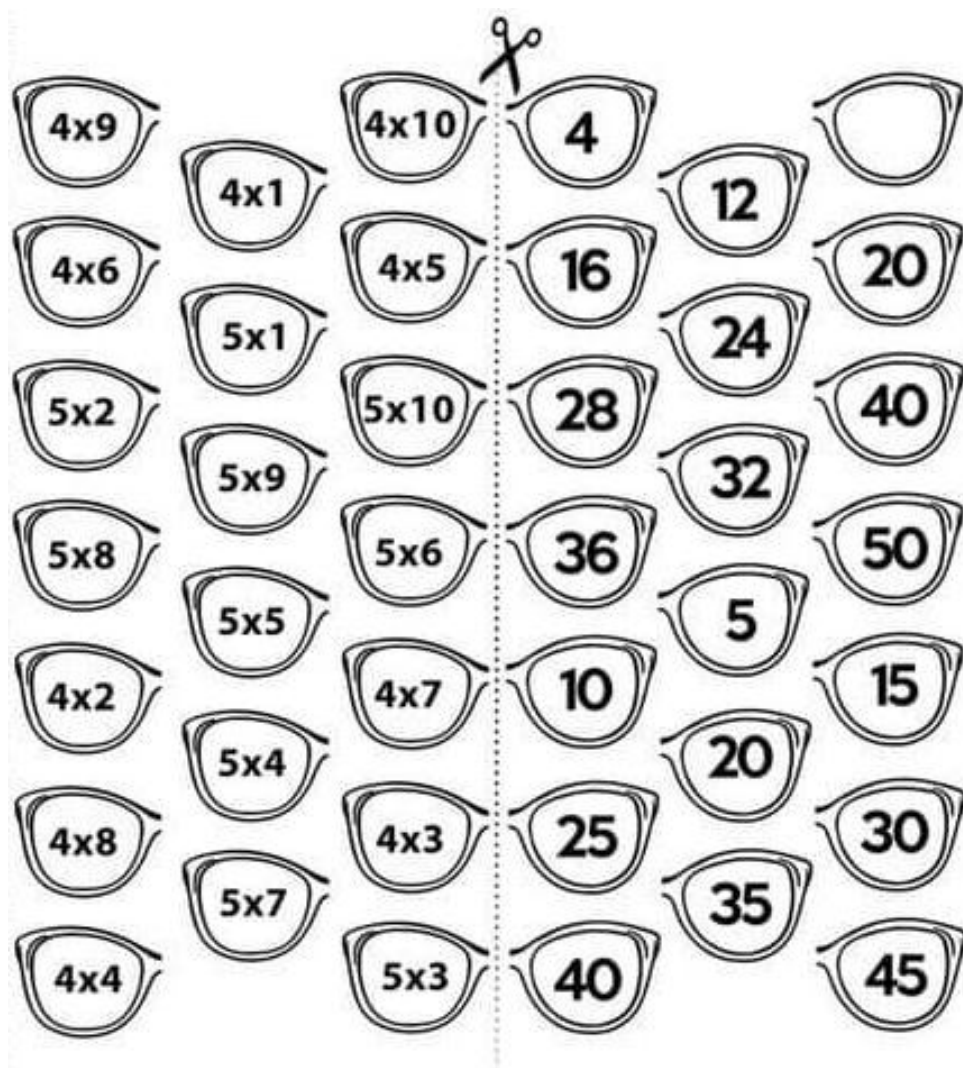
Bài giải: Đổi 3 dm = 30 cm

Độ dài cạnh AB là:

$$58 - 30 = 28 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 28 cm

Bài 7: Toán vui: Hãy tìm mắt kính có chứa kết quả để ghép với mắt kính có chứa phép tính, cắt rồi ghép thành một chiếc kính hoàn chỉnh.



Họ và tên:

Lớp: 3.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 3 – MÔN TOÁN

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Lan có 54 cái nhãn vở. Hằng có 48 cái nhãn vở. Hỏi Hằng có ít hơn Lan bao nhiêu nhãn vở?

- A. 16 B. 6 C. 102 D. 8

2. Hình chữ nhật là một hình có:

- A. 4 góc vuông và 4 cạnh bằng nhau
B. 4 góc vuông
C. 4 góc vuông và 4 cạnh có độ dài khác nhau
D. 1 góc vuông và hai cạnh đối diện bằng nhau

3. Tích của 1 chục và 4 là:

- A. 40 B. 400 C. 4 D. 20

4. Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm: $a \times 4 + a \times 3 \dots\dots\dots a \times 8$

- A. > B. < C. =

5. Đồng hồ chỉ 8 giờ 35 phút, tức là:

- A. 9 giờ kém 35 phút B. 9 giờ 25 phút
C. 9 giờ 35 phút D. 9 giờ kém 25 phút

6. Em nên ngủ đủ giấc mấy tiếng mỗi ngày?

- A. 20 tiếng B. 5 tiếng
C. 8 tiếng D. 15 tiếng

7. Đồng hồ chỉ mấy giờ?



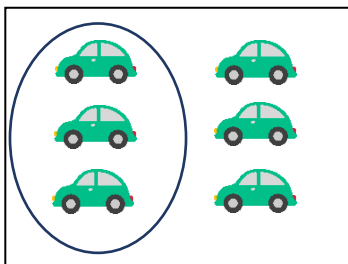
A. 11 giờ 25 phút

B. 23 giờ 20 phút

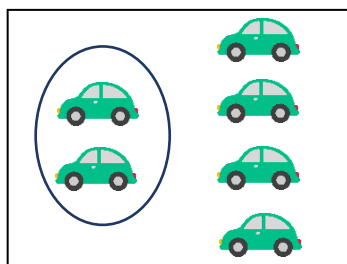
C. 22 giờ 20 phút

D. 12 giờ 20 phút

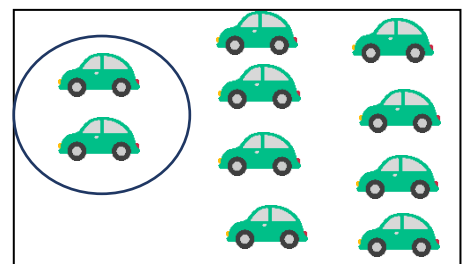
8. Đã khoanh vào một phần mấy số xe ô tô?



.....



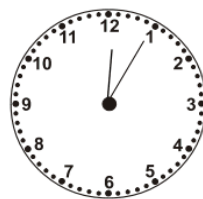
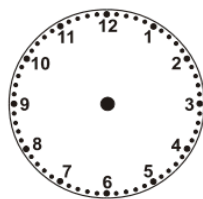
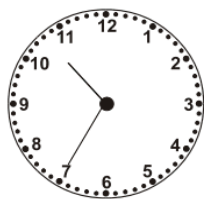
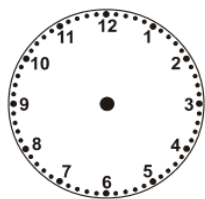
.....



.....

II. Tự luận:

Bài 1: Vẽ kim đồng hồ hoặc điền vào chỗ chấm cách đọc giờ thích hợp.



3 giờ 15 phút

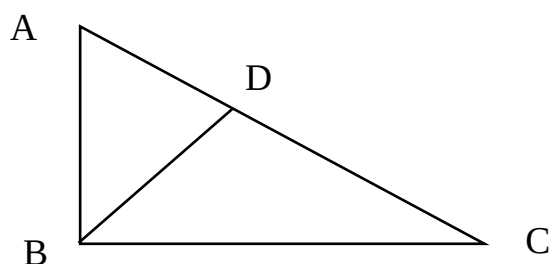
4 giờ rưỡi

Bài 2: Tìm y

a, $y \times 5 + 65 = 75$

b, $y : 4 \times 3 = 24$

Bài 3: Kẻ thêm một đoạn thẳng vào hình dưới đây để có 6 hình tam giác:



Đặt tên điểm và kẻ tên 6 hình tam giác đó:

Bài 5: Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải bài toán đó:

Tóm tắt:

Đội 1: 320 người

Đội 2 ít hơn đội 1: 18 người

Cả hai đội: ... người ?

Đề toán:

.....
.....
.....

Bài giải:

.....
.....
.....

Bài 6: Thử thách:

Tìm một số, biết rằng nếu số đó gấp lên 5 lần rồi cộng với 4 thì được 29.

.....
.....
.....

ĐÁP ÁN TUẦN 3

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Lan có 54 cái nhãn vở. Hằng có 48 cái nhãn vở. Hỏi Hằng có ít hơn Lan bao nhiêu nhãn vở?

- A. 16 ☒ B. 6 C. 102 D. 8

2. Hình chữ nhật là một hình có:

- ☒ A. 4 góc vuông và 4 cạnh bằng nhau
B. 4 góc vuông
C. 4 góc vuông và 4 cạnh có độ dài khác nhau
D. 1 góc vuông và hai cạnh đối diện bằng nhau

3. Tích của 1 chục và 4 là:

- ☒ A. 40 B. 400 C. 4 D. 20

4. Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm: $a \times 4 + a \times 3 \dots\dots\dots a \times 8$

- A. > ☒ B. < C. =

5. Đồng hồ chỉ 8 giờ 35 phút, tức là:

- A. 9 giờ kém 35 phút B. 9 giờ 25 phút
C. 9 giờ 35 phút ☒ D. 9 giờ kém 25 phút

6. Em nên ngủ đủ giấc mấy tiếng mỗi ngày?

- A. 20 tiếng B. 5 tiếng
☒ C. 8 tiếng D. 15 tiếng

7. Đồng hồ chỉ mấy giờ?

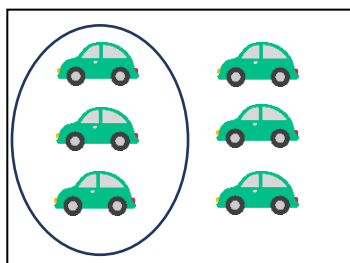
- A. 11 giờ 25 phút
☒ B. 23 giờ 20 phút



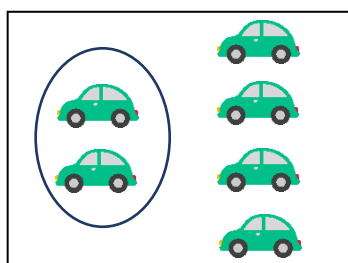
C. 22 giờ 20 phút

D. 12 giờ 20 phút

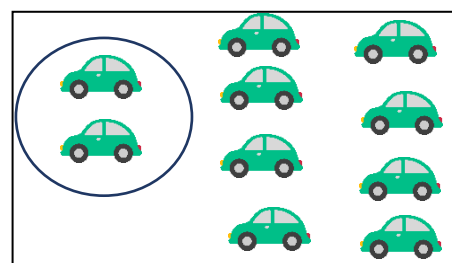
8. Đã khoanh vào một phần mấy số xe ô tô?



$\frac{1}{2}$



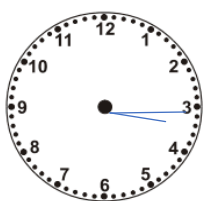
$\frac{1}{3}$



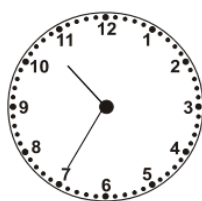
$\frac{1}{5}$

II. Tự luận:

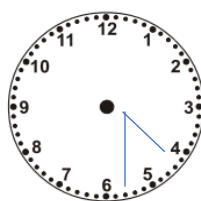
Bài 1: Vẽ kim đồng hồ hoặc điền vào chỗ chấm cách đọc giờ thích hợp.



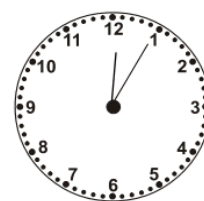
3 giờ 15 phút



11 giờ kém 25 phút



4 giờ rưỡi



12 giờ 5 phút

Bài 2: Tìm y

a, $y \times 5 + 65 = 75$

$y \times 5 = 75 - 65$

$y \times 5 = 10$

$y = 10 : 5$

$y = 2$

b, $y : 4 \times 3 = 24$

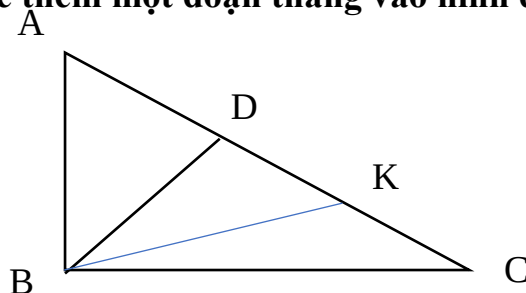
$y : 4 = 24 : 3$

$y : 4 = 8$

$y = 8 \times 4$

$y = 32$

Bài 3: Kẻ thêm một đoạn thẳng vào hình dưới đây để có 6 hình tam giác:



Đặt tên điểm và kể tên 6 hình tam giác đó: ABD, BDK, BKC, DBC, ABK, ABC

Bài 5: Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải bài toán đó:

Tóm tắt:

Đội 1: 320 người

Đội 2 ít hơn đội 1: 18 người

Cả hai đội: ... người ?

Đề toán:

Một công ty có hai đội sản xuất. Đội 1 có 320 người. Đội 2 có ít hơn đội 1 là 18 người.

Hỏi cả hai đội có tất cả bao nhiêu người?

Bài giải:

Đội 2 có số người là:

$$320 - 18 = 302 \text{ (người)}$$

Cả hai đội có số người là:

$$320 + 302 = 622 \text{ (người)}$$

Đáp số: 622 người

Bài 6: Thử thách:

Tìm một số, biết rằng nếu số đó gấp lên 5 lần rồi cộng với 4 thì được 29.

$$A \times 5 + 4 = 29$$

$$A \times 5 = 29 - 4$$

$$A \times 5 = 25$$

$$A = 5$$

Họ và tên:

Lớp: 3.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 4 – MÔN TOÁN

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Mai có 7 viên bi, Hồng có 15 viên bi. Hỏi Hồng phải cho Mai bao nhiêu viên bi để số bi của hai bạn bằng nhau.

- A. 3 viên B. 5 viên C. 4 viên D. 6 viên

2. Số nhỏ nhất có 4 chữ số là:

- A. 1011 B. 1001 C. 1000 D. 1111

3. Hiệu của số lớn nhất có bốn chữ số và số nhỏ nhất có ba chữ số là:

- A. 9899 B. 9999 C. 9888 D. 8888

4. Tìm một số biết rằng lấy số đó trừ đi 34 thì bằng 43 cộng với 58. Số cần tìm là:

- A. 101 B. 135 C. 67 D. 91

5. Biết $356a7 > 35679$ giá trị của a là:

- A. 0 B. 10 C. 7 D. 9

6. Viết tiếp 4 số vào dãy số sau:

a. 1000, 1500, 2000, 2500,

b. 2200, 2600, 3000, 3400,

7. Tích của 45 và 5 là:

- A. 205 B. 215 C. 225 D. 220

8. Tìm x biết $x : 6 = 36 + 54$

- A. 540 B. 54 C. 5400 D. 90

II. Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$34 \times 2$$

$$11 \times 6$$

$$43 \times 2$$

$$30 \times 6$$

.....
.....
.....

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức:

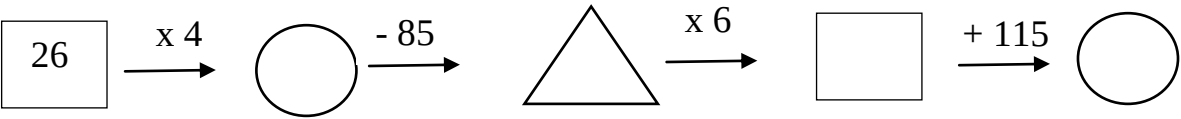
$55 \times 5 + 65$
.....
.....
.....

$20 \times 5 - 50$
.....
.....
.....

$28 \times 6 - 98$
.....
.....
.....

$42 \times 4 + 108$
.....
.....
.....

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



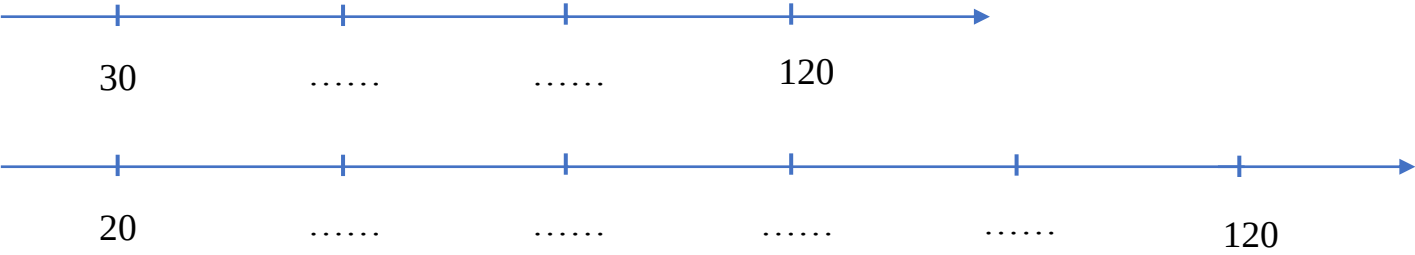
Bài 4: Hỏi 4 tuần đội công nhân sản xuất được bao nhiêu sản phẩm biết mỗi tuần họ sản xuất được 54 sản phẩm?

.....
.....
.....

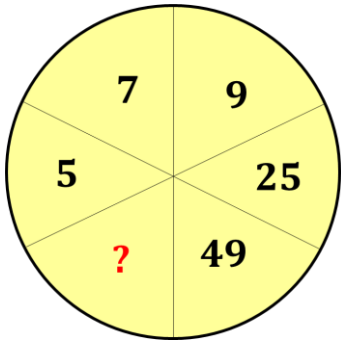
Bài 5: Tính chu vi của một hình vuông có cạnh dài 25 cm.

.....
.....
.....

Bài 6: Điền số thích hợp vào các điểm trên tia số sau:



Bài 7: Tìm số thích hợp để điền vào dấu ?:



	+		+		=	360
	+				=	220
					=	?

ĐÁP ÁN TUẦN 4

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Mai có 7 viên bi, Hồng có 15 viên bi. Hỏi Hồng phải cho Mai bao nhiêu viên bi để số bi của hai bạn bằng nhau.

- A. 3 viên B. 5 viên ☒ C. 4 viên D. 6 viên

2. Số nhỏ nhất có 4 chữ số là:

- A. 1011 B. 1001 ☒ C. 1000 D. 1111

3. Hiệu của số lớn nhất có bốn chữ số và số nhỏ nhất có ba chữ số là:

- ☒ A. 9899 B. 9999 C. 9888 D. 8888

4. Tìm một số biết rằng lấy số đó trừ đi 34 thì bằng 43 cộng với 58. Số cần tìm là:

- A. 101 B. 135 ☒ C. 67 D. 91

5. Biết $356a7 > 35679$ giá trị của a là:

- A. 0 B. 10 C. 7 ☒ D. 9

6. Viết tiếp 4 số vào dãy số sau:

a. 1000, 1500, 2000, 2500, 3000, 35000, 4000, 45000

b. 2200, 2600, 3000, 3400, 3800, 4200, 4600, 5000

7. Tích của 45 và 5 là:

- A. 205 B. 215 ☒ C. 225 D. 220

8. Tìm x biết $x : 6 = 36 + 54$

- ☒ A. 540 B. 54 C. 5400 D. 90

II. Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

34×2	11×6	43×2	30×6
= 68	= 66	= 86	= 180

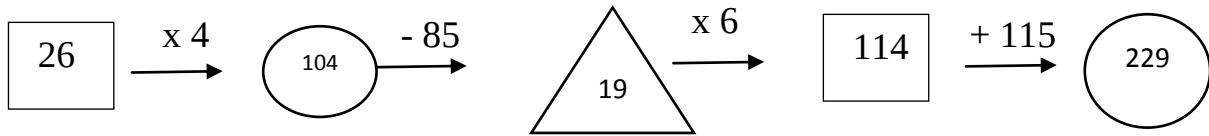
Bài 2: Tính giá trị của biểu thức:

$55 \times 5 + 65$	$28 \times 6 - 98$
$= 275 + 65$	$= 168 - 98$
= 340	= 70

$$\begin{aligned}
 &20 \times 5 - 50 \\
 &= 100 - 50 \\
 &= 50
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 &42 \times 4 + 108 \\
 &= 168 + 108 \\
 &= 276
 \end{aligned}$$

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Bài 4: Hỏi 4 tuần đội công nhân sản xuất được bao nhiêu sản phẩm biết mỗi tuần họ sản xuất được 54 sản phẩm?

Bài giải:

4 tuần đội công nhân sản xuất được số sản phẩm là:

$$54 \times 4 = 216 \text{ (sản phẩm)}$$

Đáp số: 216 sản phẩm

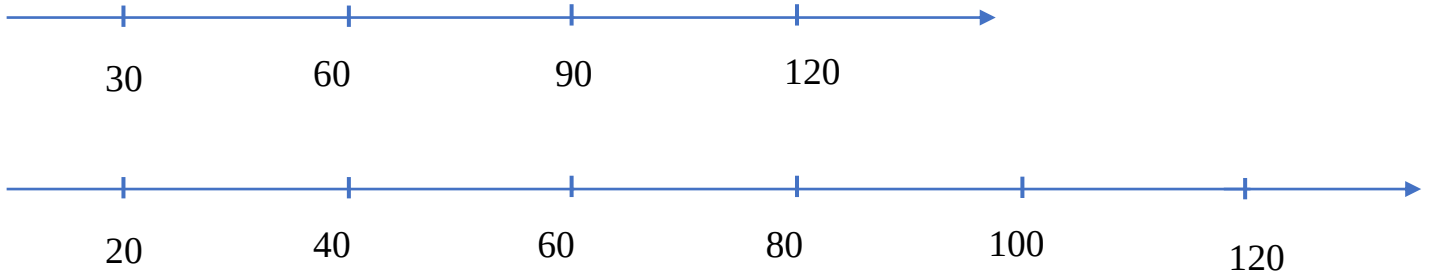
Bài 5: Tính chu vi của một hình vuông có cạnh dài 25 cm.

Chu vi của hình vuông là:

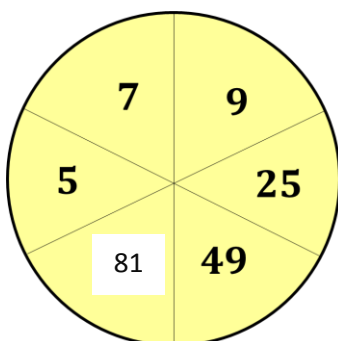
$$25 \times 4 = 100 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 100 cm

Bài 6: Điền số thích hợp vào các điểm trên tia số sau:



Bài 7: Tìm số thích hợp để điền vào dấu ?:



$$\begin{aligned}
 &\text{Orange fish} + \text{Orange fish} + \text{Orange fish} = 360 \\
 &\text{Orange fish} + \text{Blue fish} = 220 \\
 &\text{Blue fish} = 100
 \end{aligned}$$

Họ và tên:

Lớp: 3.....



PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 5 – MÔN TOÁN

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Thùng lớn có 36l dầu. Số dầu ở thùng nhỏ bằng số dầu ở thùng lớn giảm đi 6 lần. Hỏi thùng nhỏ có bao nhiêu lít dầu?

A. 6l dầu B. 30l dầu C. 42l dầu

2. Thương của 6 và 6 là:

A. 0 B. 36 C. 1

3. $\frac{1}{6}$ của một ngày là bao nhiêu giờ?

A. 6 giờ B. 4 giờ C. 8 giờ

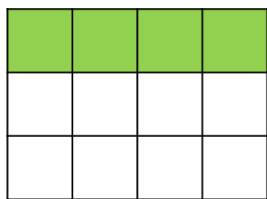
4. Các bạn cùng làm bài về nhà. Bạn Hồng làm xong trong 17 phút. Bạn Mai làm xong bài trong $\frac{1}{3}$ giờ. Hỏi bạn nào làm bài xong nhanh hơn?

A. Bạn Hồng B. Bạn Mai C. Hai bạn làm thời gian bằng nhau

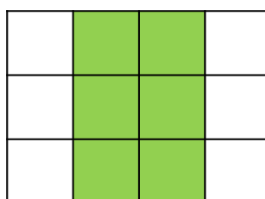
5. Số nào chia cho 6 để có kết quả là 0?

A. 0 B. 6 C. 1

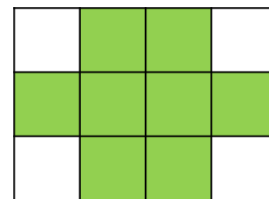
6. Đã tô màu vào $\frac{1}{2}$ hình nào?



A

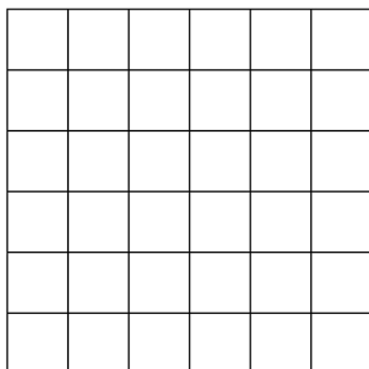


B



C

7. Quan sát và điền câu trả lời vào chỗ chấm:



a) Hình bên có.....ô vuông

b) $\frac{1}{3}$ số ô vuông trong hình là.....ô vuông

c) $\frac{1}{4}$ số ô vuông trong hình là.....ô vuông

d) $\frac{1}{6}$ số ô vuông trong hình là.....ô vuông

II. Tự luận:

Bài 1: Tính

$$14 \times 5 + 143$$

.....

$$24 \times 4 - 35$$

.....

$$24 : 6 + 235$$

.....

$$54 : 6 + 108$$

.....

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $\frac{1}{3}$ của 24kg là:kg

b) $\frac{1}{4}$ của 28 lít là:lít

c) $\frac{1}{5}$ của 55m là:m

d) $\frac{1}{6}$ của 24 phút:phút

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

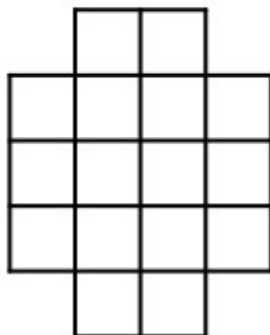
$\frac{1}{3}$ của 15 dm < 10 dm ☐

$\frac{1}{6}$ của 18 kg < 1000g ☐

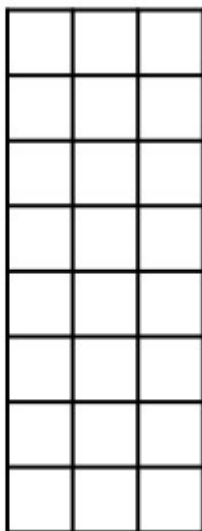
$\frac{1}{5}$ của 45 quả cam > 5 quả cam ☐

$\frac{1}{4}$ của 40 phút < $\frac{1}{6}$ giờ ☐

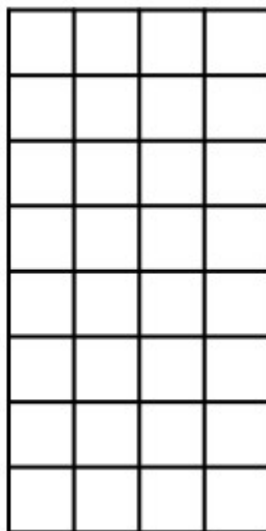
Bài 4: Tô màu theo yêu cầu:



$\frac{1}{2}$ số ô vuông



$\frac{1}{6}$ số ô vuông



$\frac{1}{4}$ số ô vuông

Bài 5: Một bao gạo có 48kg, lấy ra $\frac{1}{6}$ số gạo trong bao. Hỏi lấy ra bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

.....

Bài 6: Thử thách: Tính nhanh

a, $150 - 34 - 66 - 50$

c, $125 + 23 + 25 + 77$

.....

.....

.....

.....

b, $205 + 72 - 62 - 5$

d, $178 - 13 + 22 - 87$

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN TUẦN 5

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Thùng lớn có 36l dầu. Số dầu ở thùng nhỏ bằng số dầu ở thùng lớn giảm đi 6 lần. Hỏi thùng nhỏ có bao nhiêu lít dầu?

- A. 6l dầu B. 30l dầu C. 42l dầu

2. Thương của 6 và 6 là:

- A. 0 B. 36 C. 1

3. $\frac{1}{6}$ của một ngày là bao nhiêu giờ?

- A. 6 giờ B. 4 giờ C. 8 giờ

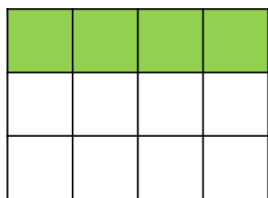
4. Các bạn cùng làm bài về nhà. Bạn Hồng làm xong trong 17 phút. Bạn Mai làm xong bài trong $\frac{1}{3}$ giờ. Hỏi bạn nào làm bài xong nhanh hơn?

- A. Bạn Hồng B. Bạn Mai C. Hai bạn làm thời gian bằng nhau

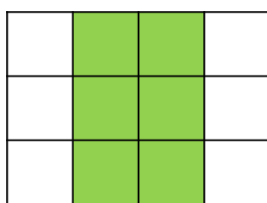
5. Số nào chia cho 6 để có kết quả là 0?

- A. 0 B. 6 C. 1

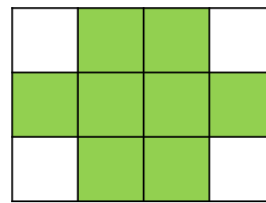
6. Đã tô màu vào $\frac{1}{2}$ hình nào?



A

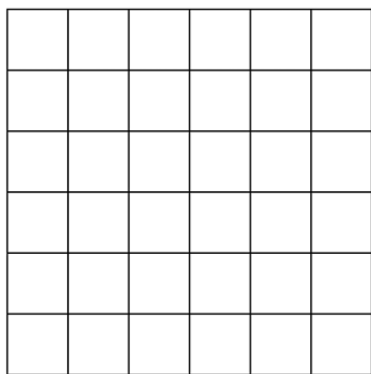


B



C

7. Quan sát và điền câu trả lời vào chỗ chấm:



a) Hình bên có...36...ô vuông

b) $\frac{1}{3}$ số ô vuông trong hình là...12...ô vuông

c) $\frac{1}{4}$ số ô vuông trong hình là...9...ô vuông

d) $\frac{1}{6}$ số ô vuông trong hình là...6...ô vuông

II. Tự luận:

Bài 1: Tính

$$\begin{aligned} & 14 \times 5 + 143 \\ & = 70 + 143 \\ & = 213 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & 24 : 6 + 235 \\ & = 4 + 235 \\ & = 239 \end{aligned}$$

$$24 \times 4 - 35$$

$$= 96 - 35$$

$$= 61$$

$$54 : 6 + 108$$

$$= 9 + 108$$

$$= 117$$

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $\frac{1}{3}$ của 24kg là: 8 kg

b) $\frac{1}{4}$ của 28 lít là: 7 lít

c) $\frac{1}{5}$ của 55m là: 11m

d) $\frac{1}{6}$ của 24 phút: 4 phút

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

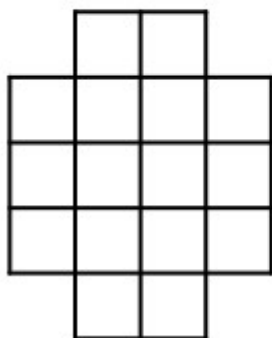
$\frac{1}{3}$ của 15 dm < 10 dm ☐ Đ

$\frac{1}{6}$ của 18 kg < 1000g ☐ S

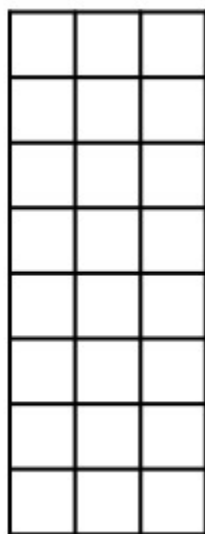
$\frac{1}{5}$ của 45 quả cam > 5 quả cam ☐ Đ

$\frac{1}{4}$ của 40 phút < $\frac{1}{6}$ giờ ☐ S

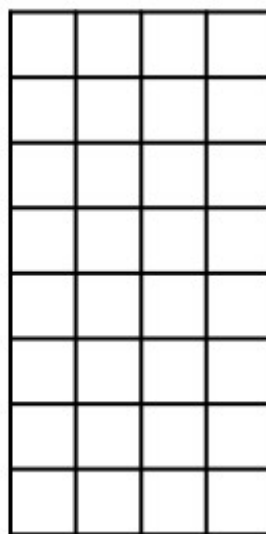
Bài 4: Tô màu theo yêu cầu:



$\frac{1}{2}$ số ô vuông = tô 8 ô



$\frac{1}{6}$ số ô vuông = tô 4 ô



$\frac{1}{4}$ số ô vuông = tô 8 ô

Bài 5: Một bao gạo có 48kg, lấy ra $\frac{1}{6}$ số gạo trong bao. Hỏi lấy ra bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải:

Đã lấy ra số gạo là:

$$48 : 6 = 8 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 8 kg gạo

Bài 6: Thử thách: Tính nhanh

$$\begin{aligned}
 & \text{a, } 150 - 34 - 66 - 50 \\
 &= (150 - 50) - (34 + 66) \\
 &= 100 - 100 \\
 &= 0
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 & \text{b, } 205 + 72 - 62 - 5 \\
 &= (205 - 5) + (72 - 62) \\
 &= 200 + 10 \\
 &= 210
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 & \text{c, } 125 + 23 + 25 + 77 \\
 &= (125 + 25) + (23 + 77) \\
 &= 150 + 100 \\
 &= 250
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 & \text{d, } 178 - 13 + 22 - 87 \\
 &= (178 + 22) - (13 + 87) \\
 &= 200 - 100 \\
 &= 100
 \end{aligned}$$

Họ và tên:

Lớp: 3.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 6 – MÔN TOÁN

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

- Số dư của phép chia $31 : 6$ là :
A. 1 B. 2 C. 3
- Phép chia cho 6 có số dư lớn nhất là:
A. 1 B. 6 C. 5
- Một số chia cho 5 được 10, vậy số đó là
A. 50 B. 2 C. 15
- Cho phép tính $7 \times y$, nếu y tăng thêm 2 đơn vị thì kết quả của phép tính tăng thêm bao nhiêu?
A. 7 B. 14 C. 9
- Mẹ mua 16 quả cam, vậy mẹ cần bao nhiêu chiếc đĩa để xếp hết số cam biết rằng mỗi chiếc đĩa chỉ đựng được 5 quả?
A. 5 đĩa B. 3 đĩa C. 4 đĩa
- Các phép tính dưới đây, phép tính nào là đúng:
A. $a : 1 = a$ B. $b : 1 = 1$ C. $a : 0 = 0$
- Những phép chia nào sau đây có số dư là 3?
A. $23 : 5$ B. $39 : 4$ C. $50 : 6$
- Cả lớp xếp được 4 nhóm, mỗi nhóm có 6 bạn. Nếu xếp mỗi nhóm có 5 bạn thì còn thừa mấy bạn?
A. 4 bạn B. 2 bạn C. 3 bạn
- Kết quả của các phép tính trong bảng nhân 7 có đặc điểm nào sau đây?
A. Hơn kém nhau 7 đơn vị
B. Gấp, giảm đi 7 lần
C. Đều là các số lẻ
- $x : 7 = 4$, kết quả của x là:
A. 22 B. 24 C. 28

II. Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

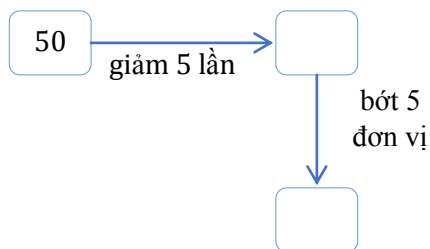
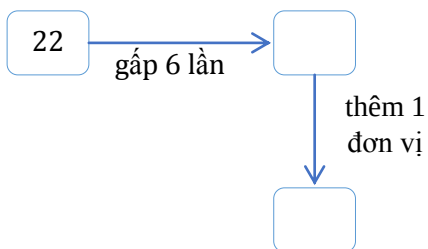
- a) $46 : 2$ b) $55 : 6$ c) $39 : 3$ d) $60 : 6$
-
-
-

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Số bị chia	55		49		63
Số chia	6	4	6	5	3
Thương		8		9	

Số dư		3		3	
-------	--	---	--	---	--

Bài 3: Điền số:



Bài 4: Có 27 bông hoa, đem cắm đều vào 5 lọ. Hỏi có 27 bông hoa, đem cắm đều vào 5 lọ. Hỏi mỗi lọ có bao nhiêu bông hoa và còn thừa ra bao nhiêu bông hoa ?

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Tuấn có 16 viên bi. Số viên bi của Dũng bằng 4 lần số viên của Tuấn cộng thêm 12 viên nữa. Hỏi Dũng có bao nhiêu viên bi?

.....

.....

.....

.....

.

ĐÁP ÁN TUẦN 6

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Số dư của phép chia $31 : 6$ là :

- ☒ A. 1 B. 2 C. 3

2. Phép chia cho 6 có thể có số dư lớn nhất là:

- A. 1 B. 6 ☒ C. 5

3. Một số chia cho 5 được 10, vậy số đó là:

- ☒ A. 50 B. 2 C. 15

4. Cho phép tính $7 \times y$, nếu y tăng thêm 2 đơn vị thì kết quả của phép tính tăng lên bao nhiêu?

- A. 7 ☒ B. 14 C. 9

5. Mẹ mua 16 quả cam, vậy mẹ cần bao nhiêu chiếc đĩa để xếp hết số cam biết rằng mỗi chiếc đĩa chỉ đựng được 5 quả?

- A. 5 đĩa B. 3 đĩa ☒ C. 4 đĩa

6. Các phép tính dưới đây, phép tính nào là đúng:

- ☒ A. $a : 1 = a$ B. $b : 1 = 1$ C. $a : 0 = 0$

7. Những phép chia nào sau đây có số dư là 3?

- ☒ A. $23 : 5$ ☒ B. $39 : 4$ C. $50 : 6$

8. Cả lớp xếp được 4 nhóm, mỗi nhóm có 6 bạn. Nếu xếp mỗi nhóm có 5 bạn thì còn thừa mấy bạn?

- ☒ A. 4 bạn B. 2 bạn C. 3 bạn

9. Kết quả của các phép tính trong bảng nhân 7 có đặc điểm nào sau đây?

- ☒ A. Hơn kém nhau 7 đơn vị

B. Gấp, giảm đi 7 lần

C. Đều là các số lẻ

10. $x : 7 = 4$, kết quả của x là:

- A. 22 B. 24 ☒ C. 28

II. Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a) $46 : 2$
 $= 23$

b) $55 : 6$
 $= 9 \text{ (dư 1)}$

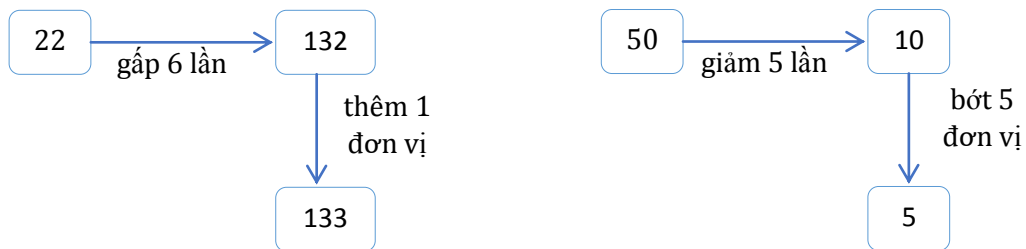
c) $39 : 3$
 $= 13$

d) $60 : 6$
 $= 10$

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Số bị chia	55	35	49	48	63
Số chia	6	4	6	5	3
Thương	9	8	8	9	21
Số dư	1	3	1	3	

Bài 3: Điền số:



Bài 4: Có 27 bông hoa, đem cắm đều vào 5 lọ. Hỏi mỗi lọ có bao nhiêu bông hoa và còn thừa ra bao nhiêu bông hoa?

Bài giải:

Ta có:

$$27 : 5 = 5 \text{ (dư 2)}$$

Vậy mỗi lọ có 5 bông hoa và thừa 2 bông hoa

Bài 5:

Tuấn có 16 viên bi. Số viên bi của Dũng bằng 4 lần số viên bi của Tuấn cộng thêm 12 viên nữa.

Hỏi Dũng có bao nhiêu viên bi?

Bài giải:

Dũng có số viên bi là:

$$16 \times 4 + 12 = 76 \text{ (viên bi)}$$

Đáp số: 76 viên bi

Họ và tên:

Lớp: 3.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 7 – MÔN TOÁN

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Các số thích hợp điền tiếp vào dãy số sau: 21, 28, 35,,..... là:

A. 37, 39, 41

B. 42, 49, 56

C. 40, 45, 50

2. Biết số chia là 7, thương là 28, vậy số bị chia là:

A. 4

B. 186

C. 196

3. Lan có 7 bông hoa, Bình có số bông hoa gấp 5 lần số bông hoa của Lan. Hỏi Bình có bao nhiêu bông hoa?

A. 35 bông hoa

B. 12 bông hoa

C. 25 bông hoa

4. Kết quả của phép tính: $7 \times 7 + 10$ là:

A. 140

B. 49

C. 59

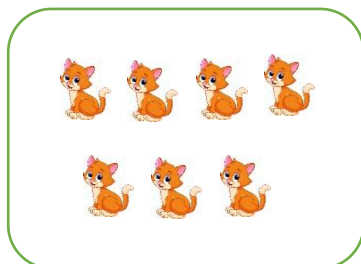
5. Mẹ mua bó hoa về cắm vào 3 lọ hoa, mỗi lọ có 7 bông thì còn thừa 2 bông. Hỏi bó hoa lúc đầu của mẹ có bao nhiêu bông hoa?

A. 12 bông hoa

B. 21 bông hoa

C. 23 bông hoa

6. Khoanh vào $\frac{1}{7}$ số con mèo trong các hình sau:



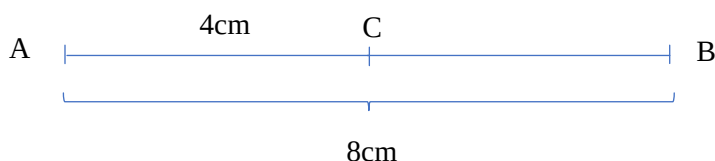
7. Bố đi công tác 1 tuần lễ và 5 ngày. Hỏi bố đi công tác tất cả bao nhiêu ngày?

A. 6 ngày

B. 12 ngày

C. 7 ngày

8. Quan sát hình vẽ và khoanh vào câu đúng:



A. Đoạn thẳng AB dài gấp đôi đoạn thẳng AC

B. Đoạn thẳng AB dài bằng $\frac{1}{2}$ đoạn thẳng CB

C. Đoạn thẳng CB dài gấp đôi đoạn thẳng AC

II. Tự luận:

Bài 1: Tính:

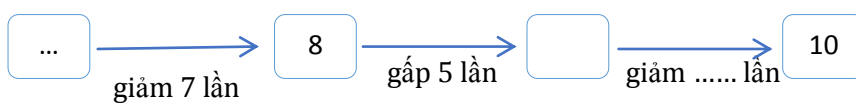
$$7 \times 7 + 93$$

$$7 \times 8 + 25$$

$$9 \times 7 + 107$$

.....
.....

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Bài 3: Có 42 bạn học sinh.

a. Nếu số học sinh chia đều vào các nhóm, mỗi nhóm có 7 bạn thì chia được mấy nhóm như thế?

b. Nếu chia đều vào 6 nhóm thì mỗi nhóm có bao nhiêu học sinh?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4: Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải bài toán:

Tóm tắt:

Tổ 1: $\overbrace{\hspace{2cm}}^{7 \text{ ngôi sao}}$

Tổ 2: $\overbrace{\hspace{4cm}}^{? \text{ ngôi sao}}$

Đề toán:

.....
.....
.....
.....

.

Bài giải:

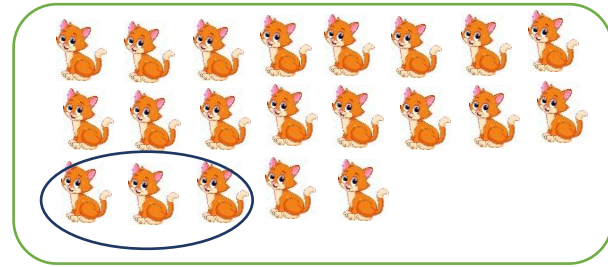
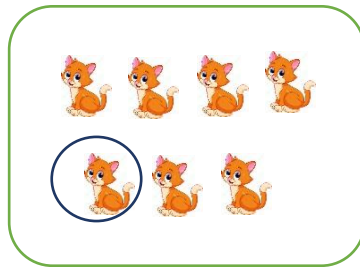
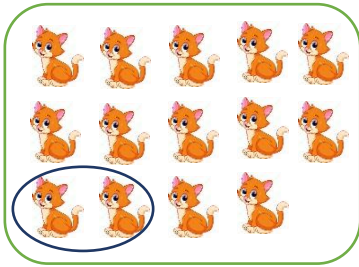
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN TUẦN 7

I. TRẮC NGHIỆM

1B	2C	3A	4C
5C	7B	8A	

6.



II. Tự luận:

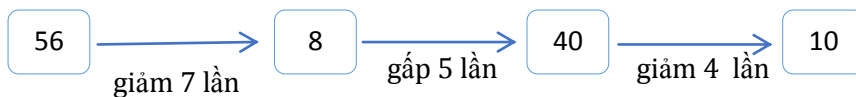
Bài 1: Tính:

$$\begin{aligned} 7 \times 7 + 93 \\ = 49 + 93 \\ = 142 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 7 \times 8 + 25 \\ = 56 + 25 \\ = 81 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 9 \times 7 + 107 \\ = 63 + 107 \\ = 170 \end{aligned}$$

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Bài 3: Có 42 bạn học sinh.

a. Nếu số học sinh chia đều vào các nhóm, mỗi nhóm có 7 bạn thì chia được mấy nhóm như thế?

b. Nếu chia đều vào 6 nhóm thì mỗi nhóm có bao nhiêu học sinh?

Bài giải:

a. Chia được số nhóm như thế là:

$$42 : 7 = 6 \text{ (nhóm)}$$

b. Mỗi nhóm có số học sinh là:

$$42 : 6 = 7 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: a. 6 nhóm

b. 7 học sinh

Bài 4: Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải bài toán:

Tóm tắt:

Tổ 1: 7 ngôi sao

Tổ 2:

Đề toán:

Tổ 1 gấp được 7 ngôi sao. Tổ 2 gấp được gấp 3 lần số ngôi sao của tổ 1. Hỏi tổ 2 gấp được bao nhiêu ngôi sao?

Bài giải:

Tổ 2 gấp được số ngôi sao là:

$$7 \times 3 = 21 \text{ (ngôi sao)}$$

Đáp số: 21 ngôi sao

Họ và tên:

Lớp: 3.....

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 8 – MÔN TOÁN

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Muốn tìm số chia ta làm như thế nào?

- A. Ta lấy số bị chia nhân với thương
- B. Ta lấy tích chia cho thừa số
- C. Ta lấy số bị chia chia cho thương

2. Tìm số chia biết rằng thương là 5 và số bị chia gấp 7 lần thương.

- A. 7
- B. 5
- C. 35
- D. 12

3. Quan sát và cho biết chú cá bằng bao nhiêu?

$315: \text{ cá } = 3$

- A. 15
- B. 105
- C. 318
- D. 945

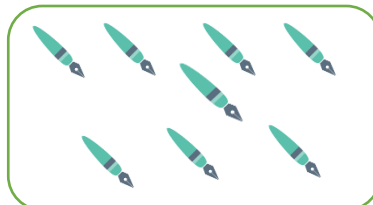
4. Mai có số bông hoa bằng số bông hoa của Hà giảm đi 4 lần. Biết số hoa của Hà là 112 bông. Tìm số hoa của Mai.

- A. 448 bông
- B. 27 bông
- C. 116 bông
- D. 28 bông

5. Cửa hàng có 58l dầu, cửa hàng đã bán đi $\frac{1}{2}$ số dầu đó. Hỏi cửa hàng đã bán đi bao nhiêu lít dầu?

- A. 29l
- B. 24l
- C. 26l
- D. 30l

6. Khoanh vào $\frac{1}{2}$ số cái bánh và $\frac{1}{4}$ số cái bút:



7. Tìm số bị chia, biết số chia là 7, thương là 100 và số dư là 6.

- A. 707
- B. 706
- C. 142
- D.

8. Tìm một số biết số đó giảm 7 lần thì được 14. Số đó là:

A. 2

B. 98

C. 7

D. 21

II. Tự luận:**Bài 1:** Điền số thích hợp:

$..... \times 7 = 63$

$7 \times = 28$

$7 \times + 123 = 158$

$..... \times 6 = 42$

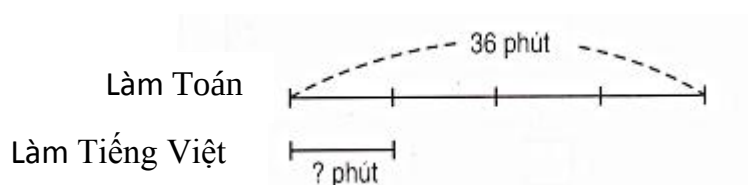
$5 \times - 25 = 25$

$56 : = 8$

Bài 2: Tìm x

$7 \times x = 112$

$x : 7 = 15 + 55$

Bài 3: Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải:

Đề toán:

Bài giải

Bài 4: Giải bài toán: Một câu lạc bộ năng khiếu có ba lớp đàn, võ và vẽ. Trong đó có 52 học sinh tham gia học đàn. Số bạn tham gia học võ bằng $\frac{1}{4}$ số học sinh học đàn. Số học sinh tham gia vẽ gấp đôi số bạn học võ. Hỏi:

a. Có bao nhiêu học sinh học võ?

b. CÓ bao nhiêu học sinh học vẽ?

c. Hỏi câu lạc bộ có tất cả bao nhiêu học sinh?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN TUẦN 8

I. TRẮC NGHIỆM

1C	2A	3B	4D
5A	6. Khoanh vào 3 chiếc bánh và 2 cái bút	7B	8B

II. Tự luận:

Bài 1: Điền số thích hợp:

$$9 \times 7 = 63$$

$$7 \times 4 = 28$$

$$7 \times 5 + 123 = 158$$

$$7 \times 6 = 42$$

$$5 \times 10 - 25 = 25$$

$$56 : 7 = 8$$

Bài 2: Tìm x

$$7 \times x = 112$$

$$x : 7 = 15 + 55$$

$$x = 112 : 7$$

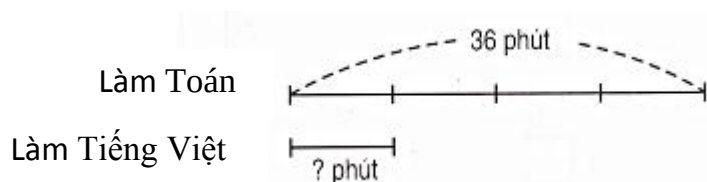
$$x : 7 = 70$$

$$x = 16$$

$$x = 70 \times 7$$

$$x = 490$$

Bài 3: Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải:



Đề toán:

Em làm Toán hết 36 phút và thời gian em làm Tiếng Việt bằng thời gian làm Toán giảm đi 4 lần. Hỏi em làm Tiếng Việt hết bao nhiêu phút?

Bài giải

Em làm Tiếng Việt hết số phút là:

$$36 : 4 = 9 \text{ (phút)}$$

Đáp số: 9 phút

Bài 4: Giải bài toán: Một câu lạc bộ năng khiếu có ba lớp đàn, võ và vẽ. Trong đó có 52 học sinh tham gia học đàn. Số bạn tham gia học võ bằng $\frac{1}{4}$ số học sinh học đàn. Số học sinh tham gia vẽ gấp đôi số bạn học võ. Hỏi:

- Có bao nhiêu học sinh học võ?
- CÓ bao nhiêu học sinh học vẽ?
- Hỏi câu lạc bộ có tất cả bao nhiêu học sinh?

Bài giải:

- Có số học sinh học võ là:

$$52 : 4 = 13 \text{ (bạn)}$$

- Có số học sinh học vẽ là:

$$13 \times 2 = 26 \text{ (bạn)}$$

- Câu lạc bộ có tất cả số học sinh là:

$$52 + 13 + 26 = 91 \text{ (bạn)}$$

ĐS: a. 13 bạn

b. 26 bạn

c. 91 bạn

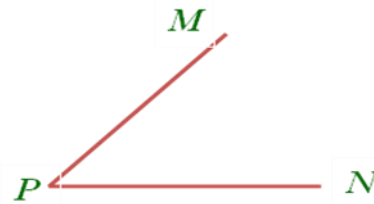
PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN 9

Họ và tên:.....Lớp.....

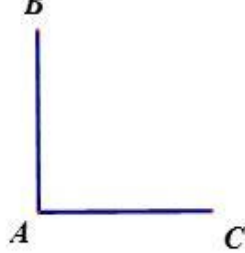
A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Góc

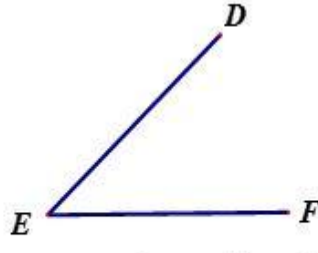
Góc có 2 cạnh xuất phát từ 1 điểm



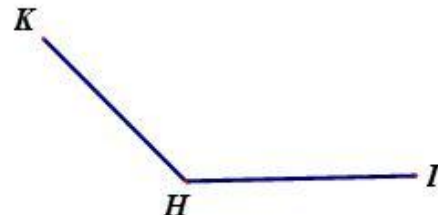
2. Góc vuông, góc không vuông



Góc vuông, đỉnh A;
cạnh AB, AC



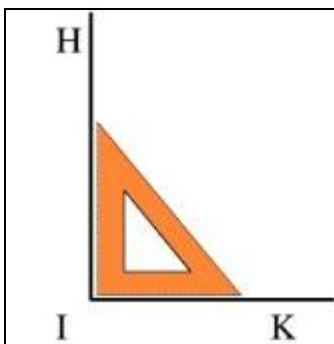
Góc không vuông đỉnh E,
cạnh ED, EF



Góc không vuông
đỉnh H, cạnh HK, HI

3. Ê-ke

- Có thể dùng ê ke kiểm tra góc vuông hoặc vẽ góc vuông.



Để kiểm tra một góc có vuông hay không, ta sử dụng ê-ke:
Bước 1: Đặt một cạnh góc vuông của ê ke trùng với một cạnh của góc đã cho
Bước 2: Cạnh góc vuông còn lại của ê ke trùng với cạnh còn lại của góc đã cho thì góc đó là góc vuông; nếu không trùng thì góc đó là góc không vuông

4. Bảng đơn vị đo độ dài

Lớn hơn mét			Mét	Bé hơn mét		
km	hm	dam	m	dm	cm	mm
1km = 10hm	1hm = 10dam = $\frac{1}{10}$ km	1dam = 10m = $\frac{1}{10}$ hm	1m = 10dm = $\frac{1}{10}$ dam	1dm = 10cm = $\frac{1}{10}$ m	1cm = 10mm = $\frac{1}{10}$ dm	1mm = $\frac{1}{10}$ cm

*) Trong bảng đơn vị đo độ dài:

- Đơn vị lớn gấp 10 lần đơn vị bé hơn liền kề.

- Đơn vị bé bằng $\frac{1}{10}$ đơn vị lớn hơn liền kề.

B. BÀI TẬP CƠ BẢN



I. Phần trắc nghiệm

Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S

1. Đoạn đường thứ nhất dài 16km. Đoạn đường thứ hai bằng $\frac{1}{4}$ đoạn đường thứ nhất.

Hỏi đoạn đường thứ hai dài bao nhiêu ki-lô-mét?

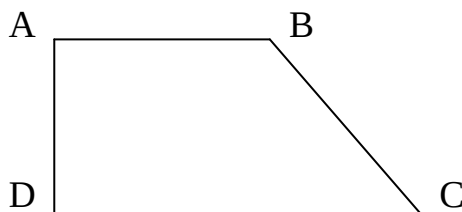
5km...

4km ...

6km ...

2. Hình tứ giác ABCD có:

- Góc vuông đỉnh A cạnh AB, AD ...
- Góc vuông đỉnh B cạnh BC, BA ...
- Góc không vuông đỉnh C cạnh CB, CA ...
- Góc không vuông đỉnh D cạnh DC, DA ...



Bài 2: Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng

a) $4\text{dam} + 14\text{m} = ?$

A. 18m

B. 54m

C. 44m

D. 18dam

b) Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé: 490, 427, 415, 398

A. 398, 409, 415, 427

B. 409, 427, 415, 398

C. 427, 415, 409, 398

D. 409, 427, 398, 415,

c)* Tổng của một số với 35 thì lớn hơn 35 là 10 đơn vị. Số đó là:

A. 45

B. 25

C. 10

d) Sắp xếp các số đo sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

3000 cm, 500 dm, 6 dam, 54m

A. 3000 cm, 500 dm, 6 dam, 54m

B. 54m, 6dam, 500dm, 3000cm

C. 3000cm, 500dm, 54m, 6dam

D. 6dam, 54m, 500dm, 3000cm

e)* Số thứ 6 cả dãy số: 2, 3, 5, 8, 12, ..., ..., ... là:

A. 19

B. 17

C. 21

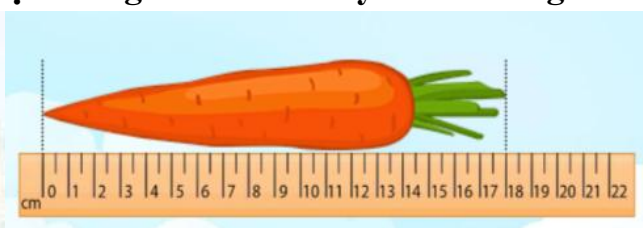
D. 20

Bài 3: Nối phép tính với kết quả đúng:

$24\text{cm} : 2 + 30\text{cm}$
$40\text{dm} + 5\text{m}$
$15\text{hm} + 25\text{hm}$
$64\text{cm} \times 3$

4km
90dm
42cm
192cm

Bài 4: Viết kết quả phép đo độ dài được thể hiện trong hình dưới đây vào ô trống:



.....cm

.....cm

II. Phần tự luận

Bài 1: Điền dấu lớn nhỏ vào ô trống ($<$, $=$, $>$):

$$13 \times 7 \quad \square \quad 8 \times 12$$

$$8 \times 5 \quad \square \quad 13 \times 8 - 64$$

$$4 \times 7 + 4 \quad \square \quad 7 \times 4 + 7$$

$$7 \times 6 - 7 \quad \square \quad 5 \times 7$$

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a. 7 cm 2mm =mm

5dm 6cm =cm

b. 7 hm 5dam =m

3dam 7m = dm

b. 1dam =m

5dam =m

1hm =dam

.....m = 1dam

...dam = 1hm

2hm =dam

7dam =m

3hm =dam

10dam =m

c. 1km =hm =dam

3dam =m =dm

2hm =dam =m

6km =hm =dam

Bài 3: Đặt tính rồi tính

25 : 3

37 : 5

45 : 7

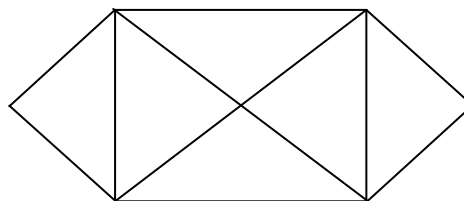
33 : 4

Bài 4: Hình bên có:

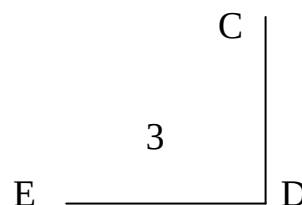
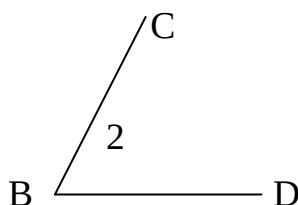
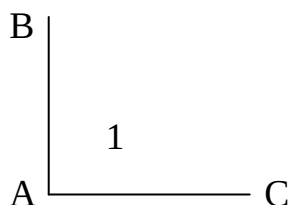
a.hình tam giác.

b. hình tứ giác

c.mấy góc vuông



Bài 5: Viết chữ thích hợp vào chỗ chấm:



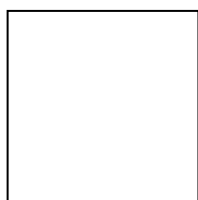
Hình 1 Có góc: đỉnh cạnh:

Hình 2 Có góc: đỉnh cạnh:

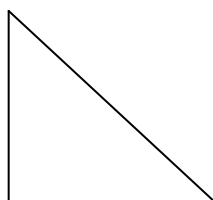
Hình 3 Có góc: đỉnh cạnh:

Góc ở hình..... là góc vuông; góc ở hìnhlà góc không vuông.

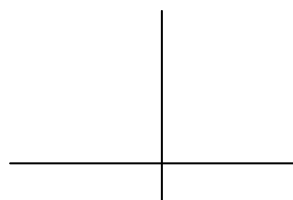
Bài 6: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Có:.... góc vuông



Có: ...góc vuông



Có: ... góc vuông

Bài 7: Giải bài toán

Một đội công nhân phải sửa một đoạn đường dài 3km, đã sửa được 1950m. Hỏi còn lại bao nhiêu mét đường chưa sửa?

Bài giải

Bài 8: Tấm vải thứ nhất dài 21 dam. Tấm vải thứ hai dài bằng $\frac{1}{3}$ tấm vải thứ nhất. Tấm vải thứ ba dài gấp đôi tấm vải thứ hai. Hỏi:

- a) Tấm vải thứ hai dài bao nhiêu mét?
b) Tấm vải thứ ba dài bao nhiêu mét?

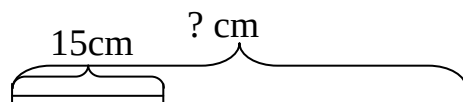
Bài giải

Bài 9: Một thửa vườn hình chữ nhật có chiều rộng 30m, chiều dài 9dam. Tính chu vi của mảnh vườn hình chữ nhật đó

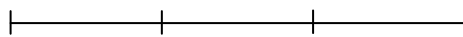
Bài giải

Bài 10: Dựa vào tóm tắt, nêu bài toán và giải bài toán sau :

Đoạn dây thứ nhất :



Đoạn dây thứ hai:



Bài toán										Bài giải									

Bài 11: Alice phải đặt những hình khác nhau vào bảng bên dưới sao cho mỗi hình phân biệt chỉ xuất hiện đúng một lần trên mỗi hàng và trên mỗi cột. Hỏi Alice nên đặt hình nào vào ô vuông có phần gạch chéo trong bảng?



C. BÀI NÂNG CAO

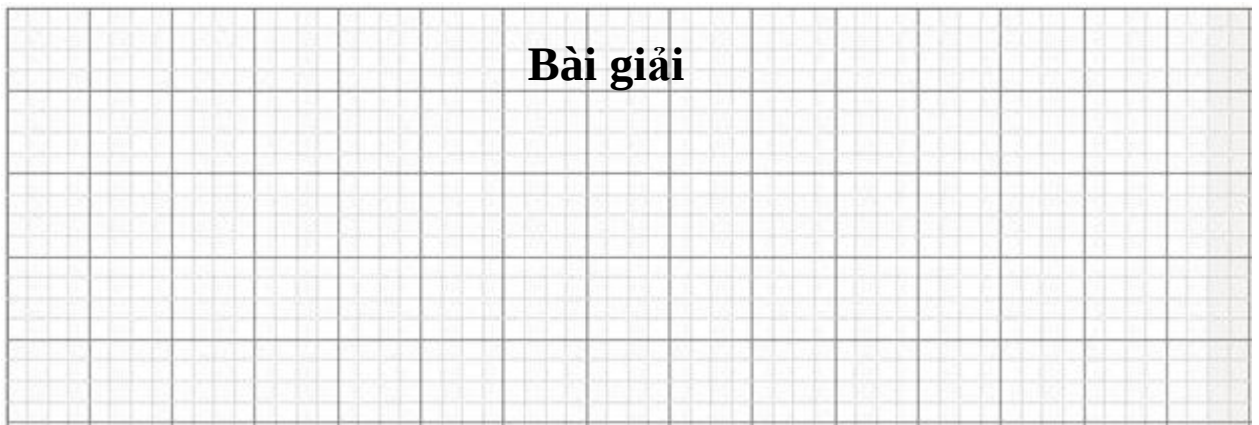
Bài 1 : Tìm x biết

$$49 \times 2 < 3 \times x < 20 \times 5$$

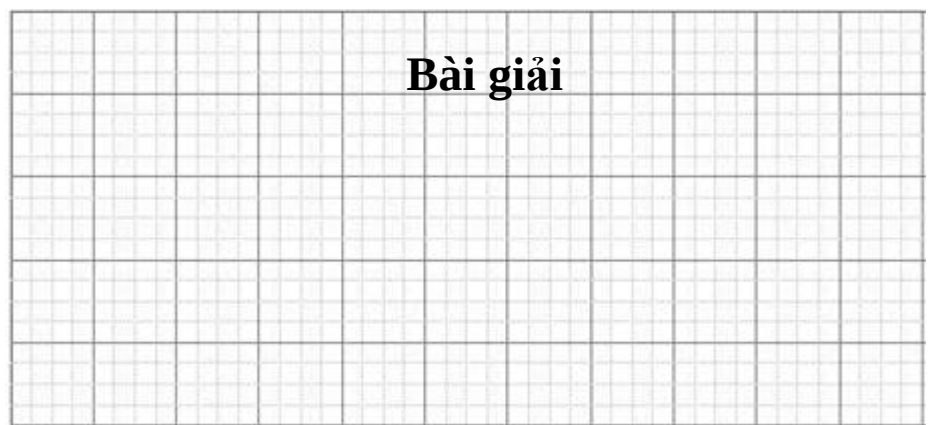
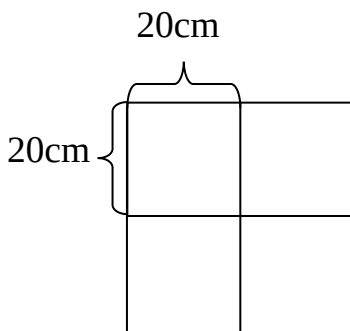
Bài 2 : Có 2 bao gạo. Bao thứ nhất nặng 10kg. Bao thứ hai nặng gấp 3 lần bao thứ nhất. Hỏi cả 2 bao nặng bao nhiêu kg?



Bài 3 : $\frac{1}{3}$ đoạn AB dài 2cm. Hỏi đoạn AB dài bao nhiêu xăng-ti-mét? Vẽ đoạn thẳng AB.



Bài 4: Người ta ghép 3 viên gạch hoa hình vuông có các cạnh đều bằng 20 cm thành hình A như sau:



Tính chu vi của hình A.

Bài 5: Tích của hai số là 85. Nếu thừa số thứ nhất tăng lên 3 lần, thừa số thứ hai tăng lên 2 lần thì tích mới là bao nhiêu?

Bài giải																			

Bài 6: Có 35 viên bi được đặt trong 3 hộp. Biết số bi ở mỗi hộp là khác nhau và là các số lẻ liên tiếp. Hỏi số bi ở mỗi hộp là bao nhiêu?



Bài giải																			

Bài 7: Em hãy **quan sát các đồ vật** có ở bảng dưới đây **trong thực tế** sau đó **ước lượng** độ dài của chúng với đơn vị phù hợp rồi dùng thước **đo kiểm tra** và viết kết quả vào bảng.

Đồ vật	Kết quả ước lượng	Kết quả đo
		
		
		
		
		
		

Tự đánh giá về kĩ năng ước lượng của em :

☐


☐


☐


ĐÁP ÁN TUẦN 9 CƠ BẢN

1. Phần trắc nghiệm

Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S

1. Đoạn đường thứ nhất dài 16km. Đoạn đường thứ hai bằng $\frac{1}{4}$ đoạn đường thứ nhất.

Hỏi đoạn đường thứ hai dài bao nhiêu ki-lô-mét?

5km S

4km Đ

6km S

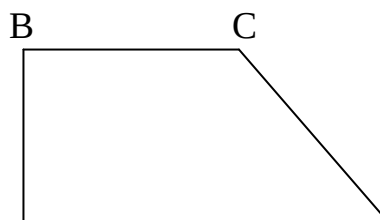
2. Hình tứ giác ABCD có:

- Góc vuông đỉnh A cạnh AB, AD Đ

- Góc vuông đỉnh B cạnh BC, BA S

- Góc không vuông đỉnh C cạnh CB, CA Đ

- Góc không vuông đỉnh D cạnh DC, DA S



Bài 2. Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng

Câu	a	b	c	d	e
Đáp án	B	A	C	C	B

Bài 3: Nối phép tính với kết quả đúng:

24cm : 2 + 30cm	4km
40dm + 5m	90dm
15hm + 25hm	42cm
64cm × 3	192cm

2. Phần tự luận

Bài 1: Điền dấu lớn nhỏ vào ô trống (<, =, >):

$$13 \times 7 < 8 \times 12$$

$$4 \times 7 + 4 < 7 \times 4 + 7$$

$$8 \times 5 = 13 \times 8 - 64$$

$$7 \times 6 - 7 = 5 \times 7$$

Bài 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a. 7 cm 2mm = 72mm

b. 7 hm 5dam = 750m

5dm 6cm = 56cm

3dam 7m = 370dm

b. 1dam = 10m

5dam = 50m

1hm = 10dam

10m = 1dam

10am = 1hm

2hm = 20dam

7dam = ...m

3hm = ...dam

10dam = 100m

c. 1km = 10hm = 100dam

3dam = 30m = 300dm

2hm = 20dam = 200m

6km = 60hm = 600dam

Bài 3: Đặt tính rồi tính

$$25 : 3 = 8 \text{ (dư 1)}$$

$$37 : 5 = 7 \text{ (dư 2)}$$

$$45: 7 = 6 \text{ (dư 3)}$$

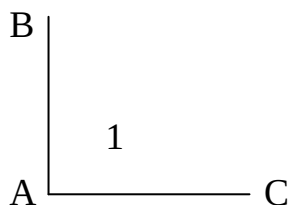
$$33 : 4 = 8 \text{ (dư 1)}$$

Bài 4: Hình bên có:

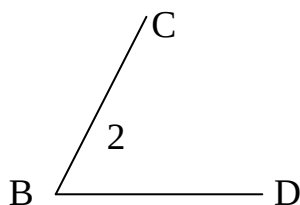
10 hình tam giác.

5 hình tứ giác

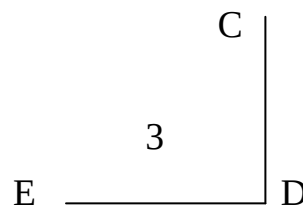
4 góc vuông

Bài 5: Viết chữ thích hợp vào chỗ chấm:

Hình 1 Có góc: đỉnh A cạnh: AB, AC

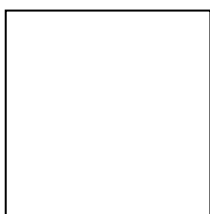


Hình 2 Có góc: đỉnh B cạnh: BD

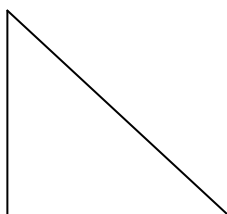


Hình 3 Có góc: đỉnh D cạnh: ED, EC

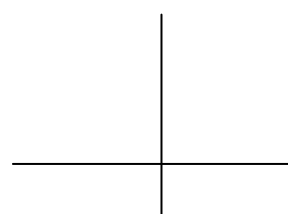
Góc ở hình 1,3 là góc vuông; góc ở hình 2 là góc không vuông.

Bài 6: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Có: 4 góc vuông



Có: 1 góc vuông



Có: 4 góc vuông

Bài 7: Giải bài toán**Bài giải**

$$\text{Đổi } 3\text{km} = 3000\text{m}$$

Còn lại số mét đường chưa sửa là:

$$3000 - 1950 = 1050 \text{ (m)}$$

Đáp số: 1050m

Bài 8:**Bài giải**

a) Tấm vải thứ hai dài số mét là:

$$21: 3 = 7 \text{ (m)}$$

b) Tấm vải thứ ba dài số mét là:

$$21 \times 2 = 42 \text{ (m)}$$

Đáp số: a) 7m

b) 42m

Bài 9: Một thửa vườn hình chữ nhật có chiều rộng 30m, chiều dài 9dam. Tính chu vi

của mảnh vườn hình chữ nhật đó.

Bài giải

Đổi $30\text{m} = 3\text{dam}$

Chu vi của mảnh vườn hình chữ nhật đó là :

$$3 + 9 \times 2 = 24 \text{ (dam)}$$

Đáp số : 24dam

(Ta cũng có thể thực hiện đổi $9\text{dam} = 90\text{m}$ rồi tính chu vi hình chữ nhật theo đơn vị mét)

Bài 10: Dựa vào tóm tắt, nêu bài toán và giải bài toán sau :

Bài toán : Đoạn dây thứ nhất dài 15cm. Đoạn dây thứ hai dài gấp 3 lần đoạn dây thứ nhất. Tính độ dài đoạn dây thứ hai.

Bài giải

Độ dài đoạn dây thứ hai là :

$$15 \times 3 = 45 \text{ (cm)}$$

Đáp số : 45m

Bài 1:



ĐÁP ÁN TUẦN 9 NÂNG CAO

Bài 1:

$$49 \times 2 < 3 \times x < 20 \times 5 \quad \text{tức là } 98 < 3 \times x < 100$$

$$\text{Vậy } 3 \times x = 99$$

$$x = 99 : 3$$

$$x = 33$$

Bài 2: Có 2 bao gạo. Bao thứ nhất nặng 10kg. Bao thứ hai nặng gấp 3 lần bao thứ nhất.
Hỏi cả 2 bao nặng bao nhiêu kg?

Bài giải

Cả hai bao nặng số ki-lô-gam là :

$$10 \times 3 + 10 = 40 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 40kg

Bài 3:

Bài giải

Đoạn thẳng AB dài số xăng-ti-mét là :

$$2 \times 3 = 6 \text{ (cm)}$$

Đáp số : 6cm

Bài 4:

Bài giải

Chu vi hình A chính là tổng độ dài của 8 cạnh hình vuông.

Vậy chu vi của hình A là:

$$20 \times 8 = 160 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 160cm

Bài 6: Có 35 viên bi được đặt trong 3 hộp. Biết số bi ở mỗi hộp là khác nhau và là các số lẻ liên tiếp.
Hỏi số bi ở mỗi hộp là như nào ?



Số bi ở mỗi hộp là các số lẻ liên tiếp và tổng của 3 số lẻ liên tiếp đó là 35. Vậy số chục của số bi ở mỗi hộp phải là 1.

Tổng của số bi ở 3 hộp là 35 vậy khi cộng các chữ số của hàng đơn vị của các số lẻ liên tiếp ta phải được một số có hàng đơn vị là 5.

Các chữ số đó là : 3, 5, 7

Vậy số bi ở mỗi hộp lần lượt là : 13, 15, 17

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN 10

Họ và tên:Lớp.....

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT TRONG TUẦN

1. Thực hành đo độ dài

a) Hướng dẫn mẫu cách vẽ đoạn thẳng

+ Bước 1: Trên đường kẻ của vở đánh dấu 1 điểm và đặt tên cho điểm đó.

+ Bước 2: Đặt vạch chỉ 0cm trên thước trùng với điểm vừa đánh dấu, chấm 1 điểm trùng với vạch số tương ứng với số đo độ dài mà bài yêu cầu, đặt tên cho điểm đó.

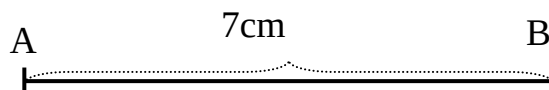
+ Bước 3: Nối hai điểm đó ta được đoạn thẳng có độ dài như bài yêu cầu

Ví dụ : Vẽ đoạn thẳng AB dài 7cm.

+ Bước 1: Trên đường kẻ của vở đánh dấu 1 điểm và đặt tên cho điểm đó là A.

+ Bước 2: Đặt vạch chỉ 0cm trên thước trùng với điểm A, chấm 1 điểm trùng với vạch số 7cm, đặt tên cho điểm đó là điểm B.

+ Bước 3: Nối hai điểm đó ta được đoạn thẳng AB có độ dài 7cm.



b) Hướng dẫn cách đo độ dài 1 vật.

+ Đặt thước áp sát vật cần đo, sao cho mép thước trùng với đường thẳng của vật đó, vạch số 0cm trên thước trùng với đầu của vật, nhìn xem đầu kia của vật cần đo trùng với vạch số mấy thì đọc lên.

2. Bài toán giải bằng hai phép tính

- Cách giải : Đối với bài toán này, ta cần đọc kĩ đề, xác định được :

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

+ Thành phần nào đã biết?

+ Thành phần nào chưa biết? (Muốn tìm được yếu tố bài yêu cầu trước hết ta phải đi tìm thành phần nào?) Để tìm được đối tượng đó ta cần làm như thế nào?

+ Sau khi đã tìm được thành phần chưa biết, em cần làm như thế nào để thực hiện được yêu cầu của bài toán.(Làm phép tính gì?)

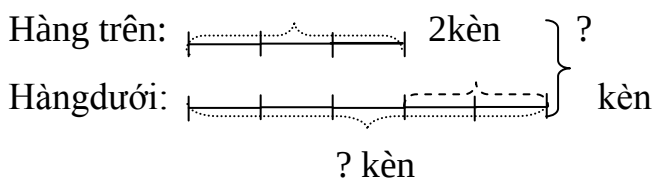
Sau khi đã xác định được những dữ liệu trên, ta thực hiện giải bài toán qua hai bước giải (hai phép tính) :

Bước 1: Tìm một thành phần chưa biết.

Bước 2: Tìm yếu tố bài yêu cầu. (Trả lời câu hỏi bài yêu cầu)

Ví dụ : Hàng trên có 3 cái kèn, hàng dưới có nhiều hơn hàng trên hai cái kèn. Hỏi cả hai hàng có tất cả bao nhiêu cái kèn

Tóm tắt :



Ở bài toán này, ta cần xác định

+ Bài toán đã cho biết số kèn ở hàng trên và cho biết số kèn ở hàng dưới nhiều hơn số kèn ở hàng dưới là 2 cái

+ Bài toán yêu cầu tìm số kèn ở cả hai hàng.

+ Vậy thành phần đã biết là số kèn ở hàng trên

+ Thành phần chưa biết là số kèn ở hàng dưới. Để tìm được số kèn ở hàng dưới ta lấy số kèn ở hàng trên cộng với 2 (vì số kèn ở hàng dưới nhiều hơn số kèn ở hàng dưới là 2 cái)

+ Sau đó ta thực hiện yêu cầu của bài : Tìm số kèn ở cả hai hàng bằng cách cộng số kèn ở hàng trên với số kèn ở hàng dưới (vừa tìm được).

+ Vậy để giải bài toán này ta cần thực hiện qua hai bước tính :

Bước 1 : Tìm số kèn ở hàng dưới

Bước 2 : Tìm số kèn ở cả hai hàng

Bài giải

Số kèn ở hàng dưới là:

$$3 + 2 = 5 \text{ (cái)}$$

Số kèn ở cả hai hàng là:

$$5 + 3 = 8 \text{ (cái)}$$

Đáp số: 8 cái kèn.

*) Lưu ý:

+ Đối với những bài toán có liên quan đến đơn vị đo lường cần xem xét đơn vị đo đã thống nhất hay chưa. Nếu chưa thống nhất đơn vị đo cần đổi các số đo về cùng một đơn vị đo.

+ Phần đáp số chỉ đáp số yếu tố bài yêu cầu, không đáp số phần tìm thành phần chưa biết.

B. BÀI TẬP CƠ BẢN

1. Phần trắc nghiệm

Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S

Tính:

a) $4m + 5dm + 5cm = ?cm$

14cm ...

455cm ...

45cm ...

b) $7dam + 7m + 7dm = ?dm$

77dm ...

707dm ...

777dm ...

c) $8hm - 7dam - 8m = ?m$

862m ...

628m ...

722m ...

d) $6dam + 4m - 9dm = ?dm$

631dm ...

630dm ...

640dm ...

Bài 2. Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng

a. 70m gấp lên 6 lần thì bằng :

A. 42m

B. 420dam

C. 42 dam

D. 76m

b. $\frac{1}{6}$ của 54 phút là:.....phút

A. 6 phút

B. 9 phút

C. 12 phút

D. 54 phút

c. Hình tam giác có độ dài các cạnh là: 15cm, 12cm, 18cm, thì chu vi hình tam giác đó là:

A. 48cm

B. 55cm

C. 45cm

D. 54cm

d. Mẹ nuôi được 24 con gà, số vịt mẹ nuôi nhiều gấp 3 lần số gà. Hỏi mẹ đã nuôi được tất cả bao nhiêu con gà và con vịt?

A. 72 con

B. 27con

C. 54con

D. 96 con

e. Số gồm 8 trăm, 5 chục viết là :

A. 850

B. 805

C. 508

D. 580

g*. Oliver và Otto có chiều cao bằng nhau. Bert thấp hơn Ben. Ben cao hơn Otto.

Oliver thấp hơn Bert. Hỏi ai là người cao nhất?

A. Oliver

B. Otto

C. Bert

D. Ben

h*. Tích của hai số là thừa số thứ nhất. Thừa số thứ hai bằng bao nhiêu?

A. 0

B. 1

C. 10

D. Không xác định được

i*. Cho dãy số: 1 ; 3 ; 7 ; 13; ...;

Số thứ 6 của dãy số là bao nhiêu?

A. 14

B. 19

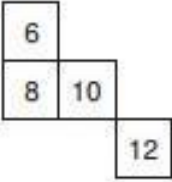
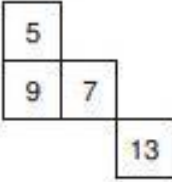
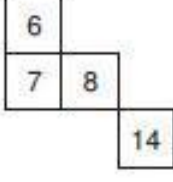
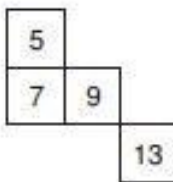
C. 21

D. 31

k*. Cho hình sau:

1	2	4	7
4	?	7	10
6	?	?	12
7	8	10	?

Hỏi hình trên còn thiếu những số nào?

A.  B.  C.  D. 

2. Phần tự luận

Bài 1.

Ước lượng chiều dài của các đồ vật, đo độ dài của chúng rồi điền vào bảng sau

Đồ vật	Ước lượng độ dài	Độ dài đo được
Chiều dài quyển sách Toán 3		
Chiều dài cửa sổ phòng ngủ của gia đình em		
Chiều cao chân bàn học của em.		

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm .

- a. $2\text{m } 30\text{ cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$ $5\text{ m } 3\text{ cm} = \dots\dots\dots\text{dm}$ $1\text{ dm } 9\text{ cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$
- b. $13\text{ km} \times 3 = \dots\dots\dots\text{km}$ $36\text{ mm} : 4 = \dots\dots\dots\text{mm}$ $\dots\dots\dots\text{hm } \dots\dots\dots\text{dam} = 24\text{ dam}$

Bài 3: Đặt tính rồi tính

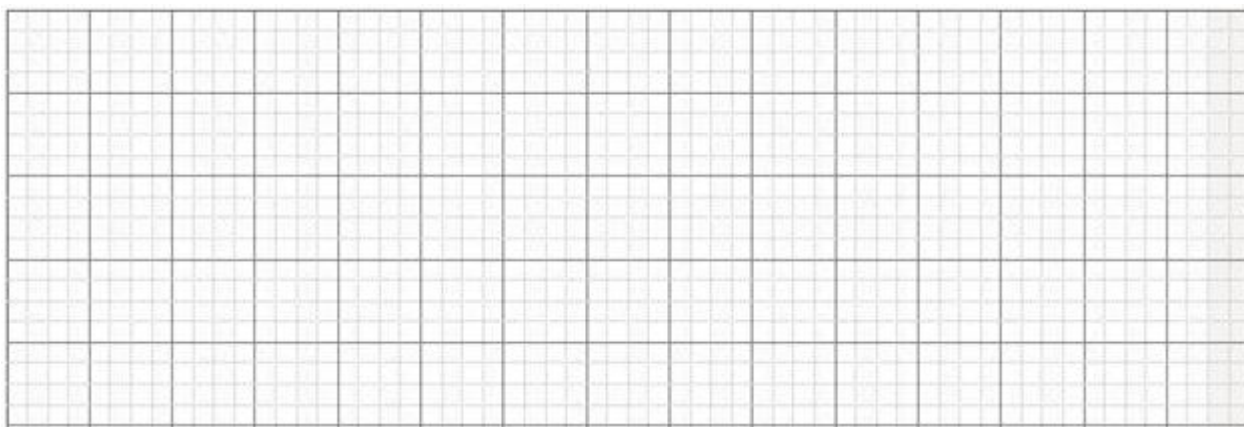
96×3 $88 : 4$ 48×4 $69 : 6$

Bài 4.

- a) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 4cm.
- b) Vẽ đoạn thẳng PQ có độ dài gấp đôi độ dài đoạn thẳng MN.
- c) Vẽ đoạn thẳng HK có ngắn hơn đoạn thẳng PQ và dài hơn đoạn thẳng MN.
- Đoạn thẳng HK em vừa vẽ dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

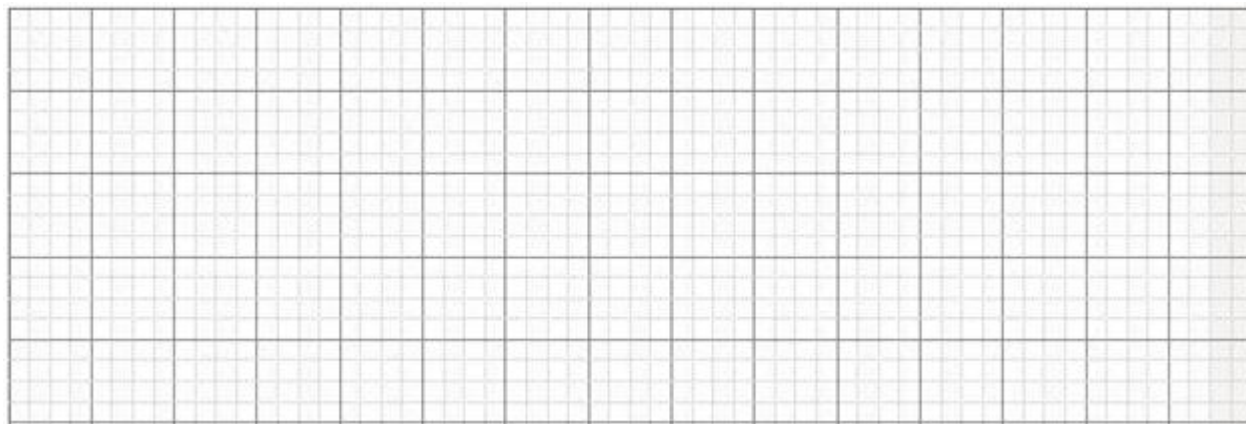
Bài 5. Tìm x: a) $x : 5 = 15$ b) $60 : x = 6$ c) $x : 6 = 42 - 12$

Bài 6. . Trên sân trường có 7 cây bàng, số cây phượng vĩ gấp 3 lần số cây bàng. Hỏi trên sân trường có tất cả bao nhiêu cây bàng và cây phượng vĩ?

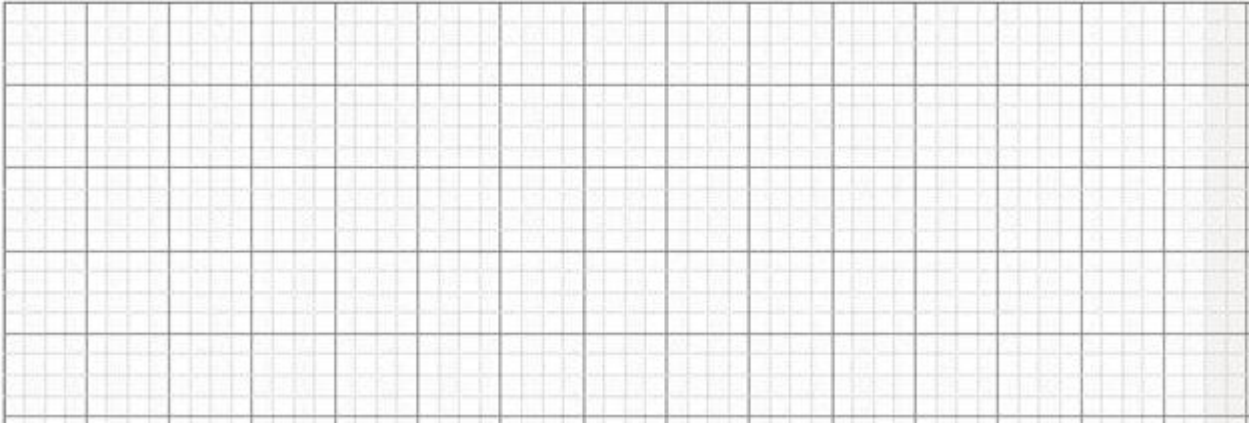


Bài 7: Giải bài toán

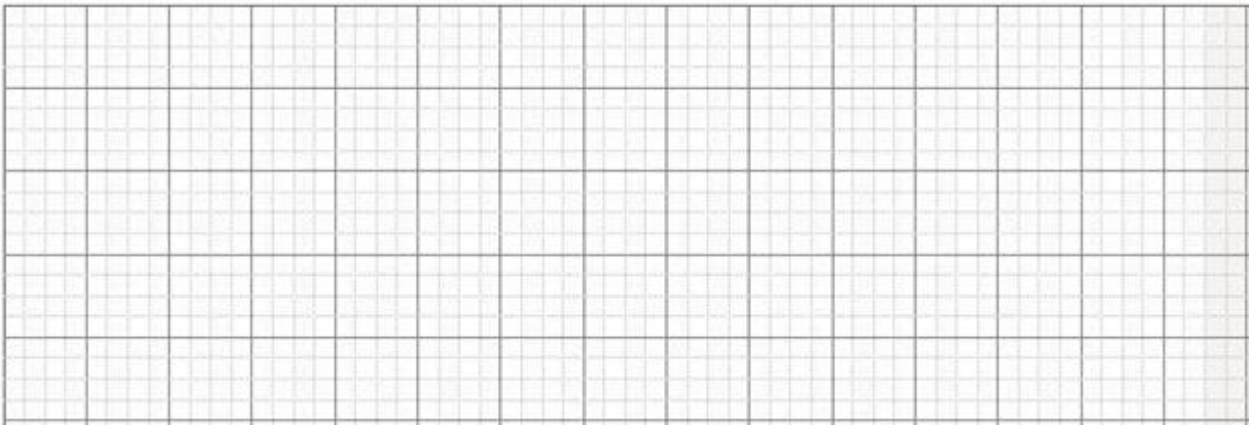
Năm nay mẹ 32 tuổi . Tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ . Hỏi 2 năm nữa con bao nhiêu tuổi?



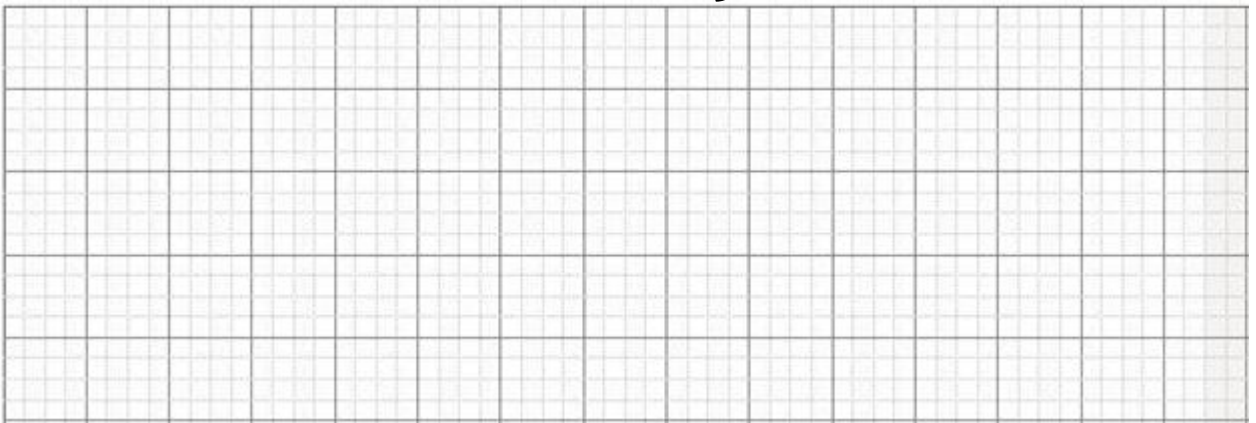
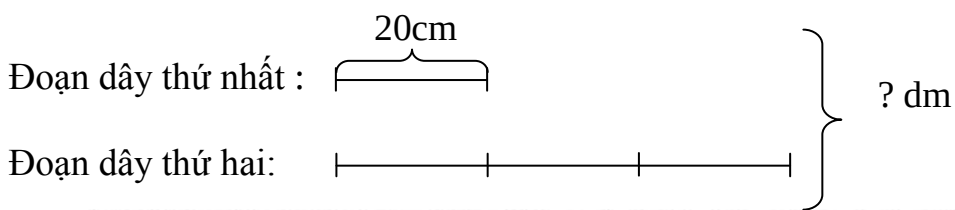
Bài 8. Lớp 3A có 18 bạn nam, số bạn nam ít hơn số bạn nữ 6 bạn. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu học sinh?



Bài 9 : Bạn Hà cao 120cm. bạn Hương cao hơn bạn Hà 1dm nhưng thấp hơn bạn Linh 5cm. Tính chiều cao của bạn Hương, bạn Linh.



Bài 10 : Dựa vào tóm tắt, nêu bài toán và giải bài toán sau :



C. BÀI NÂNG CAO

Bài 1 : Viết tiếp vào chỗ chấm

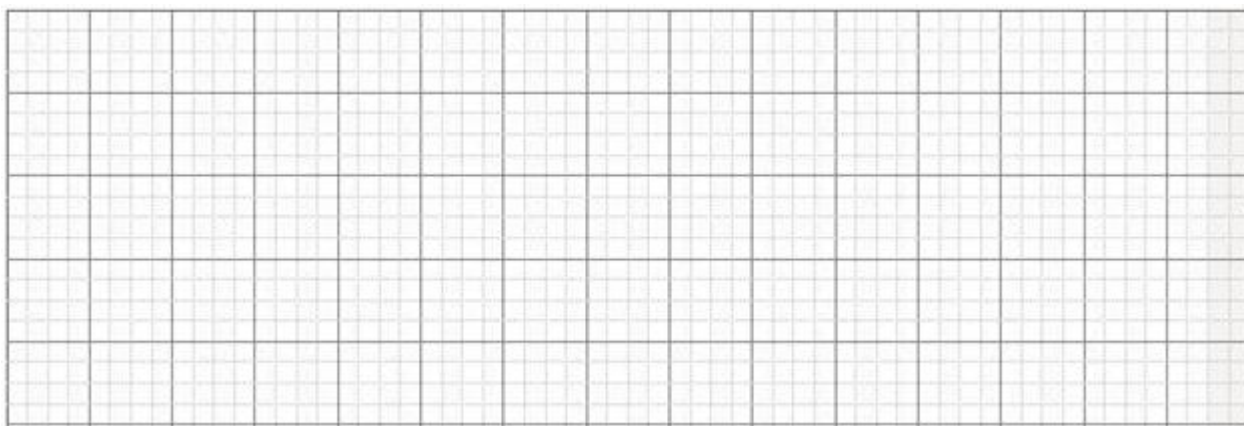
Số bé nhất có 3 chữ số khác nhau mà tổng các chữ số bằng 15 :.....

Số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau mà tổng các chữ số bằng 15 :.....

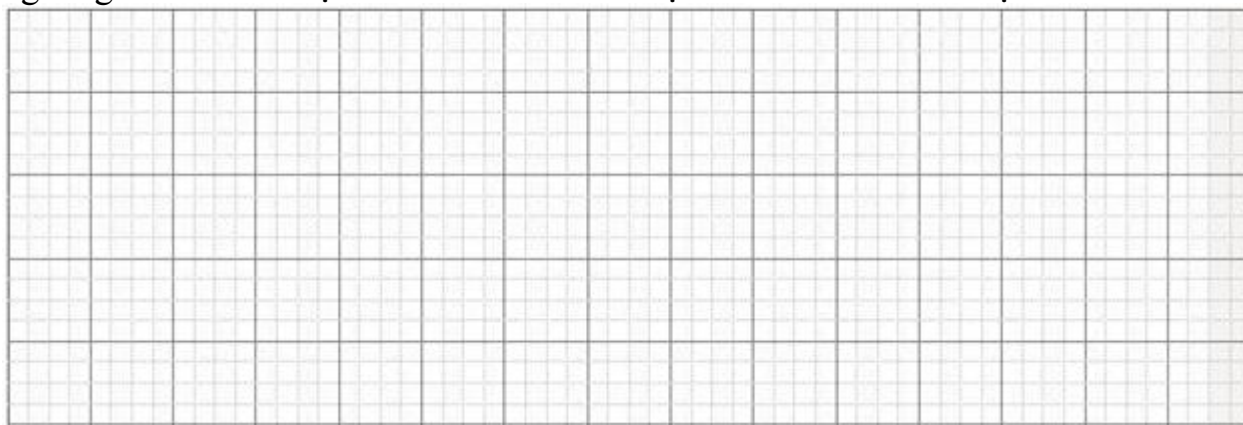
Tổng của số trừ và hiệu số bằng 100. Số bị trừ là :.....

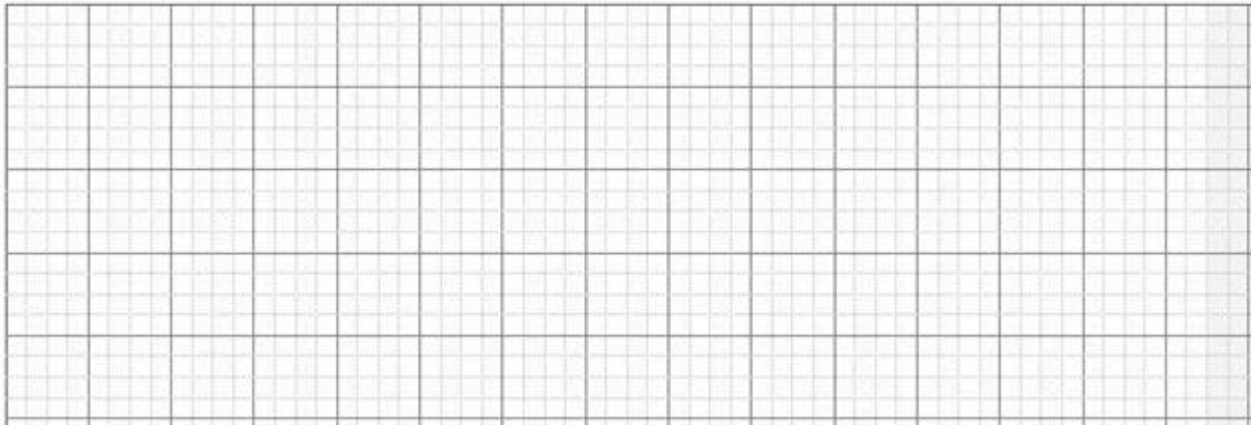
Bài 2 : Một hình chữ nhật có chiều rộng 12cm. Biết chu vi gấp 6 lần chiều rộng. Tính chiều dài hình chữ nhật đó?

Bài giải



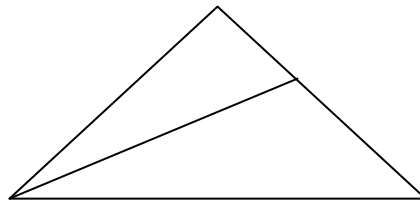
Bài 3 : Một phép chia có số chia là 4 , số dư là 1. Để phép chia là phép chia hết và thương tăng thêm 3 đơn vị thì cần thêm vào số bị chia bao nhiêu đơn vị?





Bài 5:

Vẽ thêm 2 đoạn thẳng để có 8 hình tam giác:



ĐÁP ÁN TUẦN 10

CƠ BẢN

Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S

Tính:

a) $4m + 5dm + 5cm = ?cm$

14cm S

455cm Đ

45cm S

b) $7dam + 7m + 7dm = ?dm$

77dm S

707dm S

777dm Đ

c) $8hm - 7dam - 8m = ?m$

862m S

628m Đ

722m S

d) $6dam + 4m - 9dm = ?dm$

631dm Đ

630dm S

640dm S

Bài 2. Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng

Câu	a	b	c	d	e	g	h	i	k
Đáp án	C	B	C	D	A	D	B	D	D

2. Phần tự luận

Bài 1. HS tự làm. Dưới đây chỉ là đáp án tham khảo

Đồ vật	Ước lượng độ dài	Độ dài đo được
Chiều dài quyển sách Toán 3	20 cm	24 cm
Chiều dài cửa sổ phòng ngủ của gia đình em	2m	1m8dm
Chiều cao chân bàn học của em.	50 cm	60cm

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm .

c. $2m\ 30\ cm = 230\ cm$

$5\ m\ 3\ cm = 503\ dm$

$1\ dm\ 9\ cm = 19\ cm$

d. $13\ km \times 3 = 39km$

$36\ mm : 4 = 9mm$

$2\ hm\ 4dam = 24\ dam$

Bài 3: Đặt tính rồi tính theo cột dọc. Đáp án đúng

$96 \times 3 = 288$

$88 : 4 = 22$

$48 \times 4 = 192$

$69 : 6 = 11\ (\text{dư}$

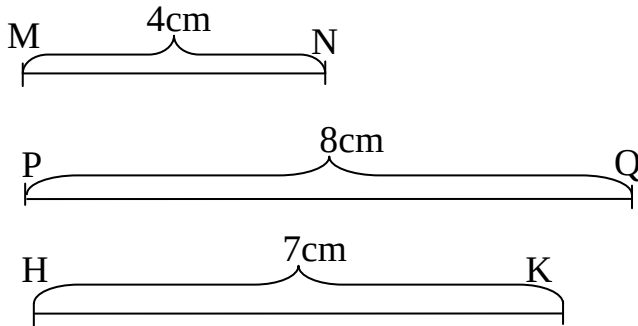
3)

Bài 4.

a) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 4cm.

b) Vẽ đoạn thẳng PQ có độ dài gấp đôi độ dài đoạn thẳng MN.

c) Vẽ đoạn thẳng HK có ngắn hơn đoạn thẳng PQ và dài hơn đoạn thẳng MN.
Đoạn thẳng HK em vừa vẽ dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



Bài 5. Tìm x

a) $x : 5 = 15$

$$x = 15 \times 5$$

$$x = 75$$

b) $60 : x = 6$

$$x = 60 : 6$$

$$x = 10$$

c) $x : 6 = 42 - 12$

$$x : 6 = 30$$

$$x = 30 \times 6$$

$$x = 180$$

Bài 6.

Bài giải

Trên sân trường có số cây phượng vĩ là :

$$7 \times 3 = 21 \text{ (cây)}$$

Trên sân trường có tất cả bao nhiêu cây bàng và cây phượng vĩ là :

$$7 + 21 = 28 \text{ (cây)}$$

Đáp số : 28 cây bàng và cây phượng vĩ

Bài 7: Giải bài toán

Bài giải

Tuổi của con năm nay là:

$$32 : 4 = 8 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của con sau 2 năm nữa là:

$$8 + 2 = 10 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 10 tuổi

Bài 8.

Bài giải

Lớp 3A có số bạn nữ là:

$$15 + 3 = 18 \text{ (bạn)}$$

Lớp 3A có số học sinh là:

$$15 + 18 = 33 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 33 học sinh

Bài 9 :

Bài giải

$$\text{Đổi } 1\text{dm} = 10 \text{ cm}$$

Chiều cao của bạn Hương là:

$$120 + 10 = 130 \text{ (cm)}$$

Chiều cao của bạn Linh là:

$$130 + 5 = 135 \text{ (cm)}$$

Đáp số: Bạn Hương: 130cm

Bạn Linh: 135cm

Bài 10 : Bài toán : Đoạn dây thứ nhất dài 20 cm. Đoạn dây thứ hai dài gấp 3 lần đoạn dây thứ nhất. Hỏi cả hai đoạn dây dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Bài giải

$$\text{Đổi } 20\text{cm} = 2\text{dm}$$

Đoạn dây thứ hai dài số đề-xi-mét là :

$$2 \times 3 = 6 \text{ (dm)}$$

Cả hai đoạn dây dài số đề-xi-mét là :

$$2 + 6 = 8 \text{ (dm)}$$

Đáp số : 8dm

ĐÁP ÁN TUẦN 10

NÂNG CAO

Bài 1 : Viết tiếp vào chỗ chấm

Số bé nhất có 3 chữ số khác nhau mà tổng các chữ số bằng 15 : 159

Số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau mà tổng các chữ số bằng 15 : 951

Tổng của số trừ và hiệu số bằng 100. Số bị trừ là 100

Bài 2 :

Lưu ý : Tổng của chiều dài và chiều rộng chính là nửa chu vi của hình chữ nhật.

Bài giải

Vì chu vi của hình chữ nhật gấp 6 lần chiều rộng nên nửa chu vi của hình chữ nhật gấp 3 lần chiều rộng của hình chữ nhật đó.

Nửa chu vi của hình chữ nhật đó là :

$$12 \cdot 3 = 36 \text{ (cm)}$$

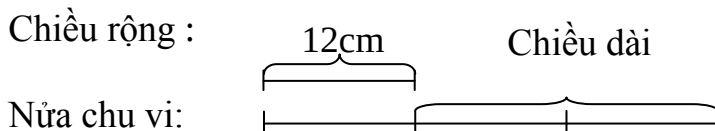
Vậy chiều dài của hình chữ nhật đó là : $36 - 12 = 24 \text{ (cm)}$

Đáp số : 24cm

Cách 2 :

Bài giải

Vì chu vi của hình chữ nhật gấp 6 lần chiều rộng nên nửa chu vi của hình chữ nhật gấp 3 lần chiều rộng của hình chữ nhật đó. Vậy coi nửa chiều rộng của hình chữ nhật là 1 phần thì nửa chu vi của hình chữ nhật sẽ là 3 phần như thế. Vậy ta có sơ đồ :



Nhìn vào sơ đồ ta có thể thấy, chiều dài của hình chữ nhật gấp đôi chiều rộng. Vậy chiều dài của hình chữ nhật là : $12 \cdot 2 = 24 \text{ (cm)}$

Đáp số : 24cm

Bài 3 :

Vì phép chia có số chia là 4 và số dư là 1 nên để phép chia là phép chia hết thì số bị chia phải tăng lên : $4 - 1 = 3 \text{ (đơn vị)}$

Nếu số bị chia tăng 3 đơn vị thì thương sẽ tăng lên 1 đơn vị

Để thương tăng lên 3 đơn vị thì sau khi tăng thêm 3 đơn vị, số bị chia sẽ phải tăng thêm số đơn vị bằng 2 lần số chia nữa tức là tăng thêm $4 \times 2 = 8 \text{ (đơn vị)}$ nữa

Vậy phép chia là phép chia hết và thương tăng thêm 3 đơn vị thì cần thêm vào số bị chia số đơn vị là : $8 + 3 = 11 \text{ (đơn vị)}$

Đáp số : 11 đơn vị

Bài 4 :

Bài giải

Anh gấp được số chiếc thuyền là :

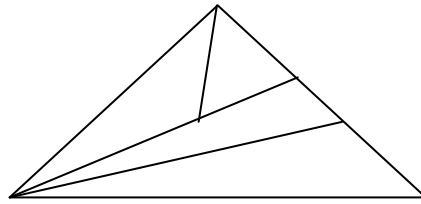
$$18 - 6 = 12 \text{ (chiếc)}$$

Chương gấp được số chiếc thuyền là :

$$12 - 8 = 4 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số : 4 chiếc thuyền

Bài 5:



MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

ĐỀ SỐ 1

I. TRẮC NGHIỆM: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

1. Cho các số: 928; 982; 899; 988. Số lớn nhất là:

- A. 928 B. 982 C. 899 D. 988

2.- 300 = 40. Số thích hợp để điền vào ô trống là:

- A. 260 B. 340 C. 430 D. 240

3. $\frac{1}{4}$ của 24cm là:

- A. 12cm B. 8cm C. 6cm D. 4cm

4. Kết quả của phép nhân 28×5 là:

- A. 410 B. 400 C. 140 D. 310

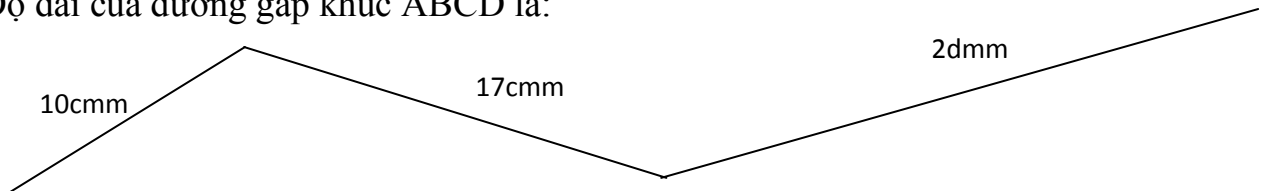
5. Kết quả của phép chia $36 : 4$ là:

- A. 4 B. 6 C. 8 D. 9

6. Cho dãy số: 9; 12; 15; ...; ...; ...; Các số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

- A. 18; 21; 24 B. 16; 17; 18 C. 17; 19; 21 D. 18; 20; 21

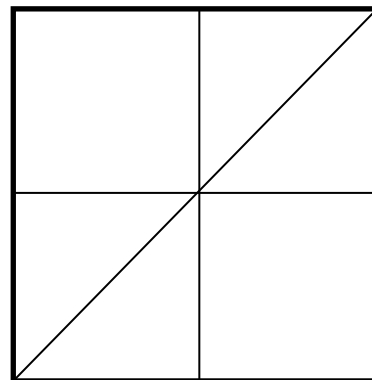
7. Độ dài của đường gấp khúc ABCD là:



- A. 68cm B. 29dm C. 29cm D. 47cm

8. Hình bên có:

- A. 9 hình chữ nhật, 4 hình tam giác
B. 8 hình chữ nhật, 4 hình tam giác
C. 9 hình chữ nhật, 6 hình tam giác
D. 8 hình chữ nhật, 5 hình tam giác



9. Nối cho thích hợp:

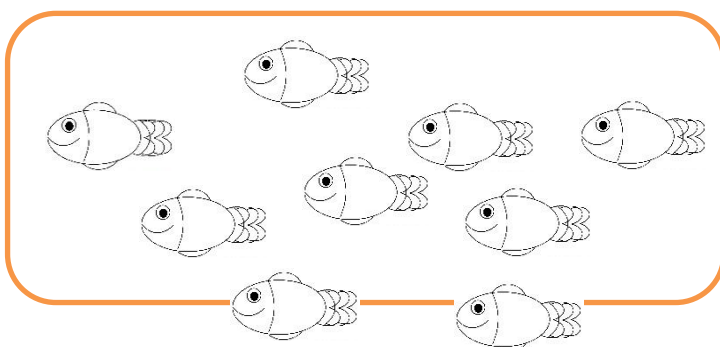


8dm

3m

130cm

10. Tô màu $\frac{1}{3}$ số con cá:



II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính

a) $248 + 136$

b) $375 - 128$

c) 48×6

d) $49 : 7$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tính

a) $84 \times 7 - 99$

b) $23 \times 9 + 15$

.....

.....

.....

Bài 3: Tìm x

a) $x \times 6 = 42$

b) $24 : x = 4$

.....

.....

.....

Bài 4: Đoạn dây thứ nhất dài 18dm, đoạn dây thứ hai dài gấp 6 lần đoạn dây thứ nhất.
Hỏi đoạn dây thứ hai dài bao nhiêu đề-xi-mét ?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 2

I. Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

1. Số có ba chữ số lớn nhất là:

- A. 100 B. 989 C. 900 D. 999

2. $418 + 201 = \dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 729 B. 619 C. 719 D. 629

3. $627 - 143 = \dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 474 B. 374 C. 574 D. 484

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống: $6 \times 6 \dots 30 + 5$.

- A. < B. = C. >

5. $\frac{1}{5}$ của 35m là là bao nhiêu?

- A. 6m B. 7m C. 8m D. 9m

6. 42 giờ giảm đi 6 lần còn bao nhiêu giờ?

- A. 7 giờ B. 8 giờ C. 9 giờ D. 10 giờ

7. $3m4cm = \dots$ cm. Số cần điền vào chỗ chấm là :

- A. 34 B. 304 C. 340 D. 7

8. Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Hỏi 4 tuần lễ có bao nhiêu ngày ?

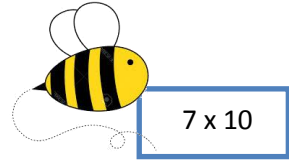
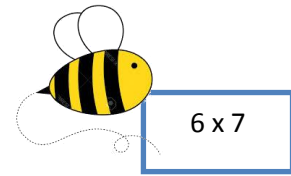
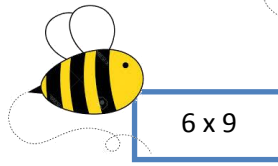
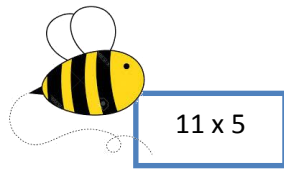
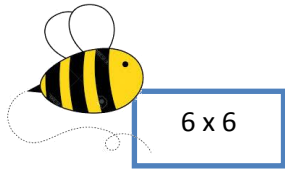
- A. 11 ngày B. 21 ngày C. 24 ngày D. 28 ngày

9. Mẹ có đĩa bánh như hình, mẹ chia đều cho hai anh em, hỏi mỗi anh em được mấy chiếc bánh?



- A. 2 chiếc B. 4 chiếc C. 6 chiếc D. 7 chiếc

10. Nối phép tính với kết quả:



Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$452 + 361$$

$$541 - 127$$

$$54 \times 6$$

$$24 : 6$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tính

$$5 \times 7 + 27$$

$$80 : 2 - 13$$

.....

.....

.....

Bài 3: Tìm X

$$X \times 4 = 32$$

$$X : 6 = 12 + 10$$

.....

.....

.....

Bài 4: Một cửa hàng có 40m vải xanh và đã bán được $\frac{1}{5}$ số vải đó. Hỏi cửa hàng đó đã bán được bao nhiêu mét vải xanh?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 3

I. Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

1. 7 gấp lên 6 lần thì bằng :

- A. 1 B. 13 C. 42 D. 48

2. $8\text{dam}2\text{m} = \dots\dots\text{m}$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là :

- A. 82 B. 802 C. 820 D. 8200

3. Kết quả của dãy tính $15 \times 4 + 5$ là :

- A. 95 B. 24 C. 65 D. 55

4. Một giờ có 60 phút, 5 giờ có số phút là :

- A. 65 B. 650 C. 12 D. 300

5. $\frac{1}{6}$ của 48m là:

- A. 8m B. 42m C. 54m D. 65

6. Số bảy trăm linh bảy viết là :

- A. 770 B. 707 C. 777 D. 700

7. Chữ số 4 trong số nào sau đây có giá trị là 400?

- A. 405 B. 543 C. 40 D. 504

8. 1 giờ có 60 phút thì $\frac{1}{5}$ giờ có bao nhiêu phút?

- A. 10 phút B. 12 phút C. 15 phút D. 13 phút

9. Nối cho thích hợp:

Chín trăm mười một

Chín trăm chín mươi

Chín trăm



Chín trăm mười

Chín trăm linh chín

Chín trăm linh một

10. Trong các số của câu 9, hiệu của số lớn nhất và số nhỏ nhất là:

- A. 89 B. 81 C. 90 D. 100

II. TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$635 + 218$$

$$426 - 119$$

$$56 \times 4$$

$$45 \times 6$$

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tính

$$5 \times 5 + 18$$

$$5 \times 7 - 23$$

$$7 \times 7 \times 2$$

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Viết tất cả các số có 3 chữ số mà tổng của 3 chữ số đó là 3.

.....

.....

Bài 4: Đội tuyển học sinh giỏi Trường Tiểu học Kim Đồng có 78 học sinh, trong đó có $\frac{1}{3}$ là số học sinh giỏi Toán. Hỏi trường Tiểu học Kim Đồng có bao nhiêu học sinh giỏi Toán?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 4

I. Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

1. Kết quả của phép tính cộng: $475 + 317$ là:

- A. 792 B. 782 C. 783 D. 793

2. Kết quả của phép tính trừ: $645 - 127$ là:

- A. 528 B. 518 C. 522 D. 525

3. $\frac{1}{2}$ của 40m là:

- A. 20 B. 80m C. 2dam D. 20dm

4. 1hm =m. Đáp án thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

- A. 100m B. 100 C. 1000 D. 1 m

5. 9 giờ 45 phút còn được gọi là:

- A. 10 giờ kém 15 phút B. 10 giờ kém 10 phút.

- C. 9 giờ kém 15 phút D. 21 giờ 15 phút

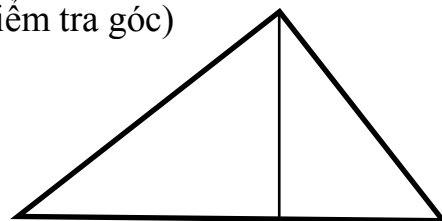
6. Số góc vuông có trong hình bên là: (dùng ê ke để kiểm tra góc)

A. 4 góc

B. 3 góc

C. 2 góc

D. 1 góc



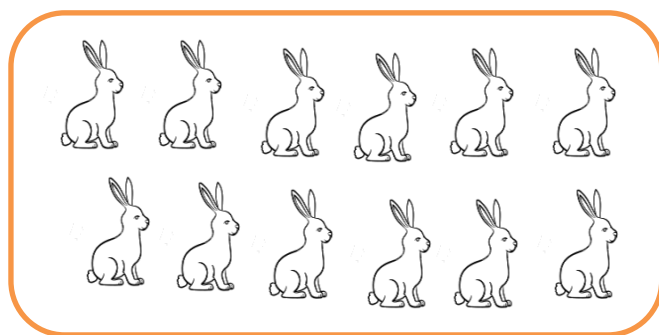
7. 45 giảm 3 lần được bao nhiêu?

- A. 42 B. 48 C. 15 D. 135

8. $\frac{1}{2}$ hm =m?

- A. 100 B. 10 C. 5 D. 50

9. Có số con thỏ như hình vẽ, điền vào chỗ chấm cho thích hợp:

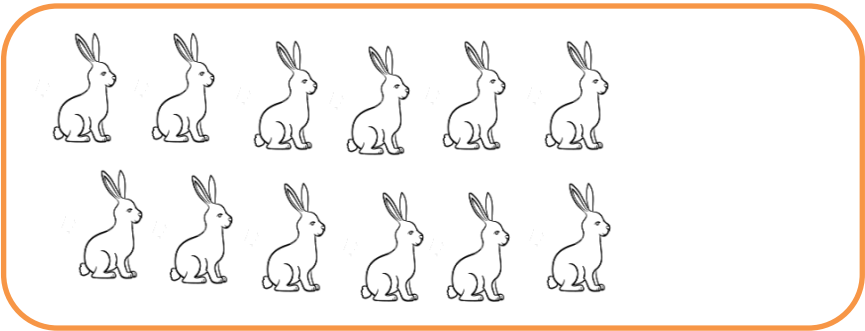


- Nếu xếp vào 3 chuồng, mỗi chuồng cócon.

- Nếu xếp vào chuồng, mỗi chuồng có 6 con.

- Nếu xếp vào chuồng, mỗi chuồng có 2 con.

10. Hãy vẽ thêm số thỏ để có thể xếp số thỏ đó vào 3 chuồng, mỗi chuồng có 5 con.



PHẦN II : TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính

26×5

60×7

$84 : 2$

$66 : 3$

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Đổi các đơn vị đo sau

$5\text{dam} = \dots\dots\text{dm}$

$1\text{dam } 1\text{m} = \dots\dots\dots\text{m}$

$220\text{cm} = \dots\dots \text{dm}$

$505\text{cm} = \dots\dots\text{m } \dots\dots\text{cm}$

Bài 3: Tính

$7 \times 3 + 12$

$54 : 6 + 25$

.....

.....

.....

Bài 4: Em hái được 7 quả cam, chị hái được gấp 3 lần số cam của em. Hỏi chị hái được bao nhiêu quả cam ?

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 5

I. Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

1. Số 901 đọc là:

A. Chín trăm một

B. Chín trăm không một

C. Chín trăm linh một

C. Chín trăm mười

2. $369 = \dots\dots\dots$

A. $300 + 60 + 90$

B. $300 + 6 + 9$

C. $300 + 600 + 9$

D. $300 + 60 + 9$

3. Số bé nhất trong các số : 620, 499, 531, 779 là:

A. 620

B. 499

C. 531

D. 779

4. Đường gấp khúc ABCD có độ dài các cạnh lần lượt là: 25cm, 26 cm, 3dm. Độ dài đường gấp khúc đó là:

A. 54cm

B. 81cm

C. 54dm

D. 81dm

5. Số gồm bảy trăm, năm đơn vị và hai chục là:

A. 752

B. 7205

C. 725

D. 70052

6. Kết quả của phép tính: 5 gấp lên 6 lần rồi bớt đi 15 đơn vị là:

A. 15

B. 26

C. 30

D. 25

7. Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm $\frac{1}{2}$ dam10m

A. >

B. <

C. =

D. không so sánh được

8. Phép tính nào sau đây đúng?

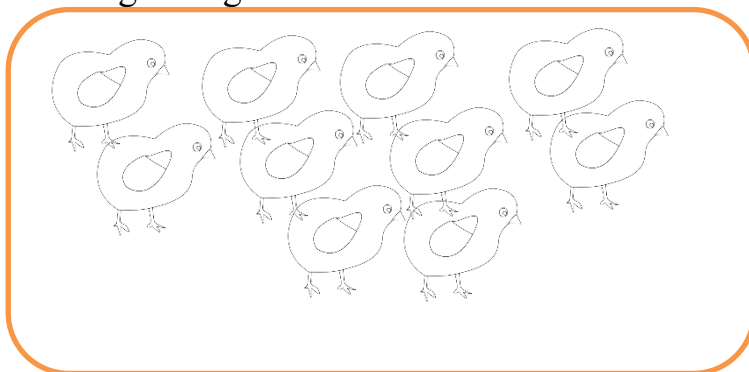
A. $35m \times 3 = 105$

B. $35m \times 3m = 105$

C. $35m \times 3 = 105m$

D. $35m \times 3m = 105m$

9. Hãy tô màu 5 con gà trong hình và cho biết đã tô màu bao nhiêu phần tổng số gà?



A. $\frac{1}{3}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{1}{4}$

D. $\frac{1}{2}$

10. Lớp 3A có 24 học sinh chia thành 6 nhóm khi học Tiếng Anh và 4 nhóm khi học Tiếng Việt. Hỏi số bạn trong mỗi nhóm học môn nào nhiều hơn?

A. Môn Tiếng Anh

B. Môn Tiếng Việt

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$367 + 152$$

$$365 + 329$$

$$382 - 57$$

$$986 - 147$$

.....
.....
.....

Bài 2: a. Tìm x

$$x : 8 = 5$$

$$x - 45 = 145$$

b. Tính

$$5\text{cm} \times 9 - 28\text{cm}$$

$$36\text{kg} : 4 + 41\text{kg}$$

Bài 3: Khối lớp 3 có 95 bạn nữ và 117 bạn nam. Hỏi khối lớp 3 có số bạn nam nhiều hơn bạn nữ bao nhiêu bạn?

Bài giải

Bài 4: Tìm số lớn nhất có 3 chữ số và tổng các chữ số bằng 20

ĐỀ SỐ 6

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

a. Số lớn nhất có ba chữ số là (M1-0,5đ):

- A.100 B. 989 C. 900 D. 999

b. $418 + 201 = \dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là (M1-0,5đ):

- A. 621 B. 619 C. 719 D. 629

c. $627 - 143 = \dots$ Số cần điền vào chỗ chấm là (M1-0,5đ):

- A.474 B. 374 C.. 574 D. 484

d. $6 \times 6 \square 30 + 5$. Dấu cần điền vào ô trống là (M2-0,5đ):

- A. < B. > C. = D. Không điền được dấu

e. $\frac{1}{5}$ của 35m làSố cần điền vào chỗ chấm là (M2-0,5đ)

- A. 7m B.8m C. 9m D.10

g. 42 giờ giảm đi 6 lần thì còn.....Số cần điền vào chỗ chấm là (M2-0,5đ):

- A. 7 giờ B. 8 giờ C. 9 giờ D. 10 giờ

h. $3\text{m}4\text{cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$. Số cần điền vào chỗ chấm là (M2-0,5đ):

- A. 34 B.340 C. 304 D. 7

i. Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Hỏi 4 tuần lễ có bao nhiêu ngày ?(M3-0,5đ)

- A. 11 ngày B. 21 ngày C. 24 ngày D.28 ngày

Bài 2 : Đặt tính rồi tính(M1-2đ):

$$452 + 361 \qquad 541 - 127 \qquad 54 \times 6 \qquad 66 : 6$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3 : Tính:(M2-1đ):

$$5 \times 7 + 27$$

$$80 : 2 - 13$$

.....

.....

.....

.....

Bài 4 : Tìm x (M2-1đ):

$$x \times 4 = 32$$

$$x : 6 = 12$$

.....

.....

.....

.....

Bài 5 : Một cửa hàng có 40 mét vải xanh và đã bán được $\frac{1}{4}$ số vải đó. Hỏi cửa hàng đó đã bán được bao nhiêu mét vải xanh ? (M3-1đ):

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: Cho các chữ số: 0,1,2,3. Hãy viết tất cả các số có 3 chữ số từ các chữ số đã cho.(M4-1đ):

.....

.....

ĐỀ SỐ 7

Bài 1: Hãy khoanh vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng :

1. Số bé nhất có 3 chữ số là:(M1-0,5đ):

- A. 1000 B. 100 C.101 D. 111

2. Cho hình tam giác có độ dài 3 cạnh lần lượt là: 20cm, 4dm, 5dm. Chu vi của hình tam giác đó là:(M3-0,5đ):

- A. 29cm B. 29dm C. 11dm D. 11 cm

3. Cho dãy số: 7; 14; 21; 28;;;49; 56; 63; 70. Hai số còn thiếu là:(M2-0,5đ):

- A. 30 và 32 B. 36 và 38 C. 35 và 42 D. 38 và 40

4. Trong rổ có 18 quả cam, lấy ra $\frac{1}{3}$ số quả cam. Như vậy đã lấy ra:(M3-0,5đ):

- A. 3 quả cam B. 6 quả cam C. 15 quả cam D. 12 quả cam

5. $\frac{1}{6}$ của 24 giờ là giờ. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:(M2-0,5đ):

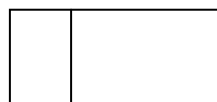
- A. 4 B. 12 C.18 D. 6

6.Trong các phép chia có dư với số chia là 5,thì số dư lớn nhất của các phép chia đó là: (M2-0,5đ):

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Bài 2: Điền số thích hợp vào ô trống (M2-1đ):

a. Hình vẽ bên có góc vuông.



b Đồng hồ chỉgiờ.....phút



Bài 3. Đặt tính rồi tính:(M1-2đ):

a. $426 + 137$

b. $590 - 76$

c. 27×6

d. $96 : 3$

Bài 4. Tìm X: (M2-1đ):

a. $X \times 6 = 54$

b. $49 : X = 7$

Bài 5. Tính:(M2-1đ):

a. $18 \times 6 - 29$

b. $90 : 3 + 108$

Bài 6. Giải toán :(M3-1đ):

Lớp em có 42 học sinh. Tổ em có số bạn bằng $\frac{1}{7}$ số học sinh cả lớp. Hỏi tổ em có bao nhiêu bạn ?

Bài 7: (M4-1đ):a) Viết số có 3 chữ số có hàng chục gấp 3 lần hàng đơn vị, hàng trăm bằng nửa hàng chục.

b) Viết số có 3 chữ số có hàng chục gấp 2 lần hàng đơn vị, hàng trăm gấp hai lần hàng chục.

ĐỀ SỐ 8

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a) $5\text{m } 5\text{cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$. Số cần điền vào chỗ chấm là: (M2-0,5đ):

- A. 10 B. 55 C. 505 D. 550

b) $\frac{1}{3}$ của 30 kg là $\dots\dots\dots\text{kg}$. Số cần điền vào chỗ chấm là: (M2-0,5đ):

- A. 10 B. 33 C. 27 D. 90

c) $7 \times 6 + 14 = ?$. Kết quả của phép tính là: (M2-0,5đ):

- A. 17 B. 56 C. 63 D. 42

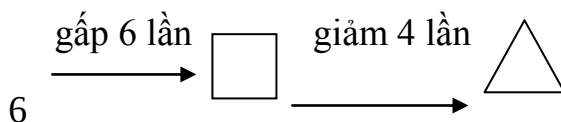
d) Một hình vuông có chu vi 80 cm. Cạnh của hình vuông đó là : (M3-1đ):

- A. 2 cm B. 2 dm C. 320 cm D. 320 dm

e) $48 : x = 6$ (M2-0,5đ):

- A. $x = 42$ B. $x = 288$ C. $x = 54$ D. $x = 8$

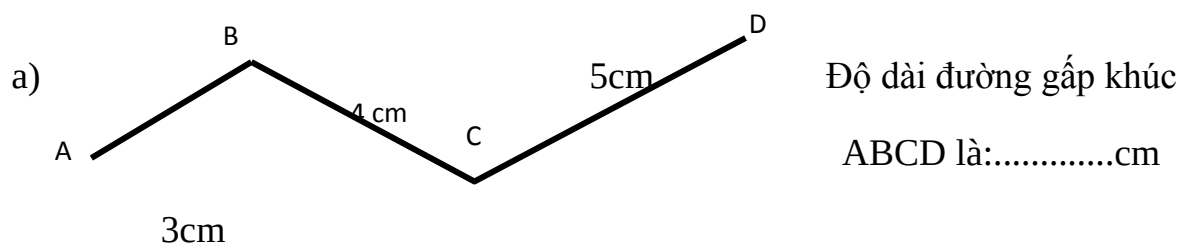
g) (M1-0,5đ):



Số cần điền vào hình vuông và hình tam giác là:

- A. 36 và 9 B. 42 và 7 C. 36 và 6 D. 8 và 2

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (M3-1đ):



b) Thứ năm tuần này là ngày 25 tháng 3. Hỏi thứ năm tuần sau là ngày $\dots\dots\text{tháng}\dots\dots$

Bài 3: Đặt tính rồi tính: (M1-2đ):

$156 + 127$

$232 - 41$

12×6

$68 : 2$

Bài 4: Tìm x: (M2-1đ):

$24 : x = 6$

$x - 31 = 27 + 47$

Bài 5. Tính:(M2-1đ):

a) $12 \times 3 - 19$

b) $56 : 7 + 98$

Bài 6: Giải bài toán(M3-1đ):

Chị hái được 15 quả cam, số cam mẹ hái được gấp đôi số cam của chị. Hỏi mẹ hái được bao nhiêu quả cam?

Bài giải:

Bài 7:(M4-1đ):

Số 45 thay đổi thế nào nếu?

a) Viết thêm chữ số 0 vào bên phải số đó?

b) Viết thêm chữ số 2 vào bên trái số đó?

ĐỀ SỐ 9

Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống (M1-1đ):

$7 \times 5 + 15 = 50$ ☐

$1\text{hm} = 10\text{m}$ ☐

$6 \times 6 + 21 = 47$ ☐

$2\text{ dm } 2\text{mm} = 22\text{mm}$ ☐

Bài 2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

a) Lấy số 42 giảm đi 6 lần rồi giảm đi 4 đơn vị thì có số :(M2-0,5đ):

- A. 6 B. 3 C. 2 D. 4

b) Một hình chữ nhật có chiều dài 20 cm, chiều rộng 15 cm. Chu vi của hình chữ nhật đó là :(M3-0,5đ):

- A. 35 cm B. 17cm C. 70cm D. 70dm

c) Biết 16 chia cho x được 4. Hỏi 64 chia cho x được mấy?(M3-0,5đ):

- A. 24 B. 14 C. 4 D. 34

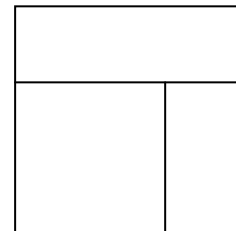
d) Hình bên có bao nhiêu hình chữ nhật ?(M2-0,5đ):

A. 3 hình

B. 4 hình

C. 5 hình

D. 6 hình



Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (M2-2đ):

$2\text{ km} = \dots\dots\dots\text{m};$

$54\text{dm} = \dots\dots\dots\text{dm} \dots\dots\text{cm}$

$7\text{ m} = \dots\dots\dots\text{dm};$

$3\text{hm } 2\text{m} = \dots\dots\dots\text{m}$

Bài 4: Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

$248 + 127$

$518 - 109$

34×7

$93 : 3$

.....
.....
.....
.....
.

Bài 5 :Tìm y (M2-1đ):

$$783 - y = 97$$

$$32 : y = 4$$

.....

.....

.....

.....

Bài 6 : Giải bài toán (M3-1đ):

Cô giáo chia 36 học sinh thành các nhóm, mỗi nhóm có 4 học sinh. Hỏi chia được bao nhiêu nhóm ?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7 : (M4-1đ):Tích của hai số gấp 5 lần thừa số thứ nhất. Tìm thừa số thứ hai.

.....

.....

.....

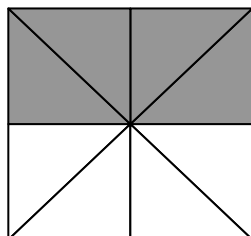
.....

ĐỀ SỐ 10

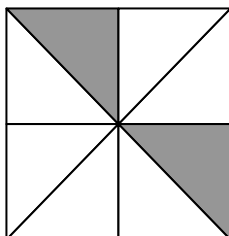
Bài 1 : Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

- 1- Tìm x, biết: $x : 7 = 21$ dư 3 (M2-0,5đ):
A. $x = 150$ B. $x = 147$ C. $x = 144$ D. $x = 168$
- 2- $3m\ 4cm = \dots$ Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:(M2-1đ):
A. 340cm B. 34cm C. 304cm D. 34 dm
- 3- Một hình tam giác có 3 cạnh bằng nhau, mỗi cạnh là 7cm. Chu vi hình tam giác đó là:(M3-0,5đ):
A. 15cm B. 21cm C. 28cm D. 14 cm
- 4- Con hái được 7 quả cam, mẹ hái được gấp 5 lần số cam của con. Vậy mẹ hái được số quả cam là:.(M3-0,5đ):
A. 35 quả B. 12 quả C. 2 quả D. 12 quả
- 5- Đã tô màu vào $\frac{1}{4}$ số hình tam giác của hình nào?:(M1-0,5đ):

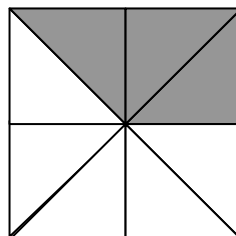
A.



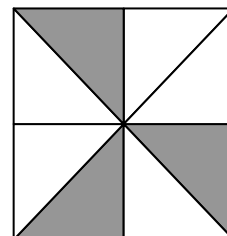
B.



C.

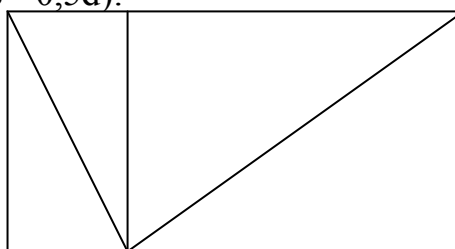


D.

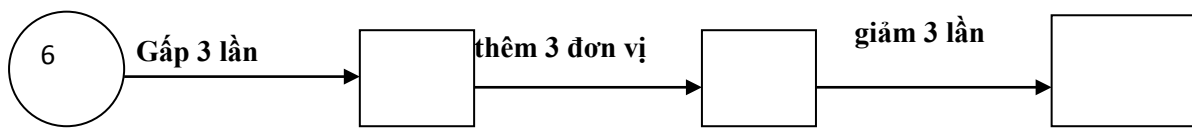


6. Hình bên có bao nhiêu hình tam giác? :(M3 - 0,5đ):

- A. 3 hình tam giác
B. 4 hình tam giác
C. 5 hình tam giác
D. 6 hình tam giác



Bài 2: Viết số thích hợp vào ô trống:(M1 - 1,5đ):



Bài 3: Đặt tính rồi tính: :(M1 - 2đ):

$37 + 415$

$300 - 48$

53×6

$84 : 4$

.....

Bài 4: Tính :(M2 - 1đ):

a) $6 \times 9 - 8$

b) $42 : 7 + 15$

.....

Bài 5 : Điền dấu $>, <, =$ vào chỗ chấm cho thích hợp :(M2-2đ):

6m 5cm65cm

3kg8g.....30kg

45dm.....4dm5cm

$\frac{1}{5}$ giờ.....40 phút

Bài 6 : Một ô tô phải đi quãng đường 75km. Ô tô đi được $\frac{1}{3}$ quãng đường thì dừng lại nghỉ. Hỏi ô tô đã đi đoạn đường dài bao nhiêu ki- lô-mét ? :(M3-1đ):

.....

Bài 7 : Viết số:(M4-1đ):

a. Từ ba chữ số 5, 8, 0 lập số lớn nhất có ba chữ số khác nhau :.....

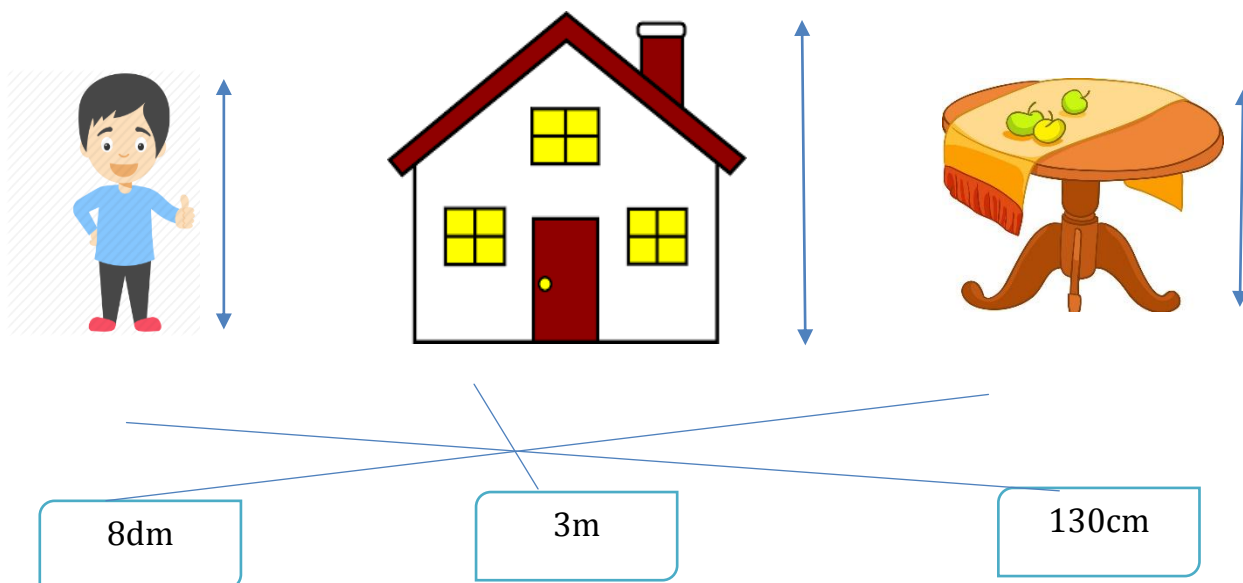
b. Từ ba chữ số 9, 7, 1 lập số bé nhất có ba chữ số khác nhau.:.....

ĐÁP ÁN
ĐÁP ÁN ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN 3
ĐỀ SỐ 1

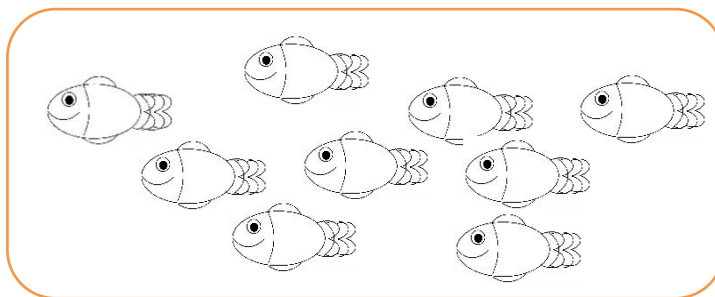
I. TRẮC NGHIỆM:

1.D	3.C	5.D	7.D
2.B	4.C	6.A	8.C

9. Nối cho thích hợp:



10. Tô màu $\frac{1}{3}$ số con cá: (Tô màu 3 con bất kì)



II. TỰ LUẬN:

Bài 1. a. 384 b. 247

Bài 2: a. $= 588 - 99 = 489$

c. 288

d. 7

Bài 3. $x = 42 : 6$

$x = 7$

b. $= 207 + 15 = 222$

$x = 24 : 4$

$x = 6$

Bài 4:

Bài giải

Đoạn dây thứ hai dài là:

$$18 \times 6 = 108 \text{ (dm)}$$

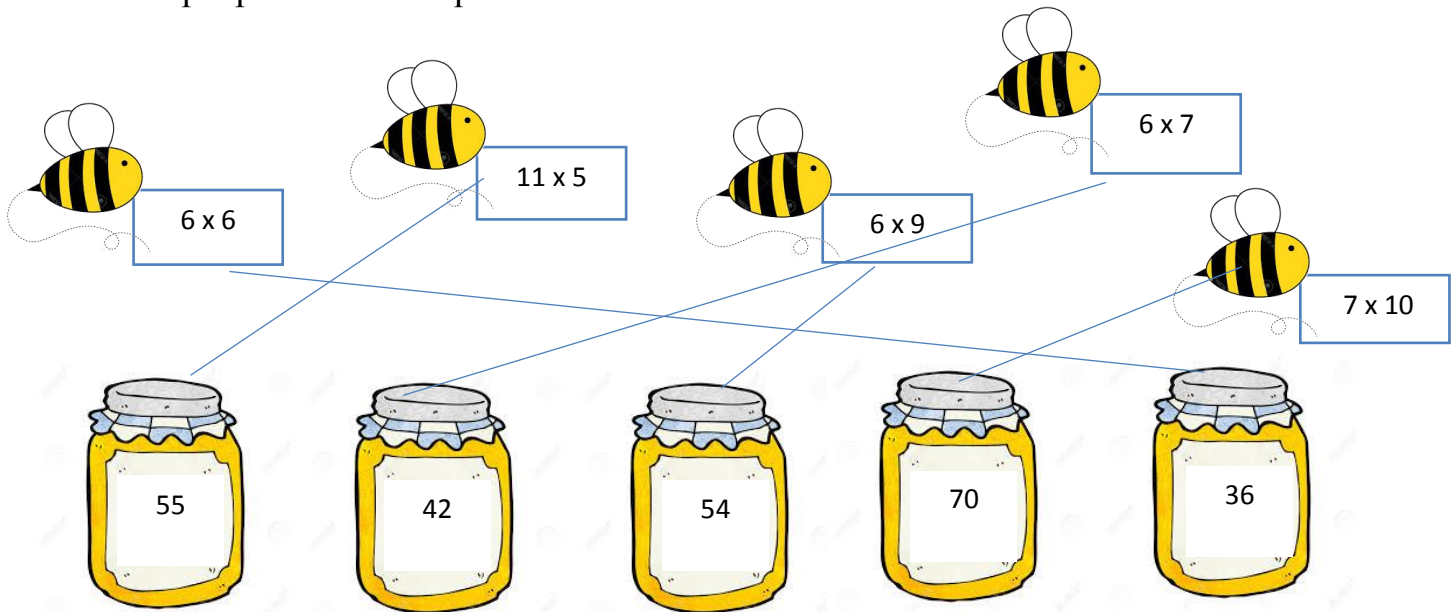
Đáp số: 108dm

ĐỀ SỐ 2

I. TRẮC NGHIỆM:

1.D	3.D	5.B	7.B	9B
2.B	4.C	6.A	8.D	

10. Nối phép tính với kết quả:



II. TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 452 + 361 \\ = 813 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 541 - 127 \\ = 414 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 54 \times 6 \\ = 324 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 24 : 6 \\ = 4 \end{array}$$

Bài 2: Tính:

$$\begin{array}{r} 5 \times 7 + 27 \\ = 35 + 27 \\ = 62 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 : 2 - 13 \\ = 40 - 13 \\ = 27 \end{array}$$

Bài 3: Tìm X

$$\begin{array}{rcl} X \times 4 & = & 32 \\ x & = & 32 : 8 \\ X & = & 4 \end{array}$$

$$\begin{array}{rcl} X : 6 & = & 12 + 10 \\ X : 6 & = & 22 \\ X & = & 22 \times 6 \\ X & = & 132 \end{array}$$

Bài 4: Một cửa hàng có 40m vải xanh và đã bán được $\frac{1}{5}$ số vải đó. Hỏi cửa hàng đó đã bán được bao nhiêu mét vải xanh?

Bài giải:

Cửa hàng đó đã bán được số vải xanh là:

$$40 : 5 = 8 \text{ (m)}$$

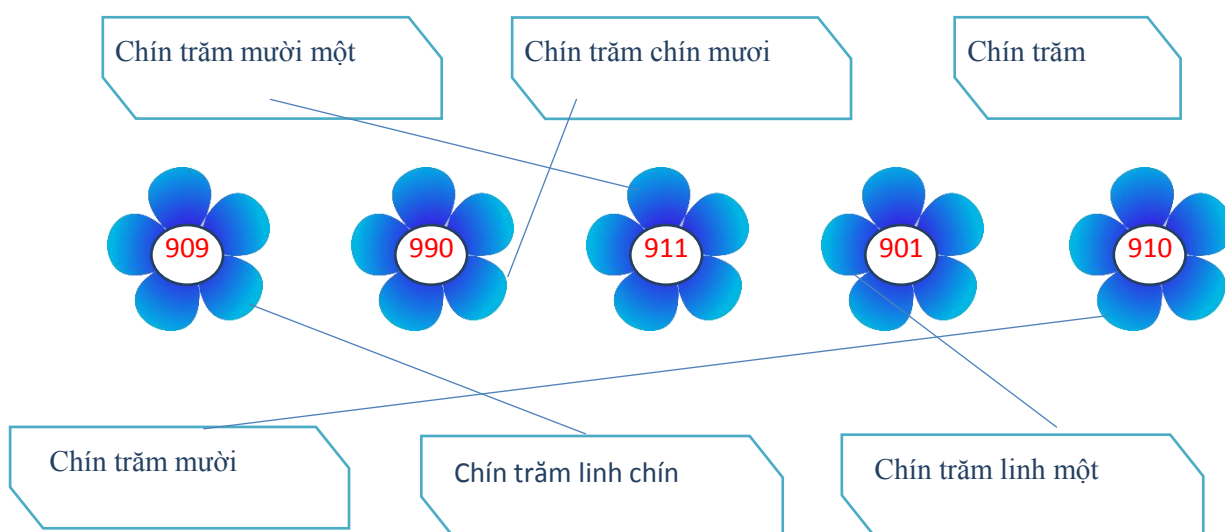
Đáp số: 8m vải

ĐỀ SỐ 3

I. TRẮC NGHIỆM:

1.C	3.C	5.A	7.A	9
2.A	4.D	6.B	8.B	10A

9. Nối cho thích hợp:



II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$\begin{array}{r} 635 \\ + 218 \\ \hline \end{array}$$

= 853

$$\begin{array}{r} 426 \\ - 119 \\ \hline \end{array}$$

= 307

$$\begin{array}{r} 56 \\ \times 4 \\ \hline \end{array}$$

= 224

$$\begin{array}{r} 45 \\ \times 6 \\ \hline \end{array}$$

= 270

Bài 3: Viết tất cả các số có 3 chữ số mà tổng của 3 chữ số đó là 3.
102, 201, 111.

Bài 4:

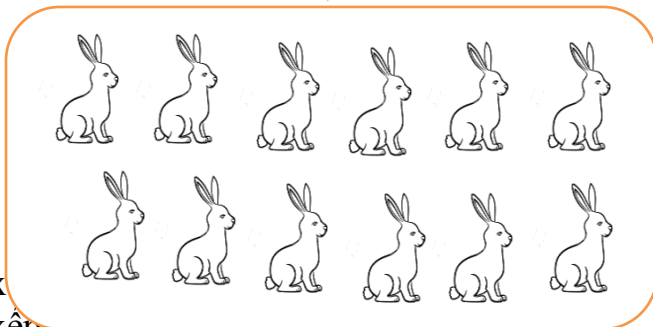
Bài giải:
Trường Kim Đồng có số học sinh giỏi Toán là:
 $78 : 3 = 26$ (bạn)
Đáp số: 26 bạn

ĐỀ SỐ 4

I. TRẮC NGHIỆM:

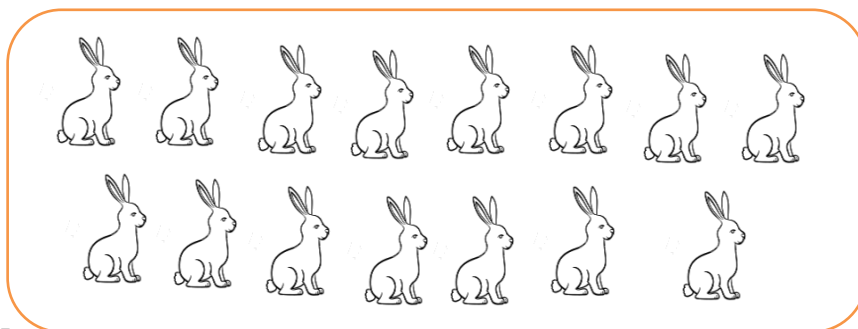
1.A	3.C	5.A	7.C
2.B	4.B	6.B	8.D

9. Có số con thỏ như hình vẽ, điền vào chỗ chấm cho thích hợp:



- Nếu xếp vào 2 hàng, mỗi hàng có 6 con.
- Nếu xếp vào 6 hàng, mỗi hàng có 2 con.

10. Hãy vẽ thêm số thỏ để có thể xếp số thỏ đó vào 3 hàng, mỗi hàng có 5 con.



II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$\begin{array}{r} 26 \times 5 \\ = 130 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 60 \times 7 \\ = 420 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 : 2 \\ = 42 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 66 : 3 \\ = 22 \end{array}$$

Bài 2: Đổi các đơn vị đo sau:

$$5\text{dam} = 500\text{dm}$$

$$220\text{cm} = 22\text{dm}$$

$$1\text{dam} 1\text{m} = 11\text{m}$$

$$505\text{cm} = 5\text{m} 5\text{cm}$$

Bài 3: Tính

$$\begin{array}{l} 7 \times 3 + 12 \\ = 21 + 12 \\ = 33 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 54 : 6 + 25 \\ = 9 + 25 \\ = 34 \end{array}$$

Bài 4:

Bài giải:

Chị hái được số quả cam là:

$$7 \times 3 = 21 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 21 quả cam

ĐỀ SỐ 5

I. TRẮC NGHIỆM:

1.C	3.B	5.C	7.B	9.D
2.D	4.B	6.A	8.C	10.B

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 367 \\ + 152 \\ \hline \end{array}$$
$$= 519$$

$$\begin{array}{r} 365 \\ + 329 \\ \hline \end{array}$$
$$= 694$$

$$\begin{array}{r} 382 \\ - 57 \\ \hline \end{array}$$
$$= 325$$

$$\begin{array}{r} 986 \\ - 147 \\ \hline \end{array}$$
$$= 839$$

Bài 2:

a. $x : 8 = 5$
 $x = 5 \times 8$
 $x = 40$

$$\begin{array}{r} x - 45 = 145 \\ x = 145 + 45 \\ x = 190 \end{array}$$

b. $5\text{cm} \times 9 - 28\text{cm}$
 $= 45\text{cm} - 28\text{cm}$
 $= 17\text{cm}$

$$\begin{array}{r} 36\text{kg} : 4 + 41\text{kg} \\ = 9\text{kg} + 41\text{kg} \\ = 50\text{kg} \end{array}$$

Bài 3: Khối lớp 3 có 95 bạn nữ và 117 bạn nam. Hỏi khối lớp 3 có số bạn nam nhiều hơn bạn nữ bao nhiêu bạn?

Bài giải

Khối 3 có số bạn nam nhiều hơn bạn nữ là:

$$117 - 95 = 22 \text{ (bạn)}$$

Đáp số: 22 bạn

Bài 4: Số đó là: 992

ĐỀ SỐ 6

Bài 1: (4 điểm)

Câu	a	b	c	d	e	g	h	i
Đáp án	D	B	D	B	A	A	C	D

Bài 2 : (2 điểm) HS đặt tính theo hàng dọc. Kết quả đúng

$$452 + 361 = 813$$

$$54 \times 6 = 324$$

$$541 - 127 = 414$$

$$66 : 6 = 11$$

Bài 3 : (1 điểm) Tính:

$$5 \times 7 + 27 = 35 + 27$$

$$80 : 2 - 13 = 40 - 13$$

$$= 62$$

$$= 27$$

Bài 4: (1 điểm) Tìm x

$$x \times 4 = 32$$

$$x : 6 = 12$$

$$x = 32 : 4$$

$$x = 12 \times 6$$

$$x = 8$$

$$x = 72$$

Bài 5: (1 điểm)

Bài giải:

Cửa hàng đó đã bán được số mét vải xanh là

$$40 : 4 = 10 \text{ (m)}$$

Đáp số : 10 m vải xanh

Bài 6:(1 điểm) Cho các chữ số: 0,1,2,3. Hãy viết tất cả các số có 3 chữ số từ các chữ số đã cho.

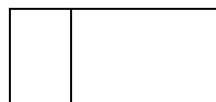
Các số có ba chữ số viết từ các chữ số 0,1,2, 3 là: 120,123, 210, 213, 310, 312.

ĐỀ SỐ 7

Bài 1: (3 điểm) Hãy khoanh vào chữ cái in hoa đặt trước câu trả lời đúng :

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	C	B	D	A

Bài 2: (1 điểm)



a. Hình vẽ bên có 8 góc vuông.

b Đồng hồ chỉ 1 giờ 50 phút

Bài 3. (2 điểm) HS đặt tính theo hàng dọc, đáp án đúng là

- a. $426 + 137 = 563$ b. $590 - 76 = 514$
c. $27 \times 6 = 162$ d. $96 : 3 = 32$

Bài 4. (1 điểm) Tìm X:

a. $X \times 6 = 54$

$$X = 54 : 6$$

$$X = 9$$

b. $49 : X = 7$

$$X = 49 : 7$$

$$X = 7$$

Bài 5. (1 điểm) Tính:

a. $18 \times 6 - 29 = 108 - 29$
 $= 79$

b. $90 : 3 + 108 = 30 + 108$
 $= 138$

Bài 6. (1 điểm) Giải toán :

Bài giải
Tổ em có số bạn học sinh là:

$$42 : 7 = 6 \text{ (bạn)}$$

Đáp số : 6 bạn

Bài 7: (1 điểm) a) Viết số có 3 chữ số có chữ số hàng chục gấp 3 lần chữ số hàng đơn vị, chữ số hàng trăm bằng $\frac{1}{2}$ chữ số hàng chục.

Số đó là: 362

b) Viết số có 3 chữ số có chữ số hàng chục gấp 2 lần chữ số hàng đơn vị, chữ số hàng trăm gấp hai lần chữ số hàng chục.

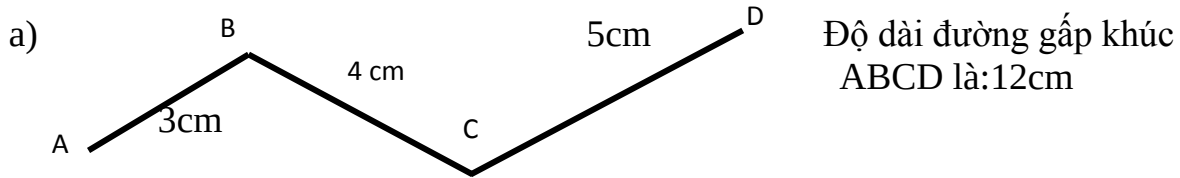
Các số đó là: 842, 421

ĐỀ SỐ 8

Bài 1: (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu	a	b	c	d	e	g
Đáp án	C	A	B	B	D	A

Bài 2: (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



b) Thứ năm tuần này là ngày 25 tháng 3. Hỏi thứ năm tuần sau là ngày 1 tháng 4.

Bài 3: (2 điểm) Kết quả

$$156 + 127 = 283$$

$$232 - 41 = 191$$

$$12 \times 6 = 72$$

$$68 : 2 = 34$$

Bài 4: (1 điểm) Tìm x:

$$24 : x = 6$$

$$x = 24 : 6$$

$$x = 4$$

$$x - 31 = 27 + 47$$

$$x - 31 = 74$$

$$x = 74 + 31$$

$$x = 105$$

Bài 5: (1 điểm) Tính:

$$12 \times 3 - 19 = 36 - 19$$

$$= 17$$

$$56 : 7 + 98 = 8 + 98$$

$$= 106$$

Bài 6: (1 điểm) Giải bài toán

Bài giải:

Mẹ hái được số quả cam là:

$$15 \times 2 = 30 \text{ (quả cam)}$$

Đáp số: 30 quả cam

Bài 7: (1 điểm)

Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải số 45 số đó sẽ tăng gấp 10 lần

Nếu viết thêm chữ số 2 vào bên phải số 45, số đó sẽ tăng lên 200 đơn vị

ĐỀ SỐ 9

Bài 1: (2 điểm) **Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống**

$7 \times 5 + 15 = 50$

Đ

$1\text{hm} = 10\text{m}$

S

$6 \times 6 + 21 = 47$

S

$2\text{ dm } 2\text{mm} = 22\text{mm}$

S

Bài 2. (2 điểm) **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :**

Câu	a	b	c	d
Đáp án	B	C	A	C

Bài 3. (1 điểm) **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

$2\text{ km} = 2000\text{m};$

$54\text{dm} = 5\text{ dm } 4\text{ cm}$

$7\text{ m} = 70\text{dm};$

$3\text{hm } 2\text{m} = 302\text{m}$

Bài 4: (2 điểm) **Đặt tính theo hàng dọc. Kết quả đúng là**

$248 + 127 = 375$

$518 - 109 = 409$

$34 \times 7 = 238$

$93 : 3 = 31$

Bài 5 : (1 điểm) **Tìm y**

$783 - y = 97$

$32 : y = 4$

$y = 783 - 97$

$y = 32 : 4$

$y = 686$

$y = 8$

Bài 6 : (1 điểm) **Giải bài toán**

Bài giải:

Cô giáo chia được số nhóm là :

$36 : 4 = 9 \text{ (nhóm)}$

Đáp số : 9 nhóm

Bài 7 : (1 điểm) Tích của hai số gấp 5 lần thừa số thứ nhất. Tìm thừa số thứ hai.

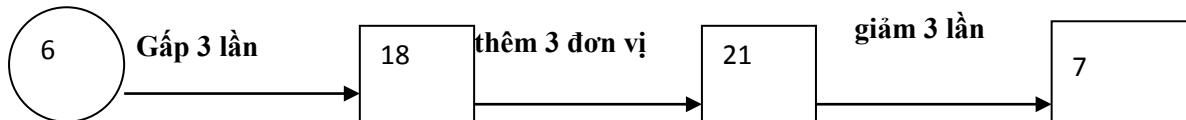
Tích của hai số gấp 5 lần thừa số thứ nhất tức là lấy thừa số thứ nhất nhân với 5 được tích. Vậy thừa số thứ 2 là 5.

ĐỀ SỐ 10

Bài 1 : (3 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu	a	b	c	d	e	g
Đáp án	A	C	B	A	B	C

Bài 2: (1 điểm) Viết số thích hợp vào ô trống



Bài 3: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 415 \\ \hline \end{array}$$

$$300 - 48 = 252$$

$$53 \times 6 = 318$$

$$84 : 4$$

Bài 4: (1 điểm) Tính

$$\begin{array}{rcl} a) 6 \times 9 - 8 & = & 54 - 8 \\ & = & 46 \end{array}$$

$$\begin{array}{rcl} b) 42 : 7 + 15 & = & 6 + 15 \\ & = & 21 \end{array}$$

Bài 5 : (1 điểm) Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào chỗ chấm cho thích hợp

$$6\text{m } 5\text{cm} > 65\text{cm}$$

$$3\text{kg}8\text{g} < 30\text{kg}$$

$$45\text{dm} = 4\text{dm}5\text{cm}$$

$$\frac{1}{5} \text{ giờ} < 40 \text{ phút}$$

Bài 6 :(1 điểm)

Bài giải

Ô tô đã đi được đoạn đường dài số ki-lô-mét là :

$$75 : 3 = 25 \text{ (km)}$$

Đáp số : 25km

Bài 7 : (1 điểm) Viết số

a. Từ ba chữ số 5, 8, 0 lập số lớn nhất có ba chữ số khác nhau : 850

b. Từ ba chữ số 9, 7, 1 lập số bé nhất có ba chữ số khác nhau.: 179

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN 11

Họ và tên:.....Lớp.....

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT TRONG TUẦN

1. Bảng nhân 8

$$8 \times 1 = 8$$

$$8 \times 4 = 32$$

$$8 \times 7 = 56$$

$$8 \times 2 = 16$$

$$8 \times 5 = 40$$

$$8 \times 8 = 64$$

$$8 \times 3 = 24$$

$$8 \times 6 = 48$$

$$8 \times 9 = 72$$

$$8 \times 10 = 80$$

*) Lưu ý

$$0 \times 8 = 0$$

$$8 \times 0 = 0$$

2. Nhân số có ba chữ số với số có một chữ số

a) Bước 1: Đặt tính: Viết thừa số thứ nhất ở trên, viết thừa số 2 dưới thừa số thứ nhất sao cho các chữ số trong cùng một hàng thẳng cột với nhau. Viết dấu nhân ở giữa 2 số, kẻ gạch ngang thay cho dấu bằng.

b) Bước 2: Tính: Tính từ phải sang trái, bắt đầu từ cột đơn vị: nhân lần lượt thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất. Viết kết quả theo thứ tự từ phải sang trái. Lưu ý các chữ số trong cùng một hàng thẳng cột với nhau.

Ví dụ:

Trường hợp 1: Nhân không có nhớ

$$\begin{array}{r} 123 \\ \times 2 \\ \hline 246 \end{array}$$
 + Viết thừa số 123 ở trên, viết thừa số 2 dưới số 123 sao cho 2 thẳng cột với chữ số 3. Viết dấu nhân ở giữa 2 số, kẻ gạch ngang thay cho dấu bằng.
+ Tính từ phải sang trái, bắt đầu từ cột đơn vị: 2 nhân 3 bằng 6, viết 6; 2 nhân 2 bằng 4, viết 4; 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.

Trường hợp 2: Nhân có nhớ

$$\begin{array}{r} 326 \\ \times 2 \\ \hline 652 \end{array}$$
 + Viết thừa số 326 ở trên, viết thừa số 2 dưới số 326 sao cho 2 thẳng cột với chữ số 6. Viết dấu nhân ở giữa hai số, kẻ gạch ngang thay cho dấu bằng.
+ Tính từ phải sang trái, bắt đầu từ cột đơn vị:
. 2 nhân 6 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
. 2 nhân 2 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5.
. 2 nhân 3 bằng 6, viết 6.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

$69 : 3$

257×3

$42 : 8$

116×8

$63 : 9$

.....				
.....				
.....				
.....				
.....				
.....				

Bài 2: Số?

$8\text{hm } 4\text{dam} = \dots\dots\text{dam}$

$4\text{m } 3\text{dm} = \dots\dots\dots\text{dm}$

$90\text{ dam} = \dots\dots\text{hm}$

$2\text{m } 14\text{ cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

$4\text{m } 3\text{dm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

$5\text{ hm} = \dots\dots\text{dam}$

$* 2\text{m } 34\text{cm} < \dots\dots\text{m } 34\text{cm}$

$* 5\text{dm } 8\text{cm} > 5\text{dm } \dots\dots\text{cm}$

$* 202\text{cm} = \dots\dots\text{ m} \dots\dots\text{ cm}$

Bài 3: Giải bài toán sau bằng 2 cách:

Mẹ mua 1 kg đường, mẹ dùng 300g đường để nấu chè, 400 g để làm bánh. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu gam đường?

.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Bài 4: Tìm a

$63 : a = 422 - 415$	$a : 7 + 14 = 31$
.....	
.....	
.....	

Bài 5: Bao gạo thứ nhất nặng 75kg, bao gạo thứ hai nặng gấp đôi bao gạo thứ nhất. Hỏi cả hai bao gạo nặng bao nhiêu ki - lô - gam?

Bài 6: Tính

$$350\text{cm} + 276\text{cm} - 153\text{cm}$$

$$64\text{kg} \times 7 + 261\text{kg}$$

890hm - 84hm : 4

$$65l : 5 \times 6$$

Bài 7: Thùng thứ nhất có 125l dầu, thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất 34l dầu.
Hỏi cả hai thùng có bao nhiêu lít dầu?

Bài 8*: Dưới ao có 54 con vịt, lúc đầu có $\frac{1}{6}$ số vịt lên bờ, lúc sau có thêm 18 con nữa lên bờ. Hỏi dưới ao còn lại bao nhiêu con vịt?

Bài 9: Viết các phép tính theo các yêu cầu sau rồi tính kết quả:

a) Gấp 14 lên 5 lần, rồi thêm 63

b) Giảm 68 đi 4 lần, rồi gấp lên 8

c) Giảm 54 đi 6 lần, rồi bớt đi 9

Bài 10: Trên cây có 75 quả bưởi, mẹ hái xuống $\frac{1}{5}$ số bưởi. Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu quả bưởi?

Bài 11: Hiện nay anh 19 tuổi, em 7 tuổi. Hỏi lúc anh 28 tuổi thì em bao nhiêu tuổi?

Bài 12: Đặt tính rồi tính:

$$45 \times 3$$

$$15 \times 8$$

$$26 \times 8$$

$$62 \times 2$$

Bài 13: Tìm y:

$$y : 8 - 46 = 23$$

84 : $y = 4$

Bài 14: Đội Một có 142 công nhân, đội Hai có ít hơn đội Một 38 công nhân. Hỏi cả hai đội có bao nhiêu công nhân?

[illegible]

Bài 15*: Có hai bao đường, biết rằng $\frac{1}{6}$ bao thứ nhất bằng 6kg, và $\frac{1}{7}$ bao thứ hai bằng 7 kg. Hỏi hai bao đường có tất cả bao nhiêu ki - lô - gam?

Họ và tên:

Lớp: 3.....

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN 12

Họ và tên:.....Lớp.....

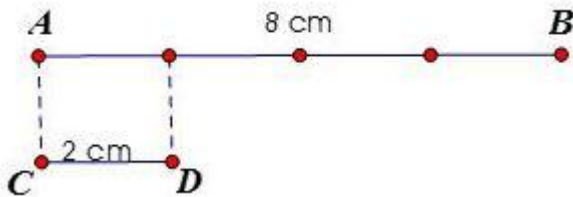
A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT TRONG TUẦN

1. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé

Muốn so sánh số lớn gấp mấy lần số bé ta lấy số lớn chia cho số bé.

Ví dụ: Đoạn thẳng AB dài 8cm, đoạn thẳng CD dài 2cm. Hỏi đoạn thẳng AB dài gấp mấy lần đoạn thẳng CD?

Tóm tắt:



Bài giải

Độ dài đoạn thẳng AB gấp độ dài đoạn thẳng CD một số lần là:

$$8 : 2 = 4 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 4 lần.

2. Bảng chia 8

$$8 : 8 = 1$$

$$32 : 8 = 4$$

$$56 : 8 = 7$$

$$16 : 8 = 2$$

$$40 : 8 = 5$$

$$64 : 8 = 8$$

$$24 : 8 = 3$$

$$48 : 8 = 6$$

$$72 : 8 = 9$$

$$80 : 8 = 10$$

*) Lưu ý

$$0 : 8 = 0 \quad 8 : 1 = 8$$

8 không chia được cho 0

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Thực hiện theo yêu cầu:

1. Nói:

$$56 : 8$$

$$24 : 8$$

$$80 : 8$$

$$88 : 8$$

$$96 : 8$$



$$5 \times 2$$



$$21 : 3$$



$$3 \times 4$$

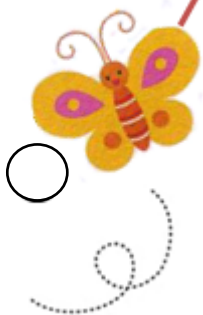
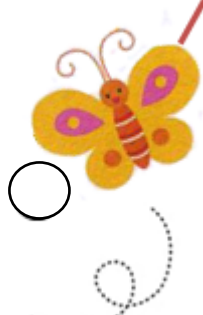
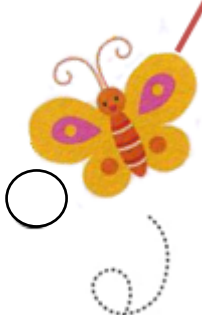
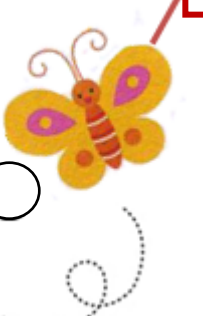
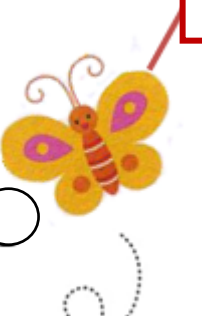


$$33 : 3$$

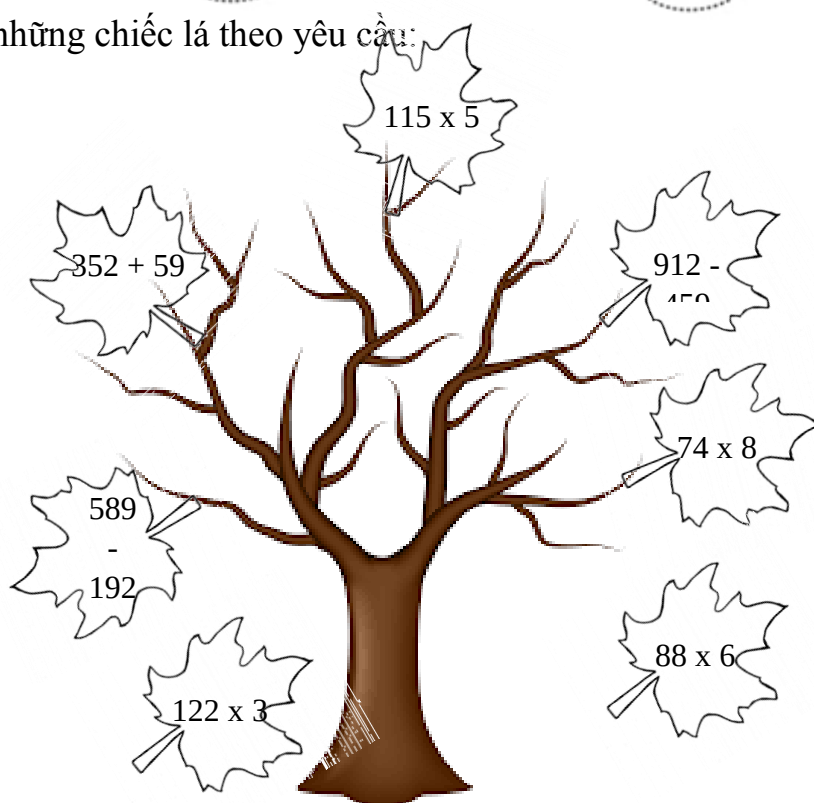


$$18 : 6$$

2. Bạn hãy tính kết quả rồi đánh số thứ tự từ bé đến lớn vào bên cạnh chú bướm:

 	 	
$48 : 8 + 96$	$8 \times 5 + 60$	$100 \times 1 : 5$
 	 	
$8 \times 9 \times 5$	$290 - 12 \times 8$	$32 \times 8 : 4$

3. Hãy tô màu những chiếc lá theo yêu cầu:



$300 < $  $ < 400$	$400 < $  $ < 500$	$500 < $  $ < 600$
---	---	---

4. Điền số thích hợp vào ô trống:

<i>Số bị chia</i>	270	814	413	504
<i>Số chia</i>	3	4	5	2
<i>Thương</i>				
<i>Số dư</i>				

5. Điền số thích hợp vào ô trống:

<i>Số lớn</i>	48	100	306	424
<i>Số bé</i>	6	5	6	2
<i>Số lớn gấp số bé</i>				



II. Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$123 \times 3$$

$$71 \times 8$$

$$219 \times 4$$

$$325 \times 2$$

.....

.....

.....

Bài 2: Điền dấu >, <, =

$$124 \times 3 + 89 \dots\dots 460$$

$$64 : 8 \times 56 \dots\dots\dots 440$$

$$97 \times 5 - 355 \dots\dots\dots 130$$

$$84 : 4 + 299 \dots\dots\dots 325$$

Bài 3: Mẹ hái được 55 quả táo, chị hái được 65 quả táo. Số táo của cả mẹ và chị được xếp đều vào 8 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu quả táo?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Lớp 3A có 24 học sinh nam và 8 học sinh nữ. Hỏi số học sinh của cả lớp gấp mấy lần số học sinh nữ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5*: Tìm một số biết rằng nếu gấp số đó lên 4 lần, sau đó thêm 6 đơn vị lần nữa thì được 50.

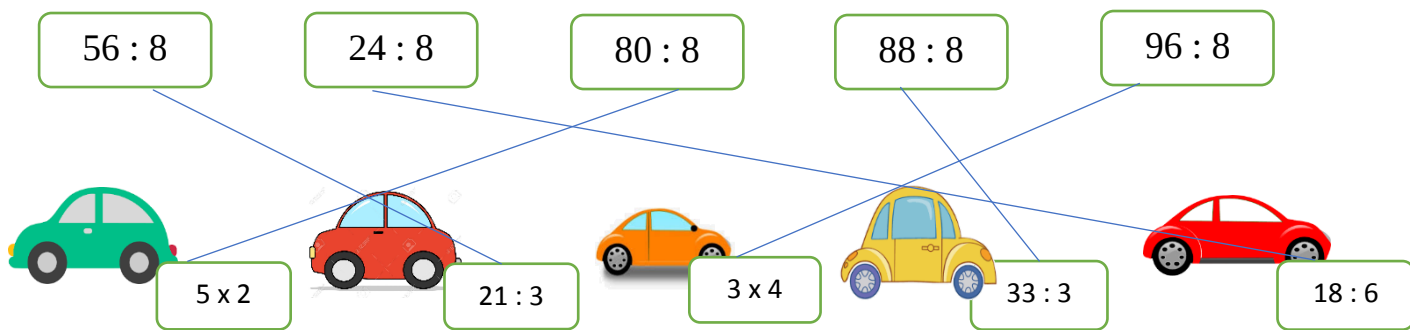
.....

.....

ĐÁP ÁN TUẦN 12

I. TRẮC NGHIỆM

1. Nối:



2. Bạn hãy tính kết quả rồi đánh số thứ tự từ bé đến lớn vào bên cạnh chú bướm:

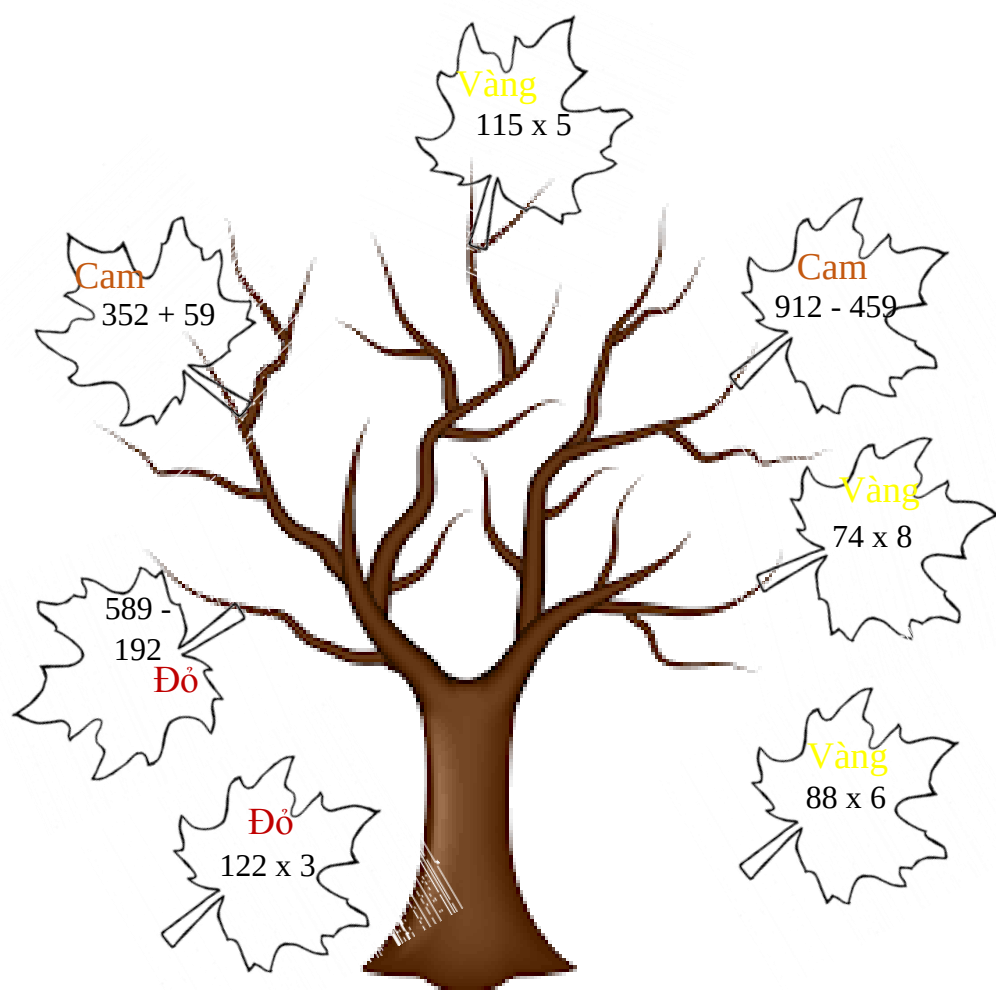
48 : 8 + 96 8 x 5 + 60 100 x 2 : 5

4 3 1

8 x 9 x 5 290 - 12 x 8 32 x 8 : 4

6 5 2

3. Hãy tô màu những chiếc lá theo yêu cầu:



4. Điền số thích hợp vào ô trống:

<i>Số bị chia</i>	270	814	413	504
<i>Số chia</i>	3	4	5	2
<i>Thương</i>	90	203	82	252
<i>Số dư</i>		2	3	

5. Điền số thích hợp vào ô trống:

<i>Số lớn</i>	48	100	306	424
<i>Số bé</i>	6	5	6	2

Số lớn gấp số bé	8	20	51	212
------------------	---	----	----	-----

II. Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 123 \times 3 \\ = 369 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 71 \times 8 \\ = 568 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 219 \times 4 \\ = 876 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 325 \times 2 \\ = 650 \end{array}$$

Bài 2: Điền dấu $>$, $<$, $=$

$$124 \times 3 + 89 > 460$$

$$64 : 8 \times 56 > 440$$

$$97 \times 5 - 355 = 130$$

$$84 : 4 + 299 < 325$$

Bài 3: Mẹ hái được 55 quả táo, chị hái được 65 quả táo. Số táo của cả mẹ và chị được xếp đều vào 8 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu quả táo?

Bài làm:

Cả mẹ và chị hái được số quả táo là:

$$55 + 65 = 120 \text{ (quả)}$$

Mỗi hộp có số quả táo là:

$$120 : 8 = 15 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 15 quả táo

Bài 4: Lớp 3A có 24 học sinh nam và 8 học sinh nữ. Hỏi số học sinh của cả lớp gấp mấy lần số học sinh nữ

Bài làm:

Lớp 3A có số học sinh là:

$$24 + 8 = 32 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh của cả lớp gấp số học sinh nữ số lần là:

$$32 : 8 = 4 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 4 lần

Bài 5*: Tìm một số biết rằng nếu gấp số đó lên 4 lần, sau đó thêm 6 đơn vị lần nữa thì được 50.

Bài giải:

Số đó là 11 vì: $50 - 6 : 4 = 11$

Họ và tên:

Lớp: 3



PHIẾU BÀI TẬP TOÁN CUỐI TUẦN – TUẦN 13

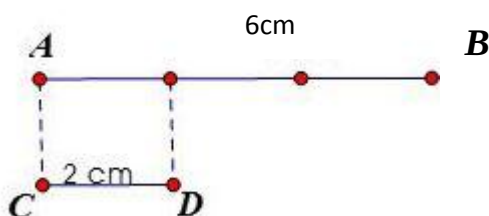
A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT TRONG TUẦN

1. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé

Muốn so sánh số bé bằng một phần mấy số lớn, ta lấy số lớn chia cho số bé, được bao nhiêu lần thì số bé bằng một phần bấy nhiêu số lớn.

Ví dụ: Đoạn thẳng AB dài 6cm, đoạn thẳng CD dài 2cm. Hỏi độ dài đoạn thẳng CD bằng một phần mấy độ dài đoạn thẳng AB?

Tóm tắt:



Bài giải

Độ dài đoạn thẳng AB gấp độ dài đoạn thẳng CD một số lần là:

$$6 : 2 = 3 \text{ (lần)}$$

Vậy độ dài đoạn thẳng CD bằng $\frac{1}{3}$ độ dài đoạn thẳng AB

Đáp số: $\frac{1}{3}$

2. Bảng nhân 9

*) Lưu ý :

$$9 \times 0 = 0$$

$$0 \times 9 = 0$$

Bất cứ số nào nhân với 0 cũng có kết quả bằng 0

3. Gam

Gam là một đơn vị đo khối lượng, viết tắt là g

$$1000g = 1kg$$

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH:

I. Trắc nghiệm:

Bài 1: Nối



$205 : 5$



23×9



$952 : 2$



$720 : 8$



68×7

$82 : 2$

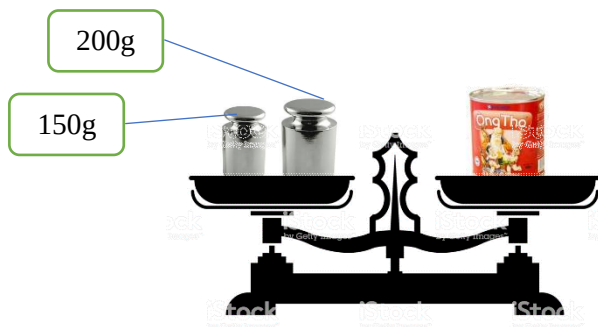


15×6

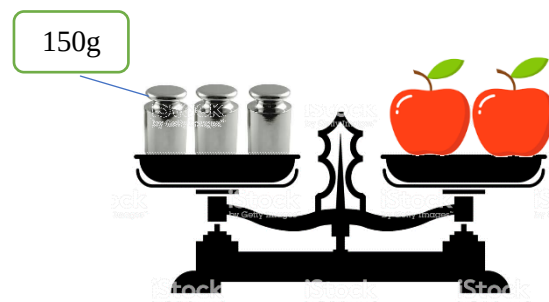
207



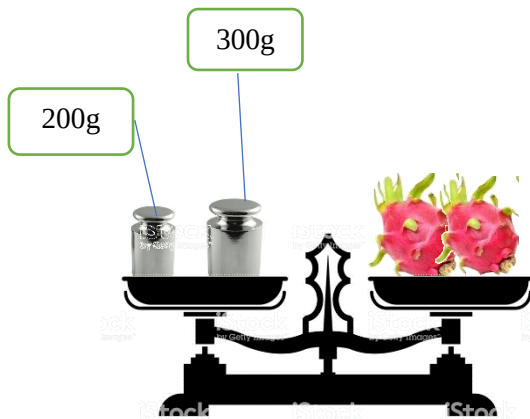
Bài 2: Quan sát và điền số thích hợp vào chỗ chấm



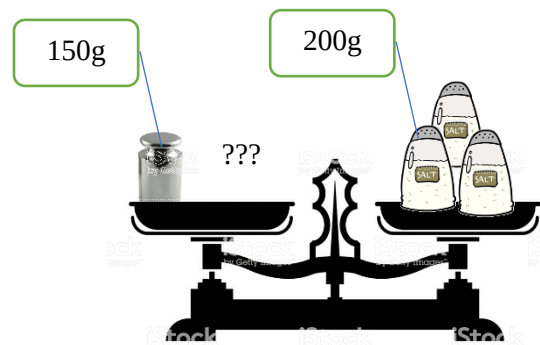
Hộp sữa cân nặng là:



Một quả táo cân nặng là:
(Biết mỗi quả táo cân nặng bằng nhau)



Hai quả thanh long cân nặng là:



* Mỗi túi muối nặng 200g. Cầnquả cân, mỗi quả nặng 150g để cân thăng bằng.

Số lớn	18	36				
Số bé	2	6	5	9	7	4
Số lớn gấp mấy lần số bé?			5		8	
Số bé bằng một phần mấy số lớn?				$\frac{1}{2}$		$\frac{1}{8}$

II. Tự luận:

Bài 1: Tính nhẩm

$9 \times 8 = \dots\dots\dots$

$6 \times 9 = \dots\dots\dots$

$9 \times 0 = \dots\dots\dots$

$7 \times 6 = \dots\dots\dots$

$5 \times 9 = \dots\dots\dots$

$9 \times 10 = \dots\dots\dots$

$64 \times 8 = \dots\dots\dots$

$42 : 7 = \dots\dots\dots$

$50 : 5 = \dots\dots\dots$

Bài 2: Tìm x

$x \times 9 = 189$

$x \times 5 = 250$

$x \times 7 = 155 + 468$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Một kho chứa 472kg muối, lần đầu chuyển đi 200kg muối, lần sau chuyển đi 170kg muối. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu ki-lô-gam muối?

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Mỗi gói kẹo cân nặng 90g, mỗi hộp bánh cân nặng 385g. Hỏi 1 hộp bánh và 2 gói kẹo cân nặng bao nhiêu gam?

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Một giá trứng có 100 quả trứng, đã bán đi 95 quả trứng. Hỏi số trứng còn lại bằng một phần mấy số trứng ban đầu?

.....

.....

.....

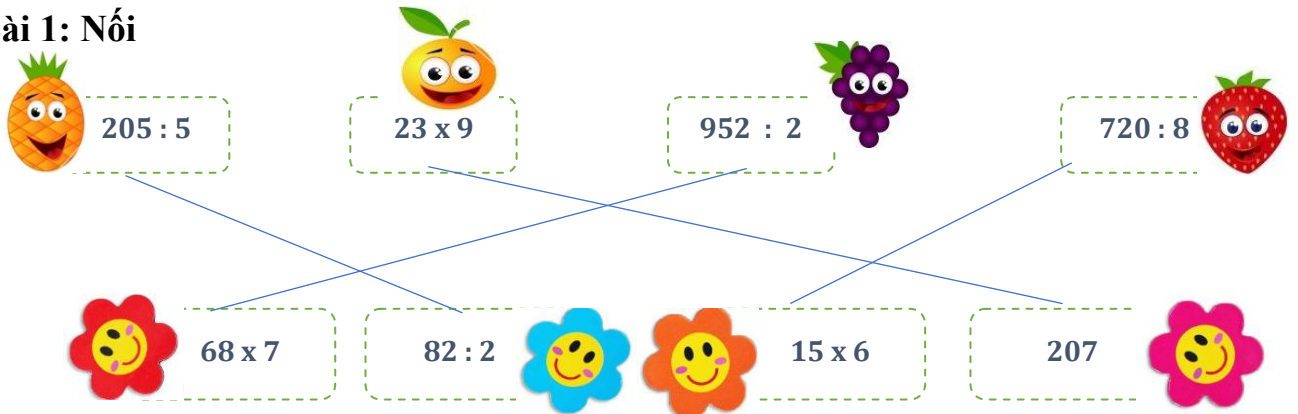
.....

.....

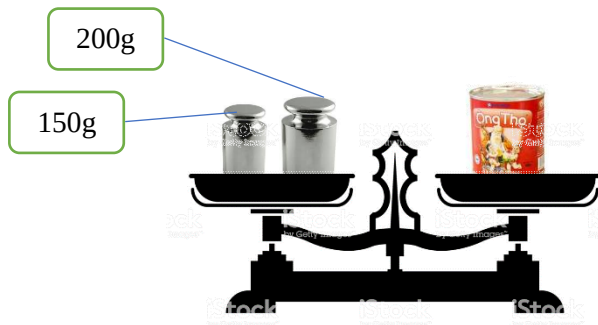
ĐÁP ÁN TUẦN 13

I. Trắc nghiệm:

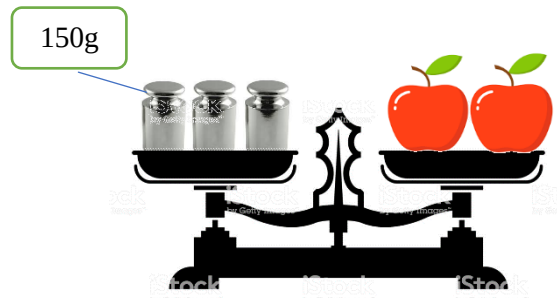
Bài 1: Nối



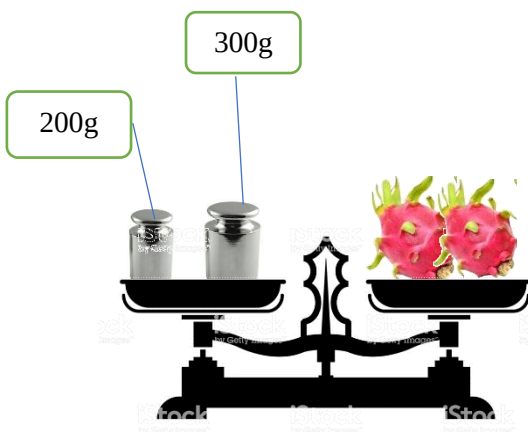
Bài 2: Quan sát và điền số thích hợp vào chỗ chấm



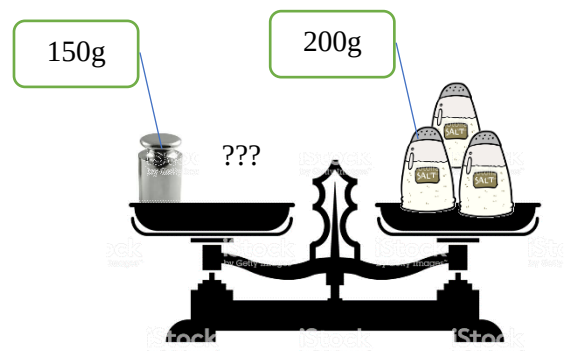
Hộp sữa cân nặng là: 350g



Một quả táo cân nặng là: 225g
(Biết mỗi quả táo cân nặng bằng nhau)



Hai quả thanh long cân nặng là: 500g



*Mỗi túi muối nặng 200g. Cần 4 quả cân, mỗi quả nặng 150g để cân thăng bằng.

Bài 3: Điền vào ô trống cho thích hợp:

Số lớn	18	36	25	18	56	32
Số bé	2	6	5	9	7	4
Số lớn gấp mấy lần số bé?	9	6	5	2	8	8
Số bé bằng một phần mấy số lớn?	$\frac{1}{9}$	$\frac{1}{6}$	$\frac{1}{5}$	$\frac{1}{2}$	$\frac{1}{8}$	$\frac{1}{8}$

II. Tự luận:**Bài 1:** Tính nhẩm

$9 \times 8 = 72$

$6 \times 9 = 54$

$9 \times 0 = 0$

$7 \times 6 = 42$

$5 \times 9 = 45$

$9 \times 10 = 10$

$64 \times 8 = 8$

$42 : 7 = 6$

$50 : 5 = 10$

Bài 2: Tìm x

$x \times 9 = 189$

$x \times 5 = 250$

$x \times 7 = 155 + 468$

$x = 189 : 9$

$x = 250 : 5$

$x \times 7 = 623$

$x = 21$

$x = 50$

$x = 623 : 7$

$x = 89$

Bài 3: Một kho chứa 472kg muối, lần đầu chuyển đi 200kg muối, lần sau chuyển đi 170kg muối. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu ki-lô-gam muối?

Bài giải:

Còn lại số muối sau khi chuyển đi lần đầu là:

$$472 - 200 = 272 \text{ (kg)}$$

Trong kho còn lại số muối là:

$$272 - 170 = 102 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 102 kg muối

Bài 4: Mỗi gói kẹo cân nặng 90g, mỗi hộp bánh cân nặng 385g. Hỏi 1 hộp bánh và 2 gói kẹo cân nặng bao nhiêu gam?

Bài giải:

2 gói kẹo cân nặng là:

$$90 \times 2 = 180 \text{ (g)}$$

1 hộp bánh và 2 gói kẹo cân nặng là:

$$180 + 385 = 565 \text{ (g)}$$

Đáp số: 565g

Bài 5: Một giá trứng có 100 quả trứng, đã bán đi 95 quả trứng. Hỏi số trứng còn lại bằng một phần mấy số trứng ban đầu?

Bài giải:

Số trứng còn lại là:

$$100 - 95 = 5 \text{ (quả)}$$

Số trứng ban đầu gấp số trứng còn lại số lần là:

$$100 : 5 = 20 \text{ (lần)}$$

Vậy số trứng còn lại bằng $\frac{1}{20}$ số trứng ban đầu

Đáp số: $\frac{1}{20}$

Họ và tên:

Lớp: 3

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN CUỐI TUẦN – TUẦN 14

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT TRONG TUẦN

1. Bảng chia 9

BẢNG CỬU CHƯƠNG CHIA 9

$9 : 9 = 1$	$54 : 9 = 6$
$18 : 9 = 2$	$63 : 9 = 7$
$27 : 9 = 3$	$72 : 9 = 8$
$36 : 9 = 4$	$81 : 9 = 9$
$45 : 9 = 5$	$90 : 9 = 10$

2. Chia số có hai chữ số cho số có 1 chữ số :

Khi thực hiện phép chia, gồm 3 bước : Ước lượng thương, nhân ngược, trừ

Lưu ý :

- + Ước lượng thương dựa vào bảng cửu chương đã học.
- + Khi trừ, lưu ý xem kết quả (là số dư) cần phải nhỏ hơn số chia.
- + Có mấy lượt chia thì thương có bấy nhiêu chữ số.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH:

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào đáp án đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Bài 1: Khoanh vào đáp án đúng

a) $392 : 7 + 132 = ?$

A. 180

B. 188

b) $143 + 72 \times 5 = ?$

A. 494

B. 503

c) $306 : (99 - 97) = ?$

A. 153

B. 27

d) $(504 - 32) : 8 = ?$

A. 59

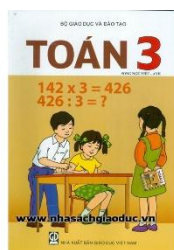
B. 500

Bài 2: Dùng cân để cân các đồ vật sau:



Chai nước Lavie
500ml cân nặng là:

.....



Quyển SGK toán 3
cân nặng là:

.....



10 quyển vở học sinh
cân nặng là:

.....



Cặp đi học của em
cân nặng là:

.....

Bài 3: Tô màu $\frac{1}{9}$ số ô của mỗi hình sau:

--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4: Khoanh vào đáp án đúng:

1. Cô Lan có 1kg đường, cô dùng làm bánh hết 400g, số đường còn lại được chia đều vào 3 túi nhỏ. Hỏi mỗi túi nhỏ có bao nhiêu đường?

A. 200g B. 2kg C. 300g D. 400g

2. Số bị chia là 54, thương là 9, hỏi số chia là bao nhiêu?

A. 486 B. 6 C. 7 D. 8

3. 3 là số dư của phép tính nào sau đây?

A. $84 : 3$ B. $81 : 9$ C. $84 : 9$ D. $85 : 3$

4. Câu nào sau đây đúng?

- A. Phép chia nào cũng có số dư.
- B. Số chia luôn nhỏ hơn số dư.
- C. Số dư luôn nhỏ hơn hoặc bằng số chia.
- D. Số dư luôn luôn nhỏ hơn số chia.

5. Trong rổ có 9 quả trứng gà, số trứng vịt nhiều gấp 3 lần số trứng gà. Hỏi số trứng vịt hơn số trứng gà bao nhiêu quả?

A. 3 lần B. 18 lần C. 12 quả D. 18 quả

II. Tự luận

Bài 1: Tính

a) $76 : 3 = \dots$ (dư : $\dots$)

b) $96 : 5 = \dots$ (dư : $\dots$)

c) $70 : 6 = \dots$ (dư : $\dots$)

d) $92 : 7 = \dots$ (dư : $\dots$)

Bài 2: Tìm x (theo mẫu)

$x : 9 = 7$ (dư 1)

$x = 9 \times 7 + 1$

$$x = 64$$

$$x : 5 = 9 \text{ (dư 2)}$$

$$x : 6 = 9 \text{ (dư 5)}$$

$$x : 8 = 4 \text{ (dư 1)}$$

.....

.....

.....

Bài 3: Bác Mai đem đi chợ 207 quả cam. Dọc đường bác bán $\frac{1}{9}$ số cam, số còn lại bác bán ở chợ. Hỏi bác đã bán bao nhiêu quả cam ở chợ?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Có 65m vải, may 1 bộ quần áo hết 3m. Hỏi may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Tìm tất cả các số có 3 chữ số mà tổng ba chữ số đó bằng 6

.....

.....

Bài 6: Có 9 bạn đến chơi nhà Hồng. Hồng đem ra một số kẹo mời các bạn. Nếu mỗi người ăn 5 cái thì còn thừa 3 cái. Hỏi Hồng mang ra tất cả bao nhiêu cái kẹo?

.....

.....

.....

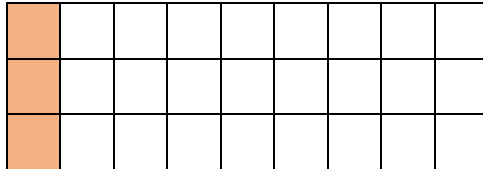
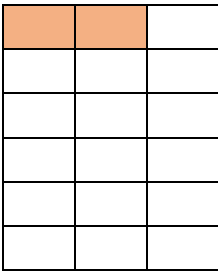
ĐÁP ÁN TUẦN 14

I. Trắc nghiệm:

Bài 1: a. B; b. B; c. A; d. A

Bài 2:

Bài 3: Tô màu $\frac{1}{9}$ số ô của mỗi hình sau:



II. Tự luận

Bài 1: Tính

a) $76 : 3 = 25$ (dư 1)

b) $96 : 5 = 19$ (dư 1)

c) $70 : 6 = 11$ (dư 4)

d) $92 : 7 = 13$ (dư 1)

Bài 2:

$$x : 5 = 9 \text{ (dư 2)}$$

$$x : 6 = 9 \text{ (dư 5)}$$

$$x : 8 = 4 \text{ (dư 1)}$$

$$x = 9 \times 5 + 2$$

$$x = 6 \times 9 + 5$$

$$x = 8 \times 4 + 1$$

$$x = 45 + 2$$

$$x = 54 + 5$$

$$x = 32 + 1$$

$$x = 47$$

$$x = 59$$

$$x = 33$$

Bài 3: Bác Mai đem đi chợ 207 quả cam. Dọc đường bác bán $\frac{1}{9}$ số cam, số còn lại bác bán ở chợ. Hỏi bác đã bán bao nhiêu quả cam ở chợ?

Bài giải:

Dọc đường bác đã bán số cam là:

$$207 : 9 = 23 \text{ (quả)}$$

Bác đã bán số cam ở chợ là:

$$207 - 23 = 184 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 184 quả cam

Bài 4: Có 65m vải, may 1 bộ quần áo hết 3m. Hỏi may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải?

Bài giải:

$$\text{Ta có: } 65 : 3 = 21 \text{ (dư 2)}$$

Vậy may được nhiều nhất 21 bộ quần áo và còn thừa 2m vải

Đáp số: 21 bộ quần áo và thừa 2m vải

Bài 5: Tìm tất cả các số có 3 chữ số mà tổng ba chữ số đó bằng 6

Bài giải:

Các số đó là: 123, 132, 213, 231, 312, 321, 600, 240, 204, 420, 402, 510, 501, 105, 150, 303, 330

Bài 6: Có 9 bạn đến chơi nhà Hồng. Hồng đem ra một số kẹo mời các bạn. Nếu mỗi người ăn 5 cái thì còn thừa 3 cái. Hỏi Hồng mang ra tất cả bao nhiêu cái kẹo?

Bài giải:

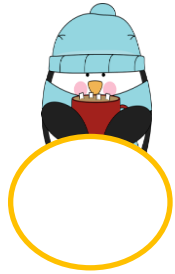
Hồng mang ra tất cả số kẹo là:

$$9 \times 5 + 3 = 48 \text{ (cái)}$$

Đáp số: 48 cái kẹo

Họ và tên:.....

Lớp: 3...



PHIẾU BÀI TẬP TOÁN CUỐI TUẦN 15

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu



1. $108 : y = 6$ Vậy $y = ?$

a. 648

b. 18

c. 16

2. $x : 9 = 72$ Vậy $x = ?$

a. 8

b. 81

c. 648



1. $\frac{1}{9}$ của 189g là:

a. 21

b. 180g

c. 21 g

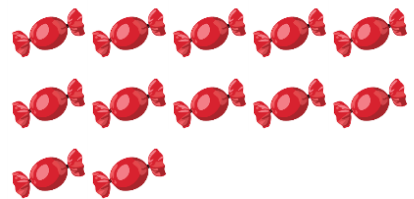
2. $\frac{1}{4}$ giờ là bao nhiêu phút?

a. 4 phút

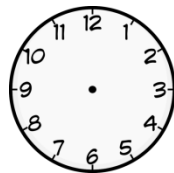
b. 15 phút

c. 60 phút

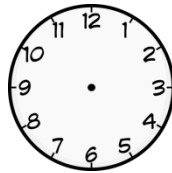
3. Khoanh vào $\frac{1}{3}$ số cái kẹo:



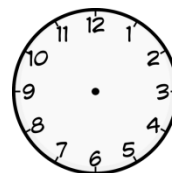
Vẽ kim đồng hồ
tương ứng:



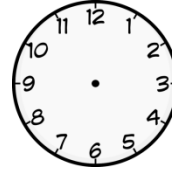
11 : 15



19 : 45



15 : 30



11 : 55

Đ/ S

$45 + 135 \times 2$

a) $45 + 135 \times 2 = 180 \times 2$
 $= 360$

b) $45 + 135 \times 2 = 45 + 270$
 $= 315$

236

263

3

362

623

632



A. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$802 : 5$

$711 : 6$

$382 : 9$

319×2

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tính:

$111\text{kg} \times 6 - 6\text{kg}$

$7\text{m} \times 4 - 20\text{dm}$

$600\text{kg} : 2 - 63\text{kg}$

.....

.....

.....

Bài 3: Điền dấu $<$, $>$, $=$ vào chỗ chấm:

$1000\text{g} \dots\dots 125\text{g} \times 8$

$100\text{m} : 4 \dots\dots 20\text{m}$

$235\text{dam} \times 2 \dots\dots 429\text{m}$

$1\text{kg} \dots\dots 345\text{g} + 655\text{g}$

$636\text{hm} : 6 \dots\dots 107\text{hm}$

$250\text{cm} \times 2 \dots\dots 5\text{m}$

Bài 4: Có 250 kg gạo đóng vào 6 túi như nhau. Hỏi mỗi túi chứa bao nhiêu ki - lo - gam gạo và còn thừa bao nhiêu gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Một quyển truyện có 312 trang, anh Minh đã đọc $\frac{1}{3}$ số trang. Hỏi anh Minh còn phải đọc bao nhiêu trang nữa thì hết quyển truyện?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

A. PHẦN TỰ LUẬN:

1 

1. $108 : y = 6$ Vậy $y = ?$

b. 648

☒ b. 18

c. 16

2. $x : 9 = 72$ Vậy $x = ?$

a. 8

b. 81

☒ c. 648

2 

1. $\frac{1}{9}$ của 189g là:

a. 21

b. 180g

☒ c. 21g

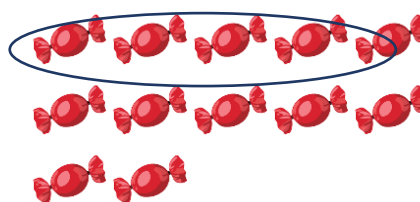
2. $\frac{1}{4}$ giờ là bao nhiêu phút?

a. 4 phút

☒ b. 15 phút

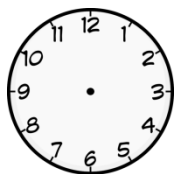
c. 60 phút

3. Khoanh vào $\frac{1}{3}$ số cái kẹo:

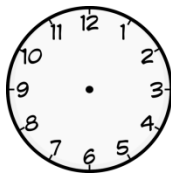


3 

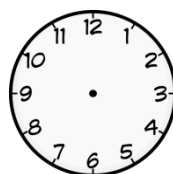
Vẽ kim đồng hồ
tương ứng:



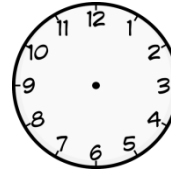
11 : 15



19 : 45



15 : 30



11 : 55

4 

Đ/S

$45 + 135 \times 2$

b) $45 + 135 \times 2 = 180 \times 2$
 $= 360$

☒ S

b) $45 + 135 \times 2 = 45 + 270$
 $= 315$

☐ Đ

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$802 : 5$

$= 160$ (dư 2)

$711 : 6$

$= 118$ (dư 3)

$382 : 9$

$= 42$ (dư 4)

319×2

$= 638$

Bài 2: Tính:

$$111\text{kg} \times 6 - 6\text{kg}$$

$$7\text{m} \times 4 - 20\text{dm}$$

$$600\text{kg} : 2 - 63\text{kg}$$

.....		
.....		
.....		

Bài 4: Có 250 kg gạo đóng vào 6 túi như nhau. Hỏi mỗi túi chứa bao nhiêu ki – lo – gam gạo và còn thừa bao nhiêu gạo?

Bài giải

Ta có: $250 : 6 = 41$ (dư 4)

Vậy mỗi túi chứa 41kg gạo và còn thừa 4 kg gạo

Bài 5: Một quyển truyện có 312 trang, anh Minh đã đọc $\frac{1}{3}$ số trang. Hỏi anh Minh còn phải đọc bao nhiêu trang nữa thì hết quyển truyện?

Bài giải

Minh đã đọc số trang sách là:

$$312 : 3 = 104 \text{ (trang)}$$

Minh còn phải đọc số trang nữa là:

$$312 - 104 = 208 \text{ (trang)}$$

Đáp số: 208 trang

Họ và tên:

Lớp: 3.....

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN TUẦN 16

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Giá trị của biểu thức $25 \times 4 - 10$ là :

- A. 90 B. 420 C. 76 D. 86

Câu 2. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $7m3dm =dm$ là:

- A. 703cm B. 703dm C. 730dm D. 73dm

Câu 3. Giá trị của biểu thức: $a - b \times c$ là bao nhiêu biết:

$a = 100, b = 50, c = 2$

- A. 0 B. 100 C. 25 D. 50

Câu 4. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là: $50 + 5 \times = 100$

- A. 5 B. 2 C. 10 D. 1

Câu 5. Tổng của 60 với tích của 9 và 9 là:

- A. 69 B. 78 C. 549 D. 141

Câu 6. Tích của số lớn nhất có 1 chữ số với tổng của 10 và 10 là:

- A. 100 B. 29 C. 180 D. 200

Câu 7. Tìm x

$$x + x \times 4 = 650$$

$$b. x : 4 + 505 = 597$$

.....
.....
.....
.....

Bài 4: Hãy điền dấu (+, -, x, :) vào chỗ trống thích hợp để các biểu thức có kết quả đúng

$$15 ... 3 ... 7 = 52 \quad 15 ... 3 ... 7 = 19$$

Câu 8. Hãy điền dấu +, -, x, : vào chỗ thích hợp để biểu thức có giá trị đúng:

$$15 3 7 = 38$$

$$15 3 7 = 19$$

$$15 3 7 = 52$$

$$15 3 7 = 25$$

Câu 9. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

$15 \times 1 + 9 = 150$ ☐

$120 - 10 + 10 = 100$ ☐

$*10 \times 10 + 10 = 110$ ☐

$45 \times (10 - 5) = 225$ ☐

Câu 10. Nối biểu thức với giá trị thích hợp:

$8 \times 10 - 10$

$35 - 5 \times 5$

$115 + 15 \times 3$

$45 - 22 \times 2$

Câu 11. Đặt tính rồi tính.

93×7

235×4

$204 : 4$

$578 : 8$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12. Tính giá trị của biểu thức sau:

$212 + 42 : 6$

$155 \times 2 + 150$

$35 + 6 \times 25$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 13. Lớp 3A có 35 học sinh, lớp 3B có 40 học sinh. Số học sinh hai lớp được chia vào 5 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có bao nhiêu học sinh?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 14. Thửa ruộng thứ nhất thu hoạch được 236kg ngô. Thửa ruộng thứ hai thu hoạch được gấp đôi thửa ruộng thứ nhất. Hỏi cả hai thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam ngô?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 15. Số cam nhiều hơn số quýt là 14kg. Biết rằng số quýt là 7kg. Hỏi số quýt bằng một phần mấy số cam ?

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN TUẦN 16

Câu 1. Giá trị của biểu thức $25 \times 4 - 10$ là :

- A. 90 B. 420 C. 76 D. 86

Câu 2. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $7\text{m}3\text{dm} = \dots\text{dm}$ là:

- A. 703cm B. 703dm C. 730dm D. 73dm

Câu 3. Giá trị của biểu thức: $a - b \times c$ là bao nhiêu biết:

$$a = 100, b = 50, c = 2$$

- ☒ A. 0 B. 100 C. 25 D. 50

Câu 4. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là: $50 + 5 \times \dots = 100$

- A. 5 B. 2 ☒ C. 10 D. 1

Câu 5. Tổng của 60 với tích của 9 và 9 là:

- A. 69 B. 78 C. 549 ☒ D. 141

Câu 6. Tích của số lớn nhất có 1 chữ số với tổng của 10 và 10 là:

- A. 100 B. 29 ☒ C. 180 D. 200

Câu 7. Tìm x

$$x + x \times 4 = 650$$

$$x \times 5 = 650$$

$$x = 650 : 5$$

$$x = 130$$

$$b. x : 4 + 505 = 597$$

$$x : 4 = 597 - 505$$

$$x : 4 = 92$$

$$x = 92 \times 4$$

$$x = 368$$

$$15 \dots 3 \dots 7 = 52 \quad 15 \dots 3 \dots 7 = 19$$

Câu 8. Hãy điền dấu +, -, x, : vào chỗ thích hợp để biểu thức có giá trị đúng:

$$15 \times 3 - 7 = 38$$

$$15 - 3 + 7 = 19$$

$$15 \times 3 + 7 = 52$$

$$15 + 3 + 7 = 25$$

Câu 9: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

$$15 \times 1 + 9 = 150 \quad \text{S}$$

$$120 - 10 + 10 = 100 \quad \text{S}$$

$$*10 \times 10 + 10 = 110 \quad \text{Đ}$$

$$45 \times (10 - 5) = 225 \quad \text{Đ}$$

Câu 10: Nối biểu thức với giá trị thích hợp:

$8 \times 10 - 10$

$35 - 5 \times 5$

$115 + 15 \times 3$

$45 - 22 \times 2$

10

150

70

46

1

Câu 11. Đặt tính rồi tính.

93×7

235×4

$204 : 4$

$578 : 8$

$= 651$

$= 940$

$= 51$

$= 72 \text{ (dư 2)}$

Câu 12. Tính giá trị của biểu thức sau:

$212 + 42 : 6$

$155 \times 2 + 150$

$35 + 6 \times 25$

$= 212 + 7$

$= 310 + 150$

$= 35 + 150$

$= 219$

$= 460$

$= 185$

Câu 13. Lớp 3A có 35 học sinh, lớp 3B có 40 học sinh. Số học sinh hai lớp được chia vào 5 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có bao nhiêu học sinh?

Bài giải:

Cả hai lớp có số học sinh là:

$35 + 40 = 75 \text{ (học sinh)}$

Mỗi nhóm có số học sinh là:

$75 : 5 = 15 \text{ (học sinh)}$

Đáp số: 15 học sinh

Câu 14. Thửa ruộng thứ nhất thu hoạch được 236kg ngô. Thửa ruộng thứ hai thu hoạch được gấp đôi thửa ruộng thứ nhất. Hỏi cả hai thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam ngô?

Bài giải:

Thửa ruộng thứ hai thu hoạch được số thóc là:

$236 \times 2 = 472 \text{ (kg)}$

Cả hai thửa ruộng thu hoạch được số ngô là:

$236 + 472 = 708 \text{ (kg)}$

Đáp số: 708kg ngô

Câu 15. Số cam nhiều hơn số quýt là 14kg. Biết rằng số quýt là 7kg. Hỏi số quýt bằng một phần mấy số cam ?

Bài giải:

Có số cam có là:

$$14 + 7 = 21 \text{ (kg)}$$

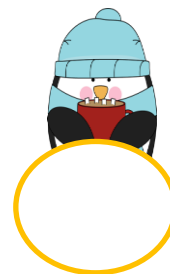
$$\text{Ta có: } 21 : 7 = 3$$

Vậy số quýt bằng $\frac{1}{3}$ số cam

Đáp số: $\frac{1}{3}$

Họ và tên:.....

Lớp: 3...



PHIẾU BÀI TẬP TOÁN CUỐI TUẦN 17

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu

1


1. Bố làm việc từ 8 giờ sáng đến 16 giờ 30 phút. Hỏi bố làm việc trong bao nhiêu thời gian?

c. 8 tiếng

b. 8 tiếng 30 phút

c. 16 tiếng 30 phút

2. Mỗi ngày em học bài ở nhà 30 phút. Hỏi 1 tuần em học bài ở nhà bao nhiêu thời gian?

a. 200 phút

b. 3 giờ

c. 3 giờ 30 phút

2


1. Phép tính có kết quả nhỏ nhất là :

a. 5×8

b. 9×5

c. 6×7

2. Phép tính có kết quả lớn nhất là:

a. 4×7

b. 4×5

c. 6×2

3. $2dam2dm =dm$

a. 202m

b. 22

c. 220

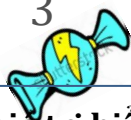
4. $5dam10dm =m$

a. 60

b. 51

c. 510

3



Tính giá trị biểu thức:

a. Tính hiệu của 92 và 54 rồi cộng với 28:

.....
.....

b. Tính tổng của 222 và tích của 20 và 4:

.....
.....

c. Tính hiệu của 435 và tích của 15 và 6:

.....
.....

d. Tính hiệu của 435 và tổng của 100 và 6:

.....
.....

A. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

302 : 3

78 x 6

642 : 8

505 : 5

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tính:

(75 – 42 : 7) - 32

(90 + 36 : 6) x 4

145 - 42 : 3 + 109

.....

.....

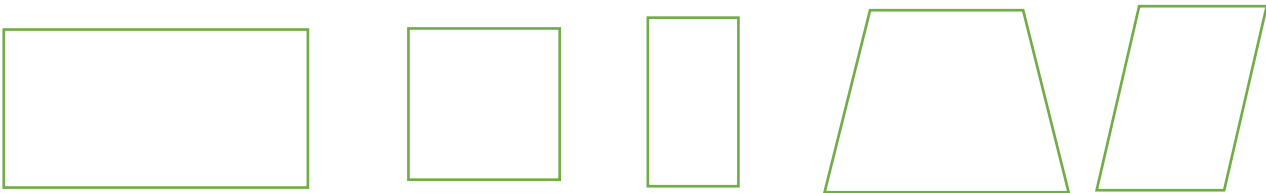
.....

.....

.....

.....

Bài 3: Tô màu vào hình chữ nhật trong các hình sau:



Bài 4: Tô màu vào hình vuông trong các hình sau:



Bài 4: Một đội công nhân lúc đầu có 156 người. Sau đó có 31 người chuyển sang đội khác, số người còn lại được chia thành 5 nhóm. Hỏi mỗi nhóm công nhân có bao nhiêu người?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Một cửa hàng có 120 chiếc cốc xếp đều vào 4 hộp, mỗi hộp có 2 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu chiếc cốc?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN TUẦN 17

I. Trắc nghiệm:

Bài 1: 1b, 2c

Bài 2: 1a, 2a, 3a, 4b

Bài 3

a. $92 - 54 + 28$

$$= 38 + 28$$

$$= 66$$

b. $222 + 20 \times 4$

$$= 222 + 80$$

$$= 302$$

c. $435 + 15 \times 6$

$$= 435 + 90$$

$$= 525$$

d. $435 - (100 + 6)$

$$= 435 - 106$$

$$= 429$$

II. Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$302 : 3$$

$$= 100 \text{ (dư 2)}$$

$$78 \times 6$$

$$= 468$$

$$642 : 8$$

$$= 80 \text{ (dư 2)}$$

$$505 : 5$$

$$= 101$$

Bài 2: Tính:

$$(75 - 42 : 7) - 32$$

$$= (75 - 6) - 32$$

$$= 69 - 32$$

$$= 37$$

$$(90 + 36 : 6) \times 4$$

$$= (90 + 6) \times 4$$

$$= 96 \times 4$$

$$= 384$$

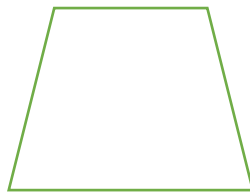
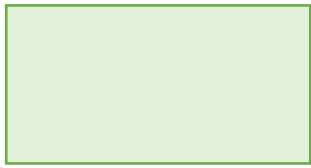
$$145 - 42 : 3 + 109$$

$$= 145 - 14 + 109$$

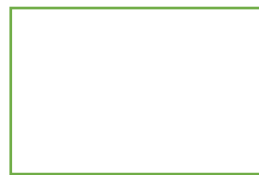
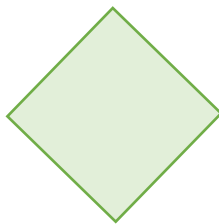
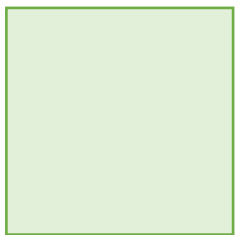
$$= 131 + 109$$

$$= 240$$

Bài 3: Tô màu vào hình chữ nhật trong các hình sau:



Bài 4: Tô màu vào hình vuông trong các hình sau:



Bài 4: Một đội công nhân lúc đầu có 156 người. Sau đó có 31 người chuyển sang đội khác, số người còn lại được chia thành 5 nhóm. Hỏi mỗi nhóm công nhân có bao nhiêu người?

Bài giải

Sau khi chuyển sang đội khác thì còn lại số người là;

$$156 - 31 = 125 \text{ (người)}$$

Mỗi nhóm công nhân có số người là:

$$125 : 5 = 25 \text{ (người)}$$

Đáp số: 25 người

Bài 5: Một cửa hàng có 120 chiếc cốc xếp đều vào 4 hộp, mỗi hộp có 2 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu chiếc cốc?

Bài giải

Mỗi hộp có số cốc là:

$$120 : 4 = 30 \text{ (chiếc)}$$

Mỗi ngăn có số cốc là:

$$30 : 2 = 15 \text{ (chiếc)}$$

ĐS: 15 chiếc

MỘT SỐ ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ 1

ĐỀ CUỐI KÌ 1

ĐỀ 1

I/ Trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng

Câu 1 : $\frac{1}{4}$ của 16 là :... Số cần điền là:(M1-0,5đ):

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 2 : 6m 4cm =cm. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:(M2-0,5đ):

- A. 10 B. 24 C. 604 D. 640

Câu 3 : Có 4 con trâu và 20 con bò. Số trâu bằng một phần mấy số bò ? (M3-0,5đ):

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{3}$ C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{1}{5}$

Câu 4 : Hình bên có mấy góc vuông? (M1-0,5đ):

- A. 3 B. 4
C. 5 D. 6



Câu 5 : Chu vi hình vuông có cạnh 5cm là : (M3-0,5đ):

- A. 20 B. 25 C. 20cm D. 25cm

Câu 6 : 1000g = ... kg. Số cần điền là : (M1-0,5đ):

- A. 10kg B. 100kg C. 1000kg D. 1kg

Câu 7: Năm 2010 có 365 ngày, 1 tuần lễ có 7 ngày. Vậy năm 2010 có:(M3-0,5đ):

- A. 52 tuần lễ B. 5 tuần lễ và 15 ngày
C. 52 tuần lễ và 1 ngày D. 52 tuần lễ và 15 ngày

Câu 8: Giá trị của biểu thức $65 - 12 \times 3$ là(M2-0,5đ):

- A. 29 B. 159 C. 39 D. 19

II. Tự luận

Câu 1: Đặt tính rồi tính:(M1-2đ):

$$276 + 319$$

$$756 - 392$$

$$208 \times 3$$

$$536 : 8$$

.....
.....
.....
.....

.....
Câu 2: Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm (M2-0,5đ):

$$400\text{g} + 8\text{g} \dots 480\text{g}$$

$$5\text{m } 6\text{cm} \dots 560\text{ cm}$$

Câu 3: Tính giá trị của biểu thức. (M2-1đ):

$$42 + 24 : 8$$

$$71 - 13 \times 4$$

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 4: Một gói kẹo to cân nặng 250g. Hai gói kẹo nhỏ, mỗi gói cân nặng 150g. Hỏi cả ba gói kẹo đó cân nặng bao nhiêu gam? (M3-1,5đ):

Bài giải:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 5 : Hai số có tổng bằng 327, nếu giảm số thứ nhất đi 26 đơn vị và tăng số thứ hai 48 đơn vị thì tổng mới bằng bao nhiêu ? (M4-1đ):

Bài giải:

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 2

I) Trắc nghiệm

Câu 1 : Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (M1-0,5đ):

Đồng hồ bên chỉ :

- A. 10 giờ 10 phút
- B. 2 giờ 10 phút
- C. 10 giờ 2 phút
- D. 2 giờ kém 10



Câu 2 : Giá trị của biểu thức $45 + 27 : 3$ là: (M2-0,5đ):

- A. 24
- B. 36
- C. 54
- D. 44

Câu 3: $3\text{m } 8\text{cm} = \dots \text{ cm}$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (M2-0,5đ):

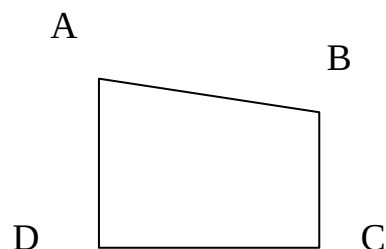
- A. 38
- B. 308
- C. 380
- D. 83

Câu 4 : Con 5 tuổi. Bố 35 tuổi. Hỏi tuổi bố gấp mấy lần tuổi con ? (M2-0,5đ):

- A. 7 lần
- B. 8 lần
- C. 9 lần
- D. 30 lần

Câu 5 : Hình vẽ MNPQ (Hình dưới) có số góc vuông là: (M1-0,5đ):

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5



Câu 6: Chữ số 6 trong số 461 có giá trị là: (M1-0,5đ):

- A. 600
- B. 60
- C. 61
- D. 46

Câu 7: Trong các số 24, 51, 62, 48 số chia cho 5 có số dư lớn nhất là số nào? (M2-0,5đ):

- A. 24
- B. 51
- C. 62
- D. 48

Câu 8: Giá trị của x trong phép tính : $926 - x = 175$ (M2-0,5đ):

- A. 951
- B. 751
- C. 851
- D. 651

II) Tự luận

Câu 1: Đặt tính rồi tính: (M2-2đ):

a) $162 + 370$

b) $728 - 245$

c) 106×8

d) $480 : 6$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 2: Tìm x: (M2-1,5đ):

$$x \times 7 = 42$$

$$472 - x = 50 : 5$$

$$x : 8 = 119 - 7$$

.....
.....
.....
.....

Câu 3: Một cửa hàng có 104kg gạo, cửa hàng đã bán đi $\frac{1}{4}$ kg gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu kilogam gạo? (M3-1,5đ):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 4: Tính hiệu, biết số bị trừ là số lớn nhất có 3 chữ số, số trừ là số liền sau của số nhỏ nhất có 3 chữ số. (M4-1đ):

ĐỀ 3

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

a) Dấu cần điền vào chỗlà:(M2-0,5đ):

4m 3 cm.....430 cm

A. < B. > C. = D. Không điền được dấu

b) Phép tính nhân nào dưới đây có kết quả là 24 ? (M1-0,5đ):

A. 6×9 B. 7×5 C. 6×4 D. 7×6

c) $\frac{1}{4}$ giờ =phút. Số cần điền vào chỗlà: (M2-0,5đ):

A. 60 B. 30 C. 20 D. 15

d) Cha 45 tuổi ,con 9 tuổi thì tuổi con bằng một phần mấy tuổi cha? (M3-0,5đ):

A. $\frac{1}{5}$ B. $\frac{1}{6}$ C. $\frac{1}{9}$ D. $\frac{1}{45}$

e) Các số viết tiếp vào chỗ chấm trong dãy: 16 , 22 , 28,, là: (M2-0,5đ):

A. 34,40 B. 35,41 C. 35,40 D.36, 42

g) Một số chia cho 8 được thương là 6 và số dư là 4 . Số đó là.(M3-0,5đ):

A. 51 B. 52 C. 53 D. 54

Bài 2 : Nối biểu thức ứng với giá trị đã cho? (M2-1đ):

$(100 + 11) \times$

$100 + 11 \times 6$

$201 + 39 : 3$

$375 - 10 \times 3$

214

666

452

345

166

II/ Phần tự luận

Bài 1 : Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

276 + 319

756 - 392

208 $\times$ 3

536 : 8

Bài 2: Tìm y : (M2-0,5đ):

$y : 7 = 9$;

.....
.....
Bài 3: Tính giá trị của biểu thức : (M2-1đ):

$$169 - 24 : 2 = \dots\dots\dots ; \quad 123 \times (83 - 80) = \dots\dots\dots$$
$$= \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

Bài 4: Hải có 24 viên bi, Minh có số bi bằng $\frac{1}{4}$ số bi của Hải . Hỏi Hải có nhiều hơn Minh bao nhiêu viên bi? (M3-1,5đ):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Có 52 m vải, may mỗi bộ quần áo hết 3 m. Hỏi có thể may được nhiều nhất mấy bộ và thừa bao nhiêu mét vải? (M4-1đ):

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 4

I- Phần trắc nghiệm:

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

a) Số liền trước của số lớn nhất có 3 chữ số là: (M2-0,5đ):

- A.100 B.999 C.998 D. 1000

b) 7m 3 cm = cm: (M2-0,5đ):

- A. 730 B. 703 C. 73 D. 10

c) Có 750 quyển sách xếp đều vào 5 tủ, mỗi tủ có 2 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách, biết rằng mỗi ngăn có số sách như nhau? (M3-0,5đ):

- A. 75 quyển B. 30 quyển C. 60 quyển D. 125 quyển

d) Gấp 7 l lên 8 lần thì được: (M2-0,5đ):

- A. 15 l B. 49 l C. 65 l D. 56 l

Bài 2: Đ ghi S, sai ghi S (M2-2đ):

Giá trị của biểu thức

a) $2 + 8 \times 5 = 50$ ☐

c) $3 + 14 \times 2 = 34$ ☐

b) $32 : 4 + 4 = 12$ ☐

d) $45 \text{ cm} + 25 \text{ cm} = 7 \text{ dm}$ ☐

Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm (M3-0,5đ):

Một hình chữ nhật có chiều dài 15 cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Chu vi của hình chữ nhật đó là.....cm.

II/ Phần tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

$487 + 302$

$660 - 251$

124×3

$845 : 7$

.....
.....
.....
.....

Bài 2: Tìm x: (M2-1đ):

a) $X : 6 = 14$ (dư 2)

b) $5 \times X = 375$

.....
.....

.....

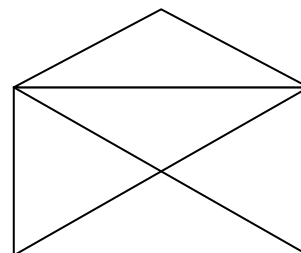
Bài 3 : Một quyển truyện dày 128 trang. An đã đọc được $\frac{1}{4}$ số trang đó. Hỏi còn bao nhiêu trang truyện nữa mà An chưa đọc? (M3-1,5đ):

.....

Câu 4: Hình bên có bao nhiêu tam giác, bao nhiêu tứ giác?

(M4-1đ):

- Cótam giác.
- Có tứ giác.

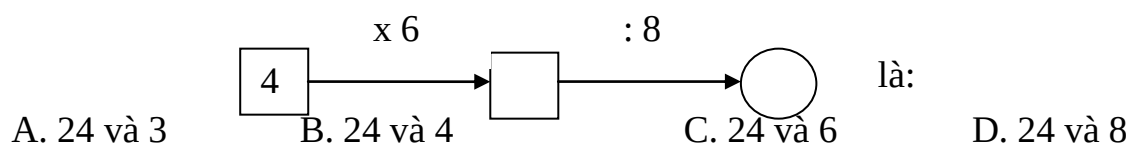


ĐỀ 5

PHẦN I : Trắc nghiệm

Bài 1 : Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

- a. Lấy tổng của 16 và 14 nhân với 4 ta được kết quả là: (M2-0,5đ):
 A. 30 B. 34 C. 72 D. 120
- b. Số dư lớn nhất trong phép chia cho 6 là: (M1-0,5đ):
 A. 4 B. 5 C. 6 D. 0
- c. Số thích hợp viết vào chỗ trống trong phép tính (M1-0,5đ):



- d. $\frac{1}{3}$ của 24 kg là: (M2-0,5đ):
 A. 1kg B. 3 kg C. 6 kg D. 8 kg
- e. Một hình chữ nhật có chiều dài 12 cm, chiều rộng bằng cạnh hình vuông có chu vi 40 cm. Chu vi của hình chữ nhật đó là.....cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là (M4-0,5đ):
 A. 104 B. 88 C. 32 D. 52

Bài 2 : Nối các biểu thức có giá trị bằng nhau dưới đây (M2-2đ):

a) $25 \times 6 + 18$
b) $(32 + 48) : 4$
c) $16 + 52 - 18$
d) $24 \times 4 \times 5$

1) $32 : 4 + 48 : 4$
2) $102 : 2 + 117$
3) $(20 + 5) \times 2$
4) $12 \times 5 \times 8$

PHẦN II : Tự luận

Bài 1. Đặt tính rồi tính. (M1-2đ):

$$576 + 185$$

.....

.....

.....

.....

$$720 - 342$$

.....

.....

.....

.....

$$75 \times 7$$

.....

.....

.....

.....

$$786 : 6$$

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Tìm x: (M2-1đ):

$$x \times 3 = 219 \times 2$$

.....
.....
.....

$$100 : x = 4$$

.....
.....

Bài 4: Bác Lan nuôi được 21 con gà trống và 24 con gà mái. Bác đã bán đi $\frac{1}{3}$ số gà đó . Hỏi Bác Lan đã bán đi bao nhiêu con gà? **(M3-1,5đ):**

.....
.....
.....
.....
.....
.....

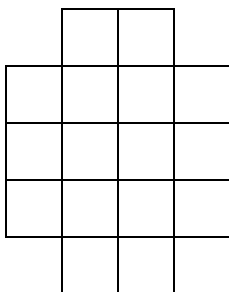
Bài 6: Tìm số bị chia trong phép chia cho 8, biết thương là 4 và số dư là số dư lớn nhất có thể có được.**(M4-1đ):**

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 6

Phần I : Trắc nghiệm: Khoanh tròn trước phương án trả lời đúng:

Câu 1. Tô màu vào $\frac{1}{8}$ số ô vuông (M1-0,5đ):



Câu 2: $52 \text{ hm} : 2 = ?$ (M1-0,5đ):

- A. 240 hm B. 260 hm C. 26 dm D. 260 dam

Câu 3: Tìm x , biết: $x - 10 = 218 \times 4$ (M2-0,5đ):

- A. $x = 648$ B. $x = 882$ C. $x = 842$ D. $x = 578$

Câu 4: Tìm y, biết : $25 : y = 7$ (dư 4) (M2-0,5đ):

- A. $y = 7$ B. $y = 4$ C. $y = 3$ D. $y = 2$

Câu 5: Xếp 35 quả cam vào các đĩa, mỗi đĩa nhiều nhất 6 quả. Hỏi phải dùng ít nhất mấy cái đĩa? (M3-0,5đ):

- A. 5 đĩa B. 6 đĩa C. 7 đĩa D. 8 đĩa

Câu 6: Mẹ mua về 6 kg gạo nếp và mua số gạo tẻ gấp đôi số gạo nếp. Hỏi mẹ mua về tất cả bao nhiêu ki-lô- gam gạo? (M3-0,5đ):

- A. 12 kg gạo B. 6 kg gạo C. 18 kg gạo D. 30 kg gạo

Câu 7 : Một ngày có 24 giờ, mẹ đi làm 8 giờ. Hỏi thời gian mẹ đi làm bằng một phần mấy ngày? (M3-0,5đ):

- A. $\frac{1}{8}$ ngày B. $\frac{1}{5}$ ngày C. $\frac{1}{4}$ ngày D. $\frac{1}{3}$ ngày

Câu 8 : Một hình vuông có chu vi 124cm. Cạnh của hình vuông đó là: (M2-0,5đ):

- A. 13cm B. 62 cm C. 28cm D. 31 cm

Phần II. Tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính: (M1-2đ):

$$324 + 193$$

$$465 - 284$$

$$59 \times 8$$

$$720 : 4$$

.....
.....

.....

.....

Bài 2 : Hai anh em đi câu cá, em câu được số cá bằng số lẻ nhỏ nhất có hai chữ số khác nhau. Anh câu được gấp 3 lần số cá của em. Hỏi cả hai anh em câu được bao nhiêu con cá?. (M3-2đ):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: (M2-1đ):

a. Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 12cm

b. Vẽ đoạn thẳng CD có độ dài bằng $\frac{1}{3}$ độ dài đoạn thẳng AB .

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: (M4-1đ):

Tìm một số, biết rằng nếu giảm số đó đi 5 lần sau đó bớt đi 76 thì được 19.

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 7

I. Trắc nghiệm

Bài 1 : Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số gồm bảy trăm, năm đơn vị và hai chục là: (M1-0,5đ):

- A. 752 B. 725 C. 700520 D. 7520

2. Số lớn nhất trong các số 812; 799; 809; 789 là..... (M1-0,5đ):

- A. 812 B. 799 C. 809 D. 789

3. Một hình chữ nhật có chu vi là 20 cm. Chiều rộng của hình chữ nhật là 4 cm. Chiều dài của hình chữ nhật đó là (M4-0,5đ):

- A. 16 cm B. 6 cm C. 5 cm D. 48 cm

4. Tìm một số biết rằng lấy số đó trừ đi 34 thì bằng 43 cộng với 58? Số cần tìm là: (M3-0,5đ):

- A. 101 B. 91 C. 67 D. 135

5. 35kg gấp 7kg số lần là: (M2-0,5đ):

- A. 6 lần B. 5 lần C. 7 lần D. 8 lần

6. Giá trị của biểu thức $56 + 24 : 4$ là (M2-0,5đ):

- A. 101 B. 135 C. 62 D. 91

Bài 2 (M1-1đ):

a) Viết số:

Ba trăm năm mươi tư:.....

Sáu trăm bảy mươi hai:

b) Đọc số:

129:.....

.....

345:

.....

.....

II. Tự luận

Bài 1. Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

$$321 + 83$$

$$634 - 307$$

$$102 \times 6$$

$$764 : 4$$

.....

.....

.....

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức (M2-1đ):

$$\begin{array}{l} 8 \text{ dam} + 5 \text{ dam} \times 2 = \dots\dots\dots 56 \text{ dm} \times 8 : 2 \\ = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \\ = \dots\dots\dots \end{array}$$

Bài 3: Có ba thùng dầu, mỗi thùng chứa 125l. Người ta đã lấy ra 185 l dầu từ các thùng dầu đó. Hỏi còn lại bao nhiêu lít dầu ? (M3-1,5đ):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 Có 57 người cần qua sông. Mỗi chiếc thuyền chỉ chở được nhiều nhất là 7 người (không kể lái thuyền). Hỏi cần ít nhất bao nhiêu thuyền để chở một lượt hết số người đó (M4-1đ):

.....

.....

.....

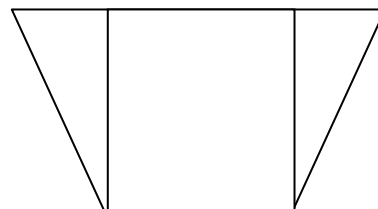
.....

.....

.....

Bài 5: Hình bên có : (M1-0,5đ):

-góc vuông
-góc không vuông



ĐỀ 8

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

a) Số gồm 4 trăm, 8 đơn vị viết là: (M1-0,5đ):

- A. 480 B. 48 C. 408 D. 84

b) Một số giảm đi 4 lần thì bằng 12, số đó là: (M3-0,5đ):

- A. 24 B. 36 C. 48 D. 60

c) Chữ số thích hợp điền vào ô trống để $6 \square 8 < 638$ là (M1-0,5đ):

- A. 1,2,3 B. 0,1, 2 C. 2,3, 4 D. 3, 4, 5

d) Tôi nghĩ ra một số, nếu thêm vào số tôi nghĩ 72 đơn vị thì được 1 số mới, nếu bớt số mới đi 27 đơn vị thì được kết quả là 81. Đồ bạn biết số tôi nghĩ là số nào? (M4-0,5đ):

- A. Số 108 B. Số 36 C. Số 99 D. Số 81

e) Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là (M2-0,5đ):

- A. 10 B. 90 C. 99 D. 98

Bài 2: Sắp xếp các số: 348, 435, 354, 436, 534, 543 theo thứ tự từ bé đến lớn (M2-0,5đ):

.....
.....
.....

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S (M2-1,5đ):

Chu vi hình chữ nhật bằng hai lần tổng độ dài của chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật đó. ☐

Muốn tính chu vi hình tam giác ta lấy độ dài một cạnh rồi nhân với 3 ☐

Muốn tìm $\frac{1}{3}$ của 9 ta lấy 9×3 ☐

Bài 4: Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

a) $125 + 238$

b) $424 - 81$

c) 106×8

d) $486 : 6$

.....
.....
.....
.....

Bài 4: Tính giá trị biểu thức (M2-1đ):

$56 : 4 + 45 =$

$95 - 85 : 5 =$

.....

Bài 5. Một người bán hàng lấy ra 60 cái cốc xếp vào các hộp để bán và đã bán 6 cái cốc. Số cốc còn lại được xếp đều vào 9 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu cái cốc? (M3-1,5đ):

Bài giải :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.Bài 6. Từ ba chữ số 3, 4, 5 viết tất cả các số có ba chữ số khác nhau (Mỗi chữ số không lặp lại). Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé (M4-1đ):

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 9

I. TRẮC NGHIỆM: Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

1. Cho các số: 928; 982; 899; 988. Số lớn nhất là: (M1-0,5đ):

A. 928

B. 982

C. 899

D. 988

2. $\square - 300 = 40$. Số thích hợp để điền vào ô trống là: (M2-0,5đ):

A. 260

B. 340

C. 430

D. 240

3. $\frac{1}{3}$ của 24kg là: (M2-0,5đ):

A. 12kg

B. 8kg

C. 6kg

D. 4kg

4. Số 355 đọc là: (M1-0,5đ):

A. Ba năm năm.

B. Ba trăm năm lăm.

C. Ba trăm năm mươi lăm.

D. Ba trăm năm mươi năm.

5. Một hình chữ nhật có chiều rộng là 4 cm, chiều dài 12 cm. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi của hình chữ nhật đó. Vậy cạnh của hình vuông là: (M3-0,5đ):

A. 16 cm

B. 32 cm

C. 8 cm

D. 7 cm

6. Cho dãy số: 9; 12; 15; ...; ...; ...; Các số thích hợp để điền vào chỗ chấm là: (M2-0,5đ):

A. 18; 21; 24

B. 16; 17; 18

C. 17; 19; 21

D. 18; 20; 21

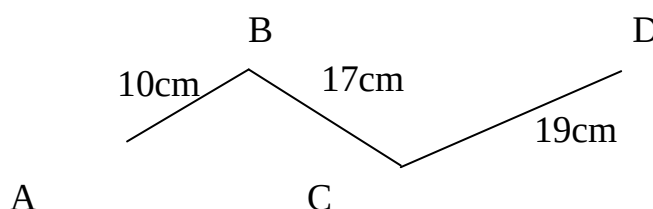
7. Độ dài của đường gấp khúc ABCD là (M2-0,5đ):

A. 68cm

B. 86cm

C. 46cm

D. 76cm



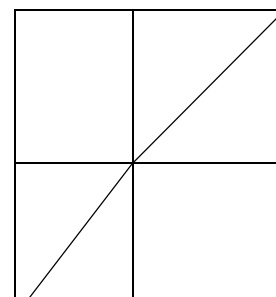
8. Hình bên có: (M2-0,5đ):

A. 9 hình chữ nhật, 4 hình tam giác

B. 8 hình chữ nhật, 4 hình tam giác

C. 9 hình chữ nhật, 6 hình tam giác

D. 8 hình chữ nhật, 5 hình tam giác



II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

a) $248 + 136$

b) $375 - 128$

c) 48×6

d) $79 : 7$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
Bài 2: Tính: (M2-1đ):

a) $84 \times (85 - 79)$

b) $23 \times 9 + 15$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm. (M2-1đ):

$\frac{1}{6}$ giờ =phút

;

5m 8dm =dm

Bài 4: Đoạn dây thứ nhất dài 18dm, đoạn dây thứ hai dài gấp 6 lần đoạn dây thứ nhất.
Hỏi cả hai đoạn dây dài bao nhiêu đề-xi-mét ? (M3-1đ):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Tính nhanh: (M4-1đ):

a) $1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19$

b) $815 - 23 - 77 + 185$

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 10

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Chọn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: 19 giờ 40 phút còn gọi là mấy giờ: (M1-0,5đ):

- A. 8 giờ 20 phút tối B. 8 giờ kém 20 phút tối
C. 8 giờ kém 10 phút sáng D. 8 giờ 20 phút sáng

Câu 2: Biểu thức $30 + 60 \times 2$ có giá trị là: (M2-0,5đ):

- A. 150 B. 180 C. 120 D. 90

Câu 3: Số dư trong phép tính $17 : 3$ là: (M1-0,5đ):

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 4: Phép tính $6 + 6 + 6 + 6 + 6$ có thể viết là: (M1-0,5đ):

- A. 6×5 B. $6 + 5$ C. $6 + 6 \times 5$ D. 6×6

Câu 5: Biết $\frac{1}{4}$ của 1 số là 2. Số đó là: (M3-0,5đ):

- A. 2 B. 4 C. 6 D. 8

Câu 6: Có bao nhiêu số có 2 chữ số mà chữ số hàng đơn vị là 7: (M4-0,5đ):

- A. 8 số B. 10 số C. 7 số D. 9 số

Câu 7: Một hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 68dm. Chu vi hình chữ nhật đó là: (M3-0,5đ):

- A. 18 dm B. 436dm C. 364dm D. 83m

Câu 8. (M1-0,5đ):

Đồng hồ chỉ bao nhiêu giờ, bao nhiêu phút



- A. 8 giờ 35 phút B. 8 giờ 7 phút C. 7 giờ 40 phút D. 7 giờ 35 phút

II. PHÂN TỰ LUẬN:

Câu 1 Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

- a, $761 + 128$ b, $485 - 92$ c) 32×3 d) $684 : 2$

.....
.....

.....
.....
.....
.....
Câu 2 : Số ?(M1-1đ):

$$4\text{m } 3\text{dm} = \dots\dots\text{dm}$$

$$5\text{hm } 2\text{dam} = \dots\dots\text{m}$$

$$4580\text{ g} = \dots\dots\text{kg}\dots\dots\text{g}$$

$$2\text{kg } 6\text{g} = \dots\dots\text{g}$$

Câu 3: Một đoàn xe chở 105 cán bộ đi công tác. Xe đi đầu tiên có 15 người. Số còn lại ngồi trên các xe sau, mỗi xe chở 9 người. Hỏi đoàn xe có bao nhiêu xe? (M3-1,5đ):

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 4:. Tìm số lớn nhất, bé nhất trong các số sau: 375, 421, 573, 241, 735, 142 (M1-0,5đ):

a) Số lớn nhất là số: b) Số bé nhất là số :

Câu 5: Tìm số chia và số bị chia bé nhất sao cho phép chia có thương bằng 15 và số dư là 5 .(M4-1đ):

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 11

Bài 1 : Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: (M2-1đ):

- a. Số liền trước số 160 là: 159 ☐
- b. $229\text{g} + 771\text{g} = 1000\text{ kg}$ ☐
- c. $2\text{dam} = 20\text{ m}$ ☐
- d. Số lớn nhất trong các số 978, 789, 987, 897 là: 978 ☐

Bài 2 : Khoanh tròn chữ cái đặt trước kết quả đúng:

1. Trong phòng có 7 cái bàn và 42 cái ghế. Hỏi số ghế gấp mấy lần số bàn? (M3-0,5đ):
A. 5 B. 6 C. 7 D. 8
2. Kết quả của phép tính $348 + 235$ là : (M1-0,5đ):
A. 583 B. 573 C. 385 D. 853
3. Một cái ao hình vuông có cạnh 60dm. Chu vi hình vuông đó là: (M3-0,5đ):
A. 24 m B. 36 dm C. 24d m D. 12 m
4. Chị em năm nay 15 tuổi, 3 năm trước tuổi em bằng $\frac{1}{3}$ tuổi chị. Hỏi năm nay em bao nhiêu tuổi? (M4-0,5đ):
A. 6 tuổi B. 12 tuổi C. 7 tuổi D. 9 tuổi

Bài 3 : Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

- | | | | |
|----------------|----------------|-------------------|--------------|
| a) $423 + 207$ | b) $654 - 215$ | c) 132×3 | d) $250 : 5$ |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Bài 4 : Tính giá trị biểu thức (M2-1đ):

- | | |
|------------------|---------------------------|
| a. $90 + 28 : 2$ | b. $123 \times (82 - 80)$ |
| | |
| | |

Bài 5 : Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm. (M2-1đ):

- $\frac{1}{6}$ giờ 20 phút ; 5m 8cm 580 cm
- 8 kg 7800g ; 7hm 80m 780m

Bài 6: Đàn gà nhà Lan có 6 con gà trống, số gà mái gấp 4 lần số gà trống. Hỏi nhà Lan nuôi tất cả bao nhiêu con gà? (M3-1,5đ):

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7: Hiệu hai số bằng 76. Nếu thêm vào số bị trừ 12 và giữ nguyên số trừ thì hiệu hai số thay đổi như thế nào? Tính hiệu đó. (M4-1đ):

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 12

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Số liền trước của 160 là: (M1-0,5đ):

- A. 161 B. 150 C. 159 D. 170

b) Hình vuông có cạnh 6 m. Chu vi của hình vuông đó là: (M2-0,5đ):

- A. 4m B. 36 m C. 10 m D. 12 cm

c) $9\text{m } 8\text{cm} = \dots \text{ cm}$. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là: (M2-0,5đ):

- A. 98 B. 908 C. 980 D. 9080

d) Khi viết thêm chữ số 2 vào bên trái số 30 thì số ban đầu tăng thêm bao nhiêu đơn vị: (M4-0,5đ):

- A. 20 B. 50 C. 2 D. 200

Bài 2: Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống: (M2-2đ):

$744\text{g} \square 474\text{g}$

$305\text{g} \square 350\text{g}$

$900\text{g} + 50\text{g} \square 1\text{kg}$

$400\text{g} \square 440\text{g} - 40\text{g}$

Bài 3: Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

$487 + 302$

$660 - 251$

124×3

$845 : 7$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Tìm x

a) $X : 6 = 144$ (M2-0,5đ):

b) $(X + 5) : 7 = 8$ (M4-1đ):

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Giải bài toán sau: Một tổ công nhân buổi sáng sửa được 24m. buổi chiều do trời nắng nên sửa được số mét đường giảm đi 3 lần so với buổi sáng. Hỏi buổi sáng tổ công nhân đó sửa được nhiều hơn buổi chiều bao nhiêu mét đường? (M3-1,5đ):

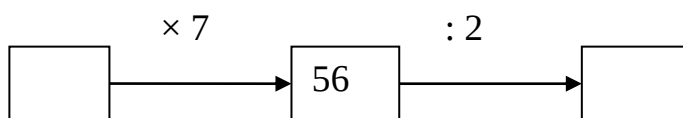
Bài giải

.....

.....

.....

.....
.....
Bài 6: Viết số thích hợp vào ô trống (M2-1đ):



ĐỀ 13

Bài 1: Mỗi bài tập dưới đây có nêu kèm theo một số câu trả lời A, B, C, D (là đáp số, kết quả tính). Hãy khoanh vào chữ đứng trước câu trả lời đúng.

4m 4cm = cm (M2-0,5đ):

a. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

- A. 44 B. 404 C. 440 D. 8

b. Đồng hồ chỉ: (M1-0,5đ):

A. 7 giờ 35 phút

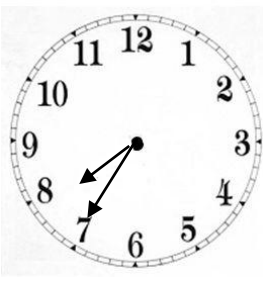
B. 7 giờ 40 phút

C. 8 giờ 7 phút

D. 8 giờ 35 phút

c. Mỗi giờ có 60 phút thì $\frac{1}{4}$ giờ có: (M2-0,5đ):

- A. 4 phút B. 40 phút C. 15 phút D. 25 phút

d. Hình  ông là: (M1-0,5đ):

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Bài 2: Tính nhẩm: (M1-2đ):

$8 \times 5 = \dots\dots\dots$ $45 : 9 = \dots\dots\dots$ $6 \times 9 = \dots\dots\dots$ $9 \times 9 = \dots\dots\dots$

$9 \times 7 = \dots\dots\dots$ $42 : 7 = \dots\dots\dots$ $64 : 8 = \dots\dots\dots$ $7 \times 4 = \dots\dots\dots$

Bài 3: Đếm thêm rồi viết tiếp số thích hợp vào chỗ chấm: (M2-1đ):

12 ; 18 ; 24 ; ; ;

9 ; 18 ; 27 ; ; ;

Bài 4: Đặt tính rồi tính: (M1-2đ):

37×6

216×4

$724 : 4$

$937 : 5$

Bài 5: Tính giá trị biểu thức:(M2-1đ):

a) $408 + 96 : 6$

b) $(43 + 57) \times 3$

Bài 6: Đội xe thứ nhất có 16 chiếc xe, đội xe thứ hai có số xe gấp 3 lần số xe của đội thứ nhất. Hỏi cả hai đội có bao nhiêu chiếc xe? (M3-1,5đ):

Bài giải

b. Điền số thích hợp để được phép tính đúng: (M4-0,5đ):

$$36 = \square \times \square \times \square$$

ĐỀ 14

Câu 1: Hãy khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

a. Số tròn trăm liền trước số 500 là : (M2-0,5đ):

A. 400

B. 499

C. 501

D. 600

b. Số dư trong phép chia $35 : 4$ là: (M1-0,5đ):

A.1

B.2

C.3

D. 4

c. Chữ số 7 trong số 279 có giá trị là: (M1-0,5đ):

A. 2

B.7

C.79

D.70

d. $\frac{1}{5}$ của 1 giờ là: (M2-0,5đ):

A. 12 phút

B.15 phút

C.10 phút

D. 20 phút

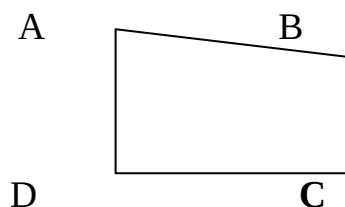
e. Hình tứ giác ABCD có mấy góc vuông : (M1-0,5đ):

A. 1 góc vuông

B. 2 góc vuông

C. 3 góc vuông

D. 4 góc vuông



g. Giá trị của biểu thức $120 - 5 \times 6 = \dots\dots\dots$ là. (M2-0,5đ):

A. 690

B.190

C.90

D. 290

h. Gấp 5 kg lên 10 lần thì được: (M2-0,5đ):

A. 15 kg

B. 2 kg

C. 5kg

D. 50kg

i. Một cửa hàng có 20l dầu. Hỏi cửa hàng đó phải dùng ít nhất bao nhiêu chiếc can loại 3 lít để đựng hết số dầu đó? (M3-0,5đ):

A. 6

B.7

C.8

D. 9

Câu 2: Đặt tính rồi tính: (M1-2đ):

a. $348 + 71$

.....

.....

.....

c. 139×4

.....

.....

.....

.....

b. $619 - 128$

.....

.....

.....

d. $651 : 3$

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Tìm x (M2-1đ):

$$x \times 8 = 24$$

.....

.....

$$120 : x = 4$$

.....

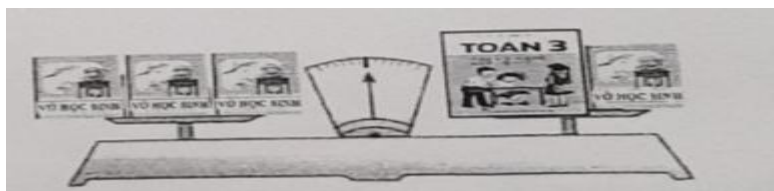
.....

Câu 4: Bác Xuân nuôi 7 con thỏ mẹ và 31 thỏ con. Hôm nay, một con thỏ mẹ đẻ được 4 chú thỏ con. Hỏi bây giờ số thỏ mẹ bằng một phần mấy số thỏ con? (M3-1,5đ):

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 5: Quan sát hình vẽ sau và trả lời câu hỏi (M4-1,5đ):



Đĩa cân bên trái có 3 quyển vở 100 trang, mỗi quyển nặng 120g. Đĩa cân bên phải gồm 1 quyển sách Toán và 1 quyển vở 100 trang. Hỏi khi cân thăng bằng, quyển sách Toán nặng bao nhiêu gam? (Biết rằng các quyển vở ở cả hai bên đĩa cân đều có số cân nặng như nhau). Giải thích vì sao em tìm ra được số cân nặng của quyển sách Toán?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 15

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng:

a) Số Tám trăm linh năm viết là: (M1-0,5đ):

- A. 805 B. 8500 C. 850 D. 85

b) Số liền trước số 132 là : (M1-0,5đ):

- A. 133 B. 130 C. 131 D. 135

c) Gấp 5 lên 4 lần ta được: (M1-0,5đ):

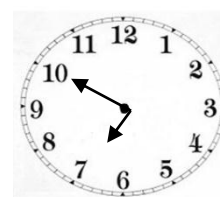
- A. 9 B. 20 C. 10 D. 1

d) Một số giảm đi 6 lần được 3. Số đó là : (M3-0,5đ):

- A. 2 B. 18 C. 12 D. 7

e) Đồng hồ chỉ: (M1-0,5đ):

- A. 7 giờ 10 phút
B. 10 giờ 7 phút
C. 6 giờ 50 phút
D. 17 giờ 10 phút



g) Một hình chữ nhật có chiều rộng 30 cm, chiều dài 4 dm. Vậy chu vi hình chữ nhật đó là:

- A. 70 cm B. 68 cm C. 14 dm D. 14cm

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (M2-1đ):

a, 72; 64; 56;; b, 26; 35 ; 44; ;.....

Bài 3 : Một người đi bán 93 quả trứng. Sau khi bán, số trứng giảm đi 3 lần. Người đó còn lại.....quả trứng. (M3-0,5đ):

Bài 4: Đặt tính rồi tính: (M1-2đ):

$$435 + 127$$

$$392 - 245$$

$$124 \times 3$$

$$726 : 6$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Tính giá trị biểu thức. (M2-1đ):

$$9 \times 5 + 15$$

$$106 + 32 : 4$$

.....

.....

.....

Bài 6: Quãng đường từ nhà bác An đến hiệu thuốc dài 150m ; quãng đường từ hiệu thuốc đến bưu điện dài gấp 5 lần từ nhà đến hiệu thuốc. Hỏi đi từ nhà đến bưu điện (qua hiệu thuốc), bác An đi quãng đường dài bao nhiêu mét? (M3-1,5đ):

.....

Bài 7: (M4-1đ):

a) Tính nhanh:

$$116 + 62 - 16 + 38$$

.....

b) Điền chữ số thích hợp vào ô trống

$$\begin{array}{r} \square 24 \\ \times \quad 3 \\ \hline 3\square\square \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 99 \\ \times \quad 5 \\ \hline 9\square\square \end{array}$$

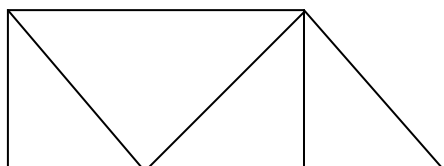
ĐỀ 16

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng:

a) 1 ngày có 24 giờ. $\frac{1}{4}$ của một ngày là: (M2-0,5đ):

- A. 8 giờ B. 6 giờ C. 2 giờ D. 4 giờ

b) Hình dưới đây có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác? (M2-0,5đ):



- A. 4 hình tam giác, 5 hình tứ giác B. 4 hình tam giác, 4 hình tứ giác
C. 5 hình tam giác, 4 hình tứ giác D. 5 hình tam giác, 5 hình tứ giác
- c) Một người đi bộ trong 6 phút đi được 480 m. Hỏi trong 9 phút người đó đi được bao nhiêu m đường (Quãng đường trong mỗi phút đi đều như nhau)? (M3-0,5đ):

- A. 720m B. 640m C. 800m D. 900m
- d) Hương cao 130 cm, có nghĩa là Hương cao: (M2-0,5đ):
- A. 1 m 30 cm B. 1 m 30 dm C. 1 m 20 cm D. 130 dm

e) Hôm nay là thứ bảy ngày 8 tháng 9. Vậy ngày 20 tháng 9 cùng năm đó là thứ mấy? (M2-0,5đ):

- A. Thứ năm B. Thứ sáu C. Thứ bảy D. Chủ nhật

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: (M2-0,5đ):

a) Giá trị của biểu thức $288 + 24 : 6$ là 294 ☐

b) Một hình chữ nhật có chiều dài 15cm, chiều rộng 1dm thì chu vi của hình chữ nhật đó là 32 ☐

c) $6m\ 3cm = 603cm$. ☐

d) Số 475 đọc là bốn trăm bảy mươi năm. ☐

Bài 3: Đặt tính rồi tính: (M1-2đ):

$$156 + 217$$

$$463 - 118$$

$$345 \times 5$$

$$504 : 6$$

.....

.....

.....

.....

.....
.....
Bài 4: Tìm x (M2-1đ):

$$x : 5 = 4 \text{ (dư 2)}$$

$$472 - x = 50 : 5$$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Một người nuôi 4 con ngỗng và 55 con vịt. Sau đó người ta bán đi 7 con vịt.
Hỏi số vịt còn lại gấp bao nhiêu lần số ngỗng? (M3-1,5đ):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Có bao nhiêu số có ba chữ số mà mỗi số đều có ba chữ số khác nhau và tổng ba chữ số này bằng 3? Hãy viết ra đủ các số đó. (M4-1đ):

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 17

Bài 1: Khoanh tròn vào đáp án đúng

a) **Giá trị biểu thức: $789 - 45 + 55$ là: (M2-0,5đ):**

A.100

B.799

C.744

D. 689

b) **Số 505 đọc là: (M1-0,5đ):**

A. Năm không năm

B. Năm trăm linh lăm

C. Năm trăm linh năm

D. Lăm trăm linh năm

c) **Có 7 con vịt, số gà nhiều hơn số vịt 56 con. Hỏi số vịt bằng một phần mấy số gà? (M3-0,5đ):**

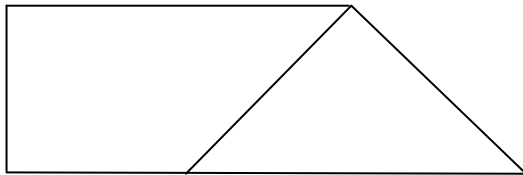
A. $\frac{1}{6}$

B. $\frac{1}{7}$

C. $\frac{1}{8}$

D. $\frac{1}{9}$

d) **Hình vẽ dưới đây có mấy góc không vuông? (M2-0,5đ):**



A. 2

B. 3

C.4

D. 5

e) **$8 \times 7 < \square \times 8$ (M1-0,5đ):**

A. 7

B. 5

C. 8

D. 6

Bài 2: Nối phép tính và biểu thức với giá trị của nó: (M2-2đ):

$$45 + 29$$

59

$$79 - 20$$

74

$$30 \times 3 : 3$$

21

$$(97 - 13) : 4$$

30

Bài 3: Tính giá trị của biểu thức: **(M2-1đ):**

$$267 + 125 - 278$$

$$538 - 38 \times 3$$

Bài 4: Tìm x: **(M2-1đ):**

$$x : 7 = 100 + 8$$

$$x \times 7 = 357$$

Bài 5: Viết tiếp vào chỗ chấm để hoàn chỉnh câu nêu quy tắc tính chu vi các hình **(M2-1đ):**

Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy.....

Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh.....

Bài 6:Giải bài toán **(M2-1,5đ):**

Đàn gà có 32 con mái và 10 con trống. Người ta đem bán đi 2 con trống. Hỏi số gà trống còn lại bằng một phần mấy số gà mái?

Bài 7: Cho các số: 15, 20, 23, 25, 37, 40. **(M2-1đ):**

Hãy tìm 4 số trong các số đã cho để tổng của bốn số đó bằng 100. Viết phép tính đúng.

ĐỀ 18

I/ Phần trắc nghiệm:

Bài 1: Khoanh tròn vào đáp án đúng

a) Số gồm 7 trăm, 2 đơn vị viết là : (M1-0,5đ):

- A.270 B.720 C.207 D. 702

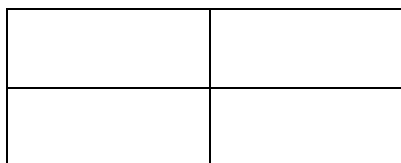
b) Tích của một số với 7 bằng 63. Số đó là: (M2-0,5đ):

- A.56 B.9 C.441 D. 70

c) Năm nay ông 56 tuổi còn cháu 8 tuổi. Hỏi cách đây 2 năm tuổi ông gấp mấy lần tuổi cháu? (M4-0,5đ):

- A.6 B.7 C.8 D. 9

d) Hình vẽ dưới đây có mấy hình chữ nhật? (M3-0,5đ):



- A. 4 B. 5 C.9 D. 11

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S (M2-2đ):

a) $5\text{ kg} + 16\text{ kg} = 21000\text{g}$

☐

c) $6505\text{g} > 6\text{kg}500\text{g}$

☐

b) $7150\text{g} = 7\text{kg}15\text{g}$

☐

d) $\frac{1}{6}$ của 3 kg là 500g

☐

II/ Phần tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

$$457 + 395$$

$$348 - 79$$

$$138 \times 3$$

$$318 : 3$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Tìm x: (M2-1đ):

$$614 - x = 45 + 325$$

$$84 : x = 3$$

.....

.....

.....

Bài 3: Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé (M2-1đ):

316, 367, 428, 679, 675, 931

Trong các số trên, số nào là số lớn nhất? Số nào là số bé nhất?

.....

Bài 4:Giải bài toán (M2-1,5đ):

Một hình chữ nhật có chiều dài bằng 36 cm. Chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính chu vi của hình chữ nhật đó.

.....

Bài 5: Trong một phép trừ, số bị trừ lớn hơn hiệu 15 đơn vị. Tìm số trừ. (M1-1đ):

ĐỀ 19

Bài 1: Khoanh tròn vào đáp án đúng

a) Thương của một phép chia cho 6 bằng 71 và số dư bằng 4 thì số bị chia của phép chia đó là:

(M3-0,5đ):

- A.403 B.462 C.426 D. 430

b) Số thích hợp điền vào chỗ chấm để có $10g + \dots g = 1 \text{ kg}$ là:

(M2-0,5đ):

- A.90 B.900 C.990 D. 999

c) Số nào khi nhân với 7 thì được kết quả là số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau? (M2-0,5đ):

- A.10 B.14 C.15 D. 9

d) Số đo độ dài nhỏ hơn 6hm 7m là: (M1-0,5đ):

- A.67m B.607m C.670m D. 760m

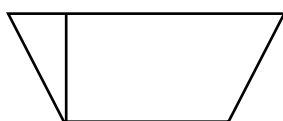
Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống ☐ (M2-1,5đ):

a) 1 ngày là 10 giờ. ☐

6

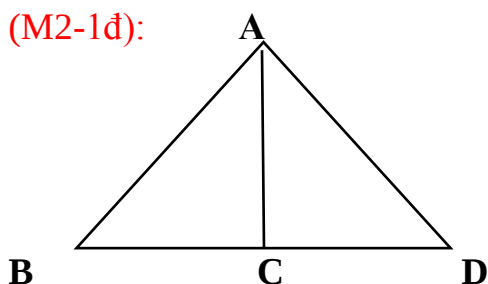
b) Ba bạn Ân, Nam, Cường thi nhảy bật xa. Ân bật xa 1m 9cm, Nam bật xa 108cm, Cường bật xa 1m 1dm. Vậy Cường bật được xa nhất. ☐

c) Hình vẽ dưới đây có 3 góc không vuông. ☐



Bài 3: Hãy nêu tên đỉnh và các cạnh của các góc vuông trong hình dưới đây:

(M2-1đ):



.....

Bài 4: Đặt tính rồi tính (M1-2đ):

$$627 + 194$$

$$939 - 261$$

$$218 \times 4$$

$$346 : 5$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. Tìm x: (M2-1đ):

$$235 - x = 97$$

$$348 : x = 4 + 2$$

.....

.....

.....

Bài 4:Giải bài toán (M2-0,5đ):

Một cửa hàng bán dụng cụ học sinh ngày đầu bán 450 quyển vở. Ngày thứ hai bán số vở ít hơn số vở bán trong ngày đầu là 42 quyển. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu quyển vở trong cả hai ngày?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Có 3 bạn Quang, Hồng, Mai cùng thi nhau giải một đề toán. Kết quả 3 bạn đều có đáp án đúng nhưng thời gian giải khác nhau. Bạn Quang giải trong nửa giờ, Hồng giải chậm hơn Quang 2 phút nhưng lại giải nhanh hơn Mai 5 phút. Theo em, ai là người chiến thắng? Vì sao?

(M4-1đ):

.....

.....

.....

ĐỀ 20

I/ Phần trắc nghiệm:

Bài 1: Khoanh tròn vào đáp án đúng

a) Số điền vào ô trống để $584 < 5 \square 4$ là (M1-0,5đ):

A.6

B.6,7

C.8,9

D. 9

b) Một hình vuông có cạnh bằng 14cm. Chu vi của hình vuông đó là: (M1-0,5đ):

A.28cm

B.56cm

C.18cm

D. 48cm

Bài 2: Điền số thích hợp vào ô trống(M2-1đ)

Có.....số có ba chữ số giống nhau.

Số tròn trăm thích hợp điền vào ô trống để : $629 < \square < 748$ là:.....

Bài 3: Nối bài toán tìm x với giá trị đúng của x(M2-2đ)

$2 \times x = 648$
$x : 4 = 221$
$x + 273 = 789$
$642 - x = 363$

$x = 279$
$x = 324$
$x = 884$
$x = 516$

Bài 4: Đặt tính rồi tính (M1-2đ)

$$315 + 658$$

$$239 - 75$$

$$224 \times 3$$

$$675 : 9$$

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5. Tính giá trị biểu thức(M2-1đ):

$$24\text{km} : 3 + 102\text{km}$$

$$63\text{m} - 14\text{m} : 7$$

.....
.....
.....

Bài 4:Giải bài toán(M2-1,5đ):

Người ta đóng gói 960 quyển vở vào các gói, mỗi gói 5 quyển vở.Sau đó xếp các gói vào thùng, mỗi thùng 4 gói. Hỏi có bao nhiêu thùng vở?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Một đám đất hình chữ nhật có nửa chu vi bằng chu vi một khu vườn hình vuông cạnh 142m. Chiều dài của đám đất hình chữ nhật bằng 320m. Tính chiều rộng của đám đất hình chữ nhật ấy. **(M4-1đ):**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ CUỐI KÌ 1

ĐỀ 1

I/ Trắc nghiệm (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng

Câu số	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	C	C	D	C	A

II. Tự luận

Câu 9: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$276 + 319$$

$$756 - 392$$

$$208 \times 3$$

$$536 : 8$$

Câu 10: (0,5 điểm) **Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm**

$$400g + 8g < 480g$$

$$5m\ 6cm < 560\ cm$$

Câu 11:(1 điểm) Tính giá trị của biểu thức.

$$42 + 24 : 8 = 42 + 3$$

$$71 - 13 \times 4 = 71 - 52$$

$$= 45$$

$$= 19$$

Câu 12: (1,5 điểm)

Bài giải:

Hai gói kẹo nhỏ cân nặng số ki-lô-gam là :

$$150 \times 2 = 300\ (g)$$

Cả ba gói kẹo cân nặng số ki-lô-gam là :

$$250 + 150 = 400\ (g)$$

Đáp số : 400g

Câu 13 : (1 điểm)

Bài giải:

Khi giảm số hạng đi 26 đơn vị thì tổng cũng giảm 26 đơn vị. Khi tăng số hạng lên 48 đơn vị thì tổng cũng tăng 48 đơn vị.

Vậy nếu giảm số thứ nhất đi 26 đơn vị và tăng số thứ hai 48 đơn vị thì tổng mới là :

$$327 + 26 - 48 = 305$$

Đáp số : 305

ĐỀ 2

I) Trắc nghiệm (4 điểm)

Câu số	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	A	A	B	A	B

II) Tự luận

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $162 + 370 = 532$ b) $728 - 245 = 483$ c) $106 \times 8 = 848$ d) $480 : 6 = 80$

Câu 2: (1,5 điểm) **Tìm x:**

$$x \times 7 = 42$$

$$472 - x = 50 : 5$$

$$x : 8 = 119 - 7$$

$$x = 42 : 7$$

$$472 - x = 10$$

$$x : 8 = 108$$

$$x = 6$$

$$x = 472 - 10$$

$$x = 108 : 8$$

$$x = 462$$

$$x$$

Câu 3: (1,5 điểm)

Bài giải

Cửa hàng đã bán đi số ki-lô-gam gạo là:

$$104 : 4 = 26 \text{ (kg)}$$

Cửa hàng còn lại số ki-lô-gam gạo là:

$$104 - 26 = 78 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 78 kg gạo

Câu 4: (1 điểm)

Số bị trừ: 999

Số trừ: 101

Hiệu: $999 - 101 = 898$

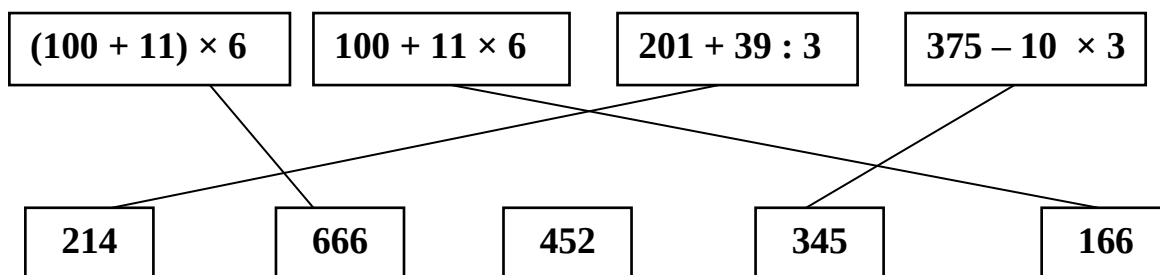
ĐỀ 3

I- Phần trắc nghiệm:(4 điểm).

Bài 1: (3 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu	a	b	c	d	e	g
Đáp án	A	C	D	A	A	B

Bài 2 : Nối biểu thức ứng với giá trị đã cho? (1 điểm)



II/ Phần tự luận:(6 điểm)

Bài 1:(2 điểm) Đặt tính theo cột dọc. Kết quả đúng :

$$276 + 319 = 415$$

$$756 - 392 = 364$$

$$208 \times 3 = 624$$

$$536 : 8 = 67$$

Bài 2: (0,5 điểm) Tìm y :

$$y : 7 = 9$$

$$y = 9 \times 7$$

$$y = 63$$

Bài 3:(1 điểm) Tính giá trị của biểu thức :

$$169 - 24 : 2 = 169 - 12 ; \\ = 157$$

$$123 \times (83 - 80) = 123 \times 3 \\ = 369$$

Bài 4:(1,5 điểm)

Bài giải

Minh có số viên bi là :

$$24 : 4 = 6 \text{ (viên bi)}$$

Hải có nhiều hơn Minh số viên bi là :

$$24 - 6 = 18 \text{ (viên)}$$

Đáp số : 18 viên bi

Bài 6: (1điểm)

$$\text{Ta có: } 52 : 3 = 17 \text{ (dư 1)}$$

Như vậy 52 m vải có thể may được nhiều nhất 17 bộ và còn thừa 1 m vải.

Đáp số: 17 bộ , thừa 1m vải

ĐỀ 4

I- Phần trắc nghiệm:

Bài 1: (2 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu	a	b	c	d
Đáp án	C	A	A	D

Bài 2: (2 điểm) Đ ghi S, sai ghi S

Giá trị của biểu thức

$$2 + 8 \times 5 = 50$$

S

$$3 + 14 \times 2 = 34$$

S

$$32 : 4 + 4 = 12$$

Đ

$$45 \text{ cm} + 25 \text{ cm} = 7 \text{ dm}$$

Đ

Bài 3: (0,5 điểm) Viết tiếp vào chỗ chấm

Một hình chữ nhật có chiều dài 15 cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Chu vi của hình chữ nhật đó là 40 cm.

II/ Phần tự luận:

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính theo cột dọc. Đáp án đúng là:

$$487 + 302 = 789$$

$$660 - 251 = 409$$

$$124 \times 3 = 372$$

$$845 : 7 = 120$$

(dư 5)

Bài 2: (1 điểm) Tìm x:

$$X : 6 = 14 \text{ (dư 2)}$$

$$X = 14 \times 6 + 2$$

$$X = 86$$

$$5 \times X = 375$$

$$X = 375 : 5$$

$$X = 75$$

Bài 3: (1,5 điểm) : Một quyển truyện dày 128 trang. An đã đọc được $\frac{1}{4}$ số trang đó. Hỏi còn bao nhiêu trang truyện nữa mà An chưa đọc?

Bài giải

An đã đọc số trang truyện là :

$$128 : 4 = 32 \text{ (trang)}$$

Số trang truyện mà An chưa đọc là :

$$128 - 32 = 96 \text{ (trang)}$$

Đáp số: 96 trang truyện

Câu 4: (1 điểm)

- Có 9 tam giác.

- Có 4 tứ giác.

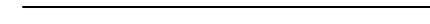
ĐỀ 5

PHẦN I : Trắc nghiệm

Bài 1 : (2,5 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu	a	b	c	d	e
Đáp án	D	B	A	D	C

Bài 2 : (2 điểm) Nối các biểu thức có giá trị bằng nhau dưới đây

a) $25 \times 6 + 18$		1) $32 : 4 + 48 : 4$
b) $(32 + 48) : 4$		2) $102 : 2 + 117$
c) $16 + 52 - 18$		3) $(-20 + 5) \times 2$
d) $24 \times 4 \times 5$		4) $12 \times 5 \times 8$

PHẦN II : Tự luận

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính theo cột dọc. Đáp án đúng là:

$$576 + 185 = 761$$

$$720 - 342 = 378$$

$$75 \times 7 = 375$$

$$786 : 6 = 131$$

Bài 2. (1 điểm) Tìm x:

$$x \times 3 = 219 \times 2$$

$$100 : x = 4$$

$$x = 438$$

$$x = 100 : 4$$

$$x = 438 : 3$$

$$x = 25$$

$$x = 146$$

Bài 4: (1,5 điểm)

Bài giải

Bác Lan nuôi số con gà là:

$$21 + 24 = 45 \text{ (con)}$$

Bác Lan đã bán đi số con gà là:

$$45 : 3 = 15 \text{ (con)}$$

Đáp số: 15 con gà

Bài 6(1 điểm). Tìm số bị chia trong phép chia cho 8, biết thương là 4 và số dư là số dư lớn nhất có thể có được.

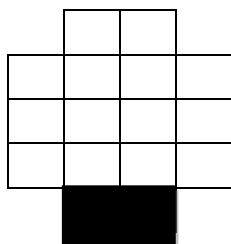
Trong phép chia cho 8, số dư lớn nhất có thể có được là 7

Vậy số bị chia là: $8 \times 4 + 7 = 39$

ĐỀ 6

Phần I : Trắc nghiệm: Khoanh tròn trước phương án trả lời đúng:

Câu 1. (0,5 điểm) Tô màu vào $\frac{1}{8}$ số ô vuông



Từ câu 2 đến câu 8 mỗi câu 0,5 điểm

Câu	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	C	B	C	D	D

Phần II. Tự luận

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính theo cột dọc, kết quả đúng là:

$$324 + 193 = 517$$

$$465 - 284 = 181$$

$$59 \times 8 = 472$$

$$720 : 4 = 180$$

Bài 2 : (2 điểm)

Bài giải

Em câu được số cá là : 13 con

Anh câu được số cá là :

$$13 \times 3 = 39 \text{ (con)}$$

Cả hai anh em câu được số con cá là :

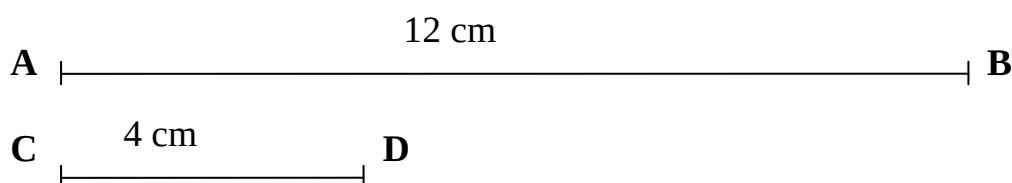
$$13 + 39 = 52 \text{ (con)}$$

Đáp số : 52 con cá

Bài 3: (1 điểm)

a. Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 12cm

b. Vẽ đoạn thẳng CD có độ dài bằng $\frac{1}{3}$ độ dài đoạn thẳng AB .



Bài 4: (1 điểm)

Tìm một số, biết rằng nếu giảm số đó đi 5 lần sau đó bớt đi 76 thì được 19.

Ta có sơ đồ



Số đó là sau khi giảm 5 lần là: $19 + 76 = 95$
Số đó là: $95 \times 5 = 475$

ĐỀ 7

I. Trắc nghiệm

Bài 1 : (3 điểm) *Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:*

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	B	D	B	C

Bài 2 (1 điểm)

a) Viết số:

Ba trăm năm mươi tư: 354

Sáu trăm bảy mươi hai: 672

b) Đọc số:

129: Một trăm hai mươi chín

345: Ba trăm bốn mươi lăm

II. Tự luận

Câu 1. (2 điểm) Đặt tính theo cột dọc. Kết quả:

$$321 + 83 = 404$$

$$634 - 307 = 327$$

$$102 \times 6 = 612$$

$$764 : 4 = 191$$

Câu 2. (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức

$$8 \text{ dam} + 5 \text{ dam} \times 2 = 8 \text{ dam} + 10 \text{ dam} \\ = 18 \text{ dam}$$

$$56 \text{ dm} \times 8 : 2 = 448 \text{ dm} : 2 \\ = 224 \text{ dm}$$

Câu 3. (1,5 điểm) Có ba thùng dầu, mỗi thùng chứa 125l. Người ta đã lấy ra 185 l dầu từ các thùng dầu đó. Hỏi còn lại bao nhiêu lít dầu ?

Bài giải

Ban đầu có tất cả số lít dầu là:

$$125 \times 3 = 375 \text{ (l)}$$

Sau khi lấy còn lại số lít dầu là:

$$375 - 185 = 190 \text{ (l)}$$

Đáp số: 190l

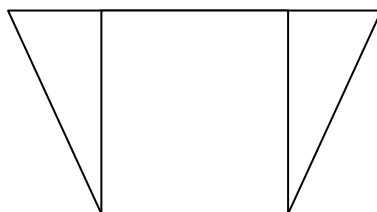
Câu 4. (1 điểm) Có 57 người cần qua sông. Mỗi chiếc thuyền chỉ chở được nhiều nhất là 7 người (không kể lái thuyền). Hỏi cần ít nhất bao nhiêu thuyền để chở một lượt hết số người đó

Thực hiện phép chia ta có: $57 : 7 = 8$ (dư 1)

Vậy cần ít nhất $8 + 1 = 9$ thuyền để chở một lượt hết số người đó.

Câu 5: (0,5 điểm) Hình bên có :

- 6 góc vuông
- 4 góc không vuông



ĐỀ 8

Bài 1:(2,5 điểm) **Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng**

Câu	a	b	c	d	e
Đáp án	C	C	B	B	D

Bài 2: (0,5 điểm)

348, 354, 435, 436, 534, 543.

Bài 3: (1,5 điểm) **Đúng ghi Đ, sai ghi S**

Chu vi hình chữ nhật bằng hai lần tổng độ dài của chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật đó. Đ S

Muốn tính chu vi hình tam giác ta lấy độ dài một cạnh rồi nhân với 3

Muốn tìm $\frac{1}{3}$ của 9 ta lấy 9×3 S

Bài 4: (2 điểm) **Đặt tính theo cột dọc. Kết quả đúng :**

a) $125 + 238 = 363$ b) $424 - 81 = 343$ c) $106 \times 8 = 848$ d) $486 : 6 = 81$

Bài 5: (1 điểm) **Tính giá trị biểu thức**

$$56 : 4 + 45 = 14 + 45$$

=

$$95 - 85 : 5 = 95 - 17$$

= 78

Bài 6. (1,5 điểm) Một người bán hàng lấy ra 60 cái cốc xếp vào các hộp để bán và đã bán 6 cái cốc. Số cốc còn lại được xếp đều vào 9 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu cái cốc?

Bài giải :

Sau khi bán, người đó còn lại số cái cốc là

$$60 - 6 = 54 \text{ (cái)}$$

Mỗi hộp có số cái cốc là:

$$54 : 9 = 6 \text{ (cái)}$$

Đáp số: 6 cái cốc

Bài 7. (1 điểm) Từ ba chữ số 3, 4, 5 viết tất cả các số có ba chữ số khác nhau (Mỗi chữ số không lặp lại). Có bao nhiêu số như thế?

Các số có ba chữ số khác nhau lập được từ các chữ số : 3, 4, 5 là

543, 534, 453, 435, 354, 345.

ĐỀ 9

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	B	C	A	A	C	C

B. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính theo cột dọc. Kết quả đúng

- a) $248 + 136 = 384$ b) $375 - 128 = 247$ c) $48 \times 6 = 288$ d) $79 : 7 = 11$ (dư 2)

Bài 2: (1 điểm) Tính:

$$\begin{array}{ll} \text{a) } 84 \times (85 - 79) & = 84 \times 6 \\ & = 504 \end{array} \qquad \qquad \qquad \begin{array}{ll} \text{b) } 23 \times 9 + 15 & = 207 + 15 \\ & = 222 \end{array}$$

Bài 3:(0,5 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$$\frac{1}{6} \text{ giờ} = 10 \text{ phút} \qquad ; \qquad 5\text{m } 8\text{dm} = 58\text{dm}$$

Bài 4: (1,5 điểm) Đoạn dây thứ nhất dài 18dm, đoạn dây thứ hai dài gấp 6 lần đoạn dây thứ nhất. Hỏi đoạn dây thứ hai dài bao nhiêu đề-xi-mét ?

Bài giải

Đoạn dây thứ hai dài là:

$$18 \times 6 = 108 \text{ (dm)}$$

Cả hai đoạn dây dài là:

$$108 + 18 = 126 \text{ (dm)}$$

Đáp số: 126dm

Bài 5: (1 điểm) Tính nhanh:

a) $1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19$

b) $815 - 23 - 77 + 185$

$$\begin{aligned} \text{a) } & 1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19 \\ & = (1 + 19) + (3 + 17) + (5 + 15) + (7 + 13) + (9 + 11) \\ & = 20 + 20 + 20 + 20 + 20 = 20 \times 5 = 100 \end{aligned}$$

b) $815 - 23 - 77 + 185 = (815 + 185) - (23 + 77) = 1000 - 100 = 900$

ĐỀ 10

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	A	A	D	D	B	D

II. PHÂN TỰ LUẬN: (3 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Đặt tính theo cột dọc, kết quả đúng:

a, $761 + 128 = 889$

b, $485 - 92 = 393$

c) $32 \times 3 = 96$

d) $684 : 2 =$

342

Câu 2 : Số ?(1 điểm)

$4\text{m } 3\text{dm} = 43 \text{ dm}$

$5\text{hm } 2\text{dam} = 520 \text{ m}$

$4580 \text{ g} = 4 \text{ kg } 580\text{g}$

$2\text{kg } 6\text{g} = 2006 \text{ g}$

Câu 3: (1,5 điểm) Một đoàn xe chở 105 cán bộ đi công tác. Xe đi đầu tiên có 15 người.

Số còn lại ngồi trên các xe sau, mỗi xe chở 9 người. Hỏi đoàn xe có bao nhiêu xe?

Bài giải

Những xe sau chở số người là:

$105 - 15 = 90$ (người)

Đoàn xe có tất cả số xe là:

$90 : 9 + 1 = 11$ (xe)

Đáp số: 11 xe

Câu 4:(0,5 điểm)Tìm số lớn nhất, bé nhất trong các số sau: 375, 421, 573, 241, 735, 142

a) Số lớn nhất là số: 735 b) Số bé nhất là số : 142

Câu 5: (1 điểm)Tìm số chia và số bị chia bé nhất sao cho phép chia có thương bằng 15 và số dư là 5 .

Trong phép chia có số dư là 5 thì số chia bé nhất là 6

Khi đó số bị chia là $15 \times 6 + 5 = 95$

.....**Hết**.....

ĐỀ 11

Bài 1 : (2 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. Số liền trước số 160 là: 159

b. $229\text{g} + 771\text{g} = 1000\text{ kg}$

c. $2\text{dam} = 20\text{ m}$

d. Số lớn nhất trong các số 978, 789, 987, 897 là: 978

Bài 2 : (2 điểm) Khoanh tròn chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	A	A	C

Bài 3 : (2 điểm) Đặt tính theo cột dọc, kết quả đúng

a) $423 + 207 = 630$ b) $654 - 215 = 439$ c) $132 \times 3 = 396$ d) $250 : 5 = 50$

Bài 4 : (1điểm) Tính giá trị biểu thức

a. $90 + 28 : 2 = 90 + 14 = 104$ b. $123 \times (82 - 80) = 123 \times 2 = 246$

Bài 5:(1điểm) Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm.

$\frac{1}{6}$ giờ < 20 phút ; $5\text{m } 8\text{cm} < 580\text{ cm}$
 $8\text{ kg} > 7800\text{g}$; $7\text{hm} 80\text{m} = 780\text{m}$

Bài 6 : (1,5 điểm)

Bài giải

Nhà Lan nuôi số con gà mái là:

$$6 \times 4 = 24 \text{ (con)}$$

Nhà Lan nuôi số con gà là:

$$6 + 24 = 30 \text{ (con)}$$

Đáp số: 30 con gà

Bài 7 : (1điểm)

Nếu thêm vào số bị trừ 12 đơn vị và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới sẽ tăng 12 đơn vị.

Hiệu mới là: $76 + 12 = 88$

ĐỀ 12

Bài 1 (2 điểm): Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu	a	b	c	d
Đáp án	C	A	B	D

Bài 2 (2 điểm): Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống:

$$744g > 474g$$

$$305g < 350g$$

$$900g + 50g < 1kg$$

$$400g = 440g - 40g$$

Bài 3 (2 điểm): Đặt tính theo cột dọc. Kết quả đúng

$$487 + 302 = 789$$

$$660 - 251 = 409$$

$$124 \times 3 = 372$$

$$845 : 7 = 120 \text{ dư } 5$$

Bài 4 (1,5 điểm): Tìm x

$$a) X : 6 = 144$$

$$X = 144 \times 6$$

$$X = 864 \text{ (0,5 điểm)}$$

$$b) (X + 5) : 7 = 8$$

$$X + 5 = 8 \times 7$$

$$X + 5 = 56$$

$$X = 56 - 5$$

$$X = 51 \text{ (1 điểm)}$$

Bài 5 (1,5 điểm):

Bài giải

Buổi chiều tổ công nhân đó sửa được số mét đường là:

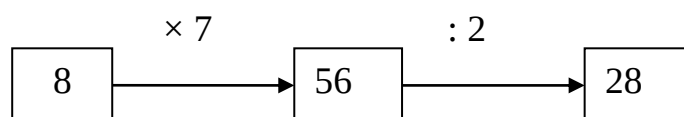
$$24 : 3 = 8 \text{ (m)}$$

Buổi sáng tổ công nhân đó sửa được nhiều hơn buổi chiều số mét đường là:

$$24 - 8 = 16 \text{ (m)}$$

Đáp số: 16m đường

Bài 6 (1 điểm) Viết số thích hợp vào ô trống



ĐỀ 13

Bài 1: (2 điểm) Mỗi bài tập dưới đây có nêu kèm theo một số câu trả lời A, B, C, D (là đáp số, kết quả tính). Hãy khoanh vào chữ đứng trước câu trả lời đúng.

Câu	a	b	c	d
Đáp án	B	A	C	C

Bài 2: (2 điểm) Tính nhẩm:

$$8 \times 5 = 40 \qquad 45 : 9 = 5 \qquad 6 \times 9 = 54 \qquad 9 \times 9 = 81$$

$$9 \times 7 = 63 \qquad 42 : 7 = 6. \qquad 64 : 8 = 8 \qquad 7 \times 4 = 28$$

Bài 3: (1 điểm) Đếm thêm rồi viết tiếp số thích hợp vào chỗ chấm:

$$12 ; 18 ; 24 ; 30 ; 36 ; 42$$

$$9 ; 18 ; 27 ; 36 ; 45 ; 54$$

Bài 4: (2 điểm) Đặt tính theo hàng dọc. Kết quả đúng:

$$37 \times 6 = 222$$

$$216 \times 4 = 864$$

$$724 : 4 = 181$$

$$937 : 5 = 187 \text{ (dư 2)}$$

Bài 5: (1 điểm) Tính giá trị biểu thức:

$$\begin{aligned} \text{a) } 408 + 96 : 6 &= 408 + 16 \\ &= 424 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } (43 + 57) \times 3 &= 100 \times 3 \\ &= 300 \end{aligned}$$

Bài 6: (1,5 điểm)

Bài giải

Đội xe thứ hai có số xe là:

$$16 \times 3 = 48 \text{ (xe)}$$

Cả hai đội có số xe là:

$$16 + 48 = 64 \text{ (xe)}$$

Đáp số: 64 xe

b. (0,5 điểm) Điền số thích hợp để được phép tính đúng:

$$36 = 3 \times 4 \times 3$$

ĐỀ 14

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1 (4 điểm) *Hãy khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng*

Câu	a	b	c	d	e	g	h	i
Đáp án	A	C	D	A	B	C	D	B

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 2: (2 điểm) **Đặt tính theo cột dọc. Kết quả đúng**

a. $348 + 71 = 419$

b. $619 - 128 = 491$

c. $139 \times 4 = 556$

d. $651 : 3 = 217$

Câu 3: (1 điểm) Tìm x

$$x \times 8 = 24$$

$$120 : x = 4$$

$$x = 24 : 8$$

$$x = 120 : 4$$

$$x = 3$$

$$x = 30$$

Câu 4: (1,5 điểm)

Bài giải

Sau khi đẻ thêm được 4 thỏ con thì bây giờ có tất cả số thỏ con là:

$$31 + 4 = 35 \text{ (con)}$$

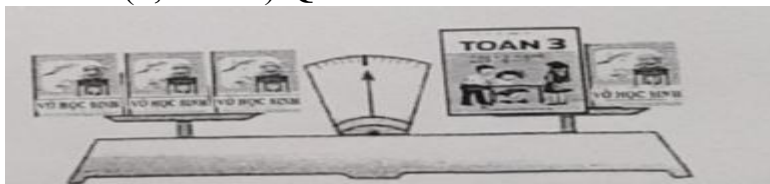
Số thỏ con gấp số thỏ mẹ số lần là:

$$35 : 7 = 5 \text{ (lần)}$$

Vậy số thỏ mẹ bằng $\frac{1}{5}$ số thỏ con

Đáp số: $\frac{1}{5}$

Câu 5: (1,5 điểm) **Quan sát hình vẽ sau và trả lời câu hỏi**



Đĩa cân bên trái có 3 quyển vở 100 trang, mỗi quyển nặng 120g. Đĩa cân bên phải gồm 1 quyển sách Toán và 1 quyển vở 100 trang. Hỏi khi cân thăng bằng, quyển sách Toán nặng bao nhiêu gam? (Biết rằng các quyển vở ở cả hai bên đĩa cân đều có số cân nặng như nhau). Giải thích vì sao em tìm ra được số cân nặng của quyển sách Toán?

Bài giải

Cân nặng của 3 quyển vở 100 trang ở đĩa cân bên trái là:

$$120 \times 3 = 360 \text{ (g)}$$

Vì đĩa cân thăng bằng nên đĩa cân bên phải (gồm quyển sách Toán và quyển vở 100g) cũng có cân nặng là 360g

Vậy cân nặng của quyển sách Toán là:

$$360 - 120 = 240 \text{ (g)}$$

Đáp số: 240g

ĐỀ 15

Bài 1: (3 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng:

Câu	a	b	c	d	e	g
Đáp án	A	C	B	A	C	C

Bài 2: (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a, 72; 64; 56; 48; 40 b, 26; 35 ; 44; 53 ; 62

Bài 3 : (0,5 điểm) Một người đi bán 93 quả trứng. Sau khi bán, số trứng giảm đi 3 lần. Người đó còn lại 62 quả trứng.

Bài 4: (2 điểm) Đặt tính theo cột dọc. Kết quả đúng:

$$\begin{array}{r} 435 + 127 = 562 \\ 392 - 245 = 147 \\ 124 \times 3 = 372 \\ 726 : 6 = 121 \end{array}$$

Bài 5: (1 điểm) Tính giá trị biểu thức.

$$\begin{array}{r} 9 \times 5 + 15 = 45 + 15 \\ = 60 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 106 + 32 : 4 = 106 + 8 \\ = 114 \end{array}$$

Bài 6: (1,5 điểm)

Bài giải

Quãng đường từ hiệu thuốc đến bưu điện dài là :

$$150 \times 5 = 750 \text{ (m)}$$

Đi từ nhà đến bưu điện, bác An đi quãng đường dài là :

$$150 + 750 = 900 \text{ (m)}$$

Đáp số : 900m

Bài 7: (1 điểm) a) Tính nhanh:

$$\begin{array}{r} 116 + 62 - 16 + 38 \\ = (116 - 16) + (62 + 38) \\ = 100 + 100 \\ = 200 \end{array}$$

b) Điền chữ số thích hợp vào ô trống

$$\begin{array}{r} 124 \\ \times 3 \\ \hline 372 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 199 \\ \times 5 \\ \hline 995 \end{array}$$

ĐỀ 16

Bài 1: (2,5 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng:

Câu	a	b	c	d	e
Đáp án	B	C	A	A	A

Bài 2: (2 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

b) Giá trị của biểu thức $288 + 24 : 6$ là 294 S

b) Một hình chữ nhật có chiều dài 15cm, chiều rộng 1dm thì chu vi của hình chữ nhật đó là 32 S

c) $6m\ 3cm = 603cm$. Đ

d) Số 475 đọc là bốn trăm bảy mươi năm. S

Bài 3: (2 điểm) Đặt tính theo hàng dọc. Kết quả đúng :

$$\begin{array}{r} 156 \\ + 217 \\ \hline 373 \end{array}$$

$$463 - 118 = 345$$

$$324 \times 3 = 972$$

$$504 : 6$$

Bài 4: (1 điểm) Tìm x

$$x : 5 = 4 \text{ (dư 2)}$$

$$472 - x = 50 : 5$$

$$x = 4 \times 5 + 2$$

$$472 - x = 10$$

$$x = 22$$

$$x = 472 - 10$$

$$x = 372$$

Bài 5: (1,5 điểm) Một người nuôi 4 con ngỗng và 55 con vịt. Sau đó người ta bán đi 7 con vịt. Hỏi số vịt còn lại gấp bao nhiêu lần số ngỗng?

Bài giải

Sau khi đã bán đi 7 con vịt thì người đó còn lại số vịt là :

$$55 - 7 = 48 \text{ (con vịt)}$$

Số vịt còn lại gấp số ngỗng số lần là :

$$48 : 4 = 12 \text{ (lần)}$$

Đáp số : 12 lần

Bài 6: (1 điểm) Có bao nhiêu số có ba chữ số mà mỗi số đều có ba chữ số khác nhau và tổng ba chữ số này bằng 3? Hãy viết ra đủ các số đó.

Các số có ba chữ số mà mỗi số đều có ba chữ số khác nhau và tổng ba chữ số này bằng 3 là: 210, 120. Có 2 số như vậy.

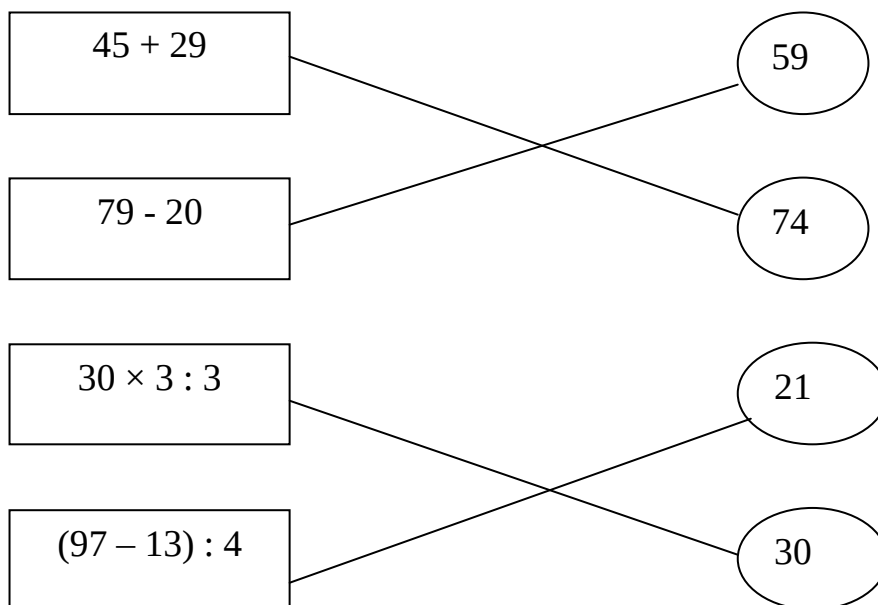
ĐỀ 17

I/ Phần trắc nghiệm: (4 đ)

Bài 1: (2,5 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng

Câu	a	b	c	d	e
Đáp án	B	C	D	D	C

Bài 2: (2 điểm) Nối phép tính và biểu thức với giá trị của nó:



II/ Phần tự luận

Bài 1: (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức:

$$267 + 125 - 278 = 392 - 278$$

$$= 114$$

$$538 - 38 \times 3 = 538 - 114$$

$$= 424$$

Bài 2. (1 điểm) Tìm x:

$$x : 7 = 100 + 8$$

$$x \times 7 = 357$$

$$x : 7 = 108$$

$$x = 357 : 7$$

$$x = 108 \times 7$$

$$x = 51$$

$$x = 756$$

Bài 3: (1 điểm) Viết tiếp vào chỗ chấm để hoàn chỉnh câu nêu quy tắc tính chu vi các hình

Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng chiều rộng rồi nhân với 2

Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4

Bài 4: (1,5 điểm) Giải bài toán

Đàn gà có 32 con mái và 10 con trống. Người ta đem bán đi 2 con trống. Hỏi số gà trống còn lại bằng một phần mấy số gà mái?

Bài giải

Sau khi bán đi 2 con gà trống thì đàn gà còn lại số gà trống là:

$$10 - 2 = 8 \text{ (con)}$$

Sau khi bán đi 2 con gà trống, số gà mái trong đàn gấp số gà trống số lần là:

$$32 : 8 = 4 \text{ (con)}$$

Đáp số: 4 con

Bài 5: (1 điểm) Cho các số: 15, 20, 23, 25, 37, 40.

Hãy tìm 4 số trong các số đã cho để tổng của bốn số đó bằng 100. Viết phép tính đúng.

4 số có tổng là 100 là: 15, 25, 23, 37

Phép tính đúng:

$$15 + 25 + 23 + 37 = 100$$

ĐỀ 18

I/ Phần trắc nghiệm: (4 đ)

Bài 1: 2 điểm

Câu	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>
Đáp án	<i>D</i>	<i>B</i>	<i>D</i>	<i>C</i>

Bài 2: (2 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S

- a) $5\text{ kg} + 16\text{ kg} = 21000\text{g}$ Đ c) $6505\text{g} > 6\text{kg}500\text{g}$ Đ
 b) $7150\text{g} = 7\text{kg}15\text{g}$ S d) $\frac{1}{6}$ của 3 kg là 500g Đ

II/ Phần tự luận

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính theo cột dọc. Kết quả đúng

$$\begin{array}{r} 457 \\ + 395 \\ \hline 852 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 348 \\ - 79 \\ \hline 269 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 138 \\ \times 3 \\ \hline 54 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 318 \\ : 3 \\ \hline 106 \end{array}$$

Bài 2. (1 điểm) Tìm x:

$$\begin{array}{l} 614 - x = 45 + 325 \\ x = 370 \\ x = 614 - 370 \\ x = 244 \end{array} \qquad \begin{array}{l} 84 : x = 3 \\ x = 84 : 3 \\ x = 28 \end{array}$$

Bài 3: (1 điểm) Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé

316, 367, 428, 679, 675, 931

Trong các số trên, số nào là số lớn nhất? Số nào là số bé nhất?

Các số được viết theo thứ tự từ lớn đến bé: 931, 679, 675, 428, 367, 316

Số lớn nhất: 931, số bé nhất: 316

Bài 4: (1,5 điểm) Giải bài toán

Bài giải

Chiều rộng của hình chữ nhật là:

$$36 : 3 = 12 \text{ (cm)}$$

Chu vi của hình chữ nhật là:

$$(12 + 36) \times 2 = 96 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 96cm

Bài 5 : (0,5 điểm) Trong một phép trừ, số bị trừ lớn hơn hiệu 15 đơn vị. Tìm số trừ.

Số trừ bằng số bị trừ trừ đi hiệu. Theo bài ta có số bị trừ lớn hơn hiệu 15 đơn vị tức là số bị trừ trừ đi hiệu bằng 15. Vậy số trừ bằng 15.

ĐỀ 19

Bài 1: (2 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng

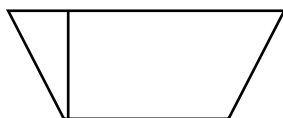
Câu	a	b	c	d
Đáp án	D	C	B	A

Bài 2: (1,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống ☐

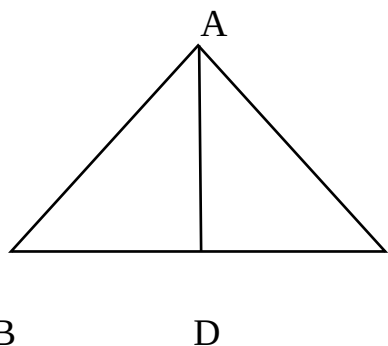
a) $\frac{1}{5}$ ngày là 10 giờ. S

b) Ba bạn Ân, Nam, Cường thi nhảy bật xa. Ân bật xa 1m 9cm, Nam bật xa 108cm, Cường bật xa 1m 1dm. Vậy Cường bật được xa nhất. Đ

c) Hình vẽ dưới đây có 3 góc không vuông S



Bài 3: (1 điểm) Hãy nêu tên đỉnh và các cạnh của các góc vuông trong hình dưới đây:



Góc vuông đỉnh D cạnh DB, DA

Góc vuông đỉnh D cạnh DA, DC

Bài 4: (2 điểm) Đặt tính theo cột dọc, kết quả đúng:

$$627 + 194 = 821$$

$$939 - 261 = 678$$

$$218 \times 4 = 872$$

$$346 : 5 = 69 \text{ (dư 1)}$$

Bài 5. (1 điểm) Tìm x:

$$235 - x = 97$$

$$348 : x = 4 + 2$$

$$x = 235 - 97$$

$$x = 6$$

$$x = 138$$

$$x = 348 : 6$$

$$= 64$$

Bài 4: (1,5 điểm) Giải bài toán

Một cửa hàng bán dụng cụ học sinh ngày đầu bán 450 quyển vở. Ngày thứ hai bán số vở ít hơn số vở bán trong ngày đầu là 42 quyển. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu quyển vở trong cả hai ngày?

Bài giải

Ngày thứ hai cửa hàng đó bán được số quyển vở là:

$$450 - 42 = 408 \text{ (quyển)}$$

Cả hai ngày, cửa hàng đó bán được số quyển vở là:

$$450 + 408 = 858 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 858 quyển vở

Bài 5: (1 điểm) Có 3 bạn Quang, Hồng, Mai cùng thi nhau giải một đề toán. Kết quả 3 bạn đều có đáp án đúng nhưng thời gian giải khác nhau. Bạn Quang giải trong nửa giờ, Hồng giải chậm hơn Quang 2 phút nhưng lại giải nhanh hơn Mai 5 phút. Theo em, ai là người chiến thắng? Vì sao?

Bạn Hồng giải nhanh hơn bạn Mai nhưng lại giải chậm hơn bạn Quang. Vậy bạn Quang giải nhanh hơn cả bạn Hồng và bạn Mai. Bạn Quang là người chiến thắng.

ĐỀ 20

I/ Phần trắc nghiệm:

Bài 1: (2 điểm) Khoanh tròn vào đáp án đúng

Câu	a	b
Đáp án	D	B

Bài 2: (1 điểm) Điền số thích hợp vào ô trống

Có 9 số có ba chữ số giống nhau.

Số tròn trăm thích hợp điền vào ô trống để : $629 < \square < 748$ là: 700

Bài 3: (1 điểm) Nối bài toán tìm x với giá trị đúng của x

$2 \times x = 648$	$x = 279$
$x : 4 = 221$	$x = 324$
$x + 273 = 789$	$x = 884$
$642 - x = 363$	$x = 516$

Bài 4: (2 điểm) Đặt tính theo cột dọc. Kết quả đúng

$$315 + 658 = 973$$

$$239 - 75 = 164$$

$$224 \times 3 = 672$$

$$675 : 9 =$$

75

Bài 5. (1 điểm) Tính giá trị biểu thức

$$24\text{km} : 3 + 102\text{km} = 8\text{km} + 102\text{km}$$

$$63\text{m} - 14\text{m} : 7 = 63\text{m} - 2\text{m}$$

$$= 110\text{km}$$

$$= 61\text{m}$$

Bài 4: (1,5 điểm) Giải bài toán

Bài giải

Người ta đã đóng được tất cả số gói là:

$$960 : 5 = 192 \text{ (gói)}$$

Có số thùng vỡ là:

$$192 : 4 = 48 \text{ (thùng)}$$

Đáp số: 48 thùng vỡ

Bài 5: (1,5 điểm) Một đám đất hình chữ nhật có nửa chu vi bằng chu vi một khu vườn hình vuông cạnh 142m. Chiều dài của đám đất hình chữ nhật bằng 320m. Tính chiều rộng của đám đất hình chữ nhật ấy.

Bài giải

Nửa chu vi hình chữ nhật hay chính là chu vi hình vuông là:

$$142 \times 4 = 568 \text{ (m)}$$

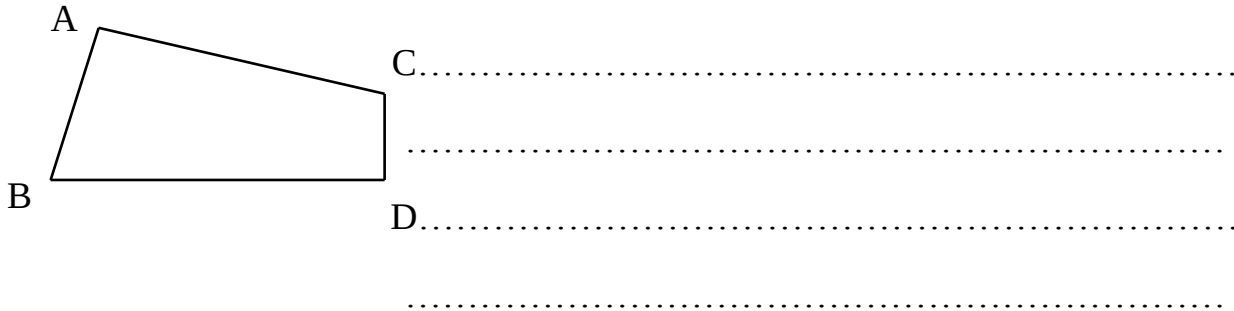
Chiều rộng của đám đất là:

$$568 - 320 = 248 \text{ (m)}$$

Đáp số: 248m

Hãy nêu tên đỉnh và cạnh của các góc vuông trong hình dưới đây

Hãy nêu tên đỉnh và cạnh của các góc vuông trong hình dưới đây



$$1000\text{g} \dots 900\text{g} + 5\text{g}$$

$$45\text{dam} - 16\text{dam} \dots 29 \text{ dam}$$

g) Số lớn bằng 96. Số lớn gấp 8 lần số bé. Số bé là:

A.24

B.16

C.12

D. 8

$$= 85 - 5$$

$$5 \times y = 80$$

$$y = 80 : 5$$

$$y = 16$$

$$136 \text{ mm} : 2 + 68\text{mm} = 68\text{mm} + 68\text{mm}$$

$$= 136\text{mm}.$$

$$403\text{cm} - 58\text{cm} : 2 = 403\text{cm} - 29\text{cm}$$

$$= 374\text{cm}$$